KIẾN THỨC CƠ BẢN

LỊCH SỬ 9





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TẠ THỊ THUÝ ANH

KIẾN THỨC CƠ BẢN
LỊCH SỬ
9

XUẤẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 9 thân mến!

Để giúp các em có điều kiện nâng cao năng lực tự học một cách tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức, chúng tôi biên soạn cuốn "Kiến thức cơ bản Lịch sử lớp 9".

Sách gồm có 4 phần:

Phần A: Kiến thức cơ bản.

Phần B: Câu hỏi trắc nghiệm.

Phần C: Một số đề kiểm tra tham khảo.

Phần D: Hướng dẫn trả lời :

- Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

- Hướng dẫn trả lời đề kiểm tra tham khảo.

Tuy chúng tôi đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, song trong quá trình biên soạn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của các em và bạn đọc.

Tác giả

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1945 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

BÀI 1
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945-1950)

- Tình hình đất nước Liên Xô sau Chiến tranh

+ Khó khăn: - Chịu hậu quả nặng nề do Chiến tranh thế giới thứ hai gây ra.

- Bên ngoài, các nước đế quốc phát động "chiến tranh lạnh" bao vây kinh tế, cô lập về chính trị... chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Thuận lợi: Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Xô Viết, nhân dân Liên Xô đã lao động quên mình để xây dựng lại đất nước.

- Thành tựu:

+ Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ tư, vượt mức trước thời hạn 9 tháng.

+ Đến năm 1950 sản xuất công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh.

+ Sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh.

+ Đời sống nhân dân được cải thiện.

+ Năm 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử.

1. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

- Hoàn cảnh lịch sử:

+ Luôn bị các nước tư bản phương Tây chống phá về kinh tế, chính trị, quân sự.

+ Phải chịu chi phí lớn cho quốc phòng, để bảo vệ nền an ninh và thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Những thành tựu cơ bản:

+ Kinh tế: Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ). Giữa thập niên 70 chiếm gần 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.

+ Khoa học-kĩ thuật: Chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học-kĩ thuật thế giới, đặc biệt ngành khoa học vũ trụ, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

+ Đối ngoại: Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập tự do cho các dân tộc. Là nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô được coi là thành trì của hoà bình thế giới và chỗ dựa của cách mạng thế giới.

II. Đông Âu

1. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

- Hoàn cảnh lịch sử và quá trình ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu: Những năm 1944-1945, lợi dụng thời cơ Hồng quân Liên Xô tiến quân truy kích quân đội phát xít Đức qua lãnh thổ Đông Âu, nhân dân và các lực lượng vũ trang các nước Đông Âu đã nổi dậy phối hợp với Hồng quân tiêu diệt bọn phát xít, giành chính quyền, thành lập các nước dân chủ nhân dân.

- Trong thời kì 1945-1949, các nước Đông Âu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân mà ngày nay thường gọi là cách mạng dân tộc dân chủ:

+ Xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân.

+ Tiến hành cải cách ruộng đất.

+ Quốc hữu hoá các xí nghiệp lớn của chủ tư bản.

+ Ban hành các quyền tự do dân chủ.

2. Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

- Công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu diễn ra trong điều kiện khó khăn phức tạp:

+ Cơ sở vật chất-kĩ thuật nghèo nàn, lạc hậu.

+ Bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá.

- Nhờ sự hỗ trợ của Liên Xô và sự nỗ lực của nhân dân trong nước, các nước Đông Âu đã đạt nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng CNXH, bộ mặt đất nước ngày càng thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được tăng lên, mọi âm mưu phá hoại bị dập tắt.

- Công cuộc xây dựng XHCN ở Đông Âu cũng phạm một số thiếu sót và sai lầm...

III. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa

- Những cơ sở để hình thành sự hợp tác về chính trị và kinh tế giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

+ Đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng.

+ Đều có mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Với sự ra đời của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) năm 1949 và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955) đã hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước?

a. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

b. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

c. Tính ưu việt của CNXH và nhiệt tình của nhân dân sau ngày chiến thắng.

d. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

Câu 2.Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh?

a. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

b. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.

c. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

d. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).

Câu 3.Trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX), số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất?

a. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được115,9 triệu tấn.

b. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.

c. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.

d. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Câu 4. Chiến lược phát triển kinh tế của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới hai chú trọng vào:

a. phát triển nền công nghiệp nhẹ.

b. phát triển nền công nghiệp truyền thống.

c. phát triển kinh tế công-nông- thương nghiệp.

d. phát triển công nghiệp nặng.

Câu 5. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liêm Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì?

a. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.

b. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh về hạt nhân nói riêng

c.Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 6. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp của Liên Xô được tiến hành trên cơ sở nào?

a. Sự quan tâm đến lợi ích vật chất đối với người dân.

b. Những thành tựu của công nghiệp.

c. Các biện pháp hành chính.

d. Cả a, b, c đều đúng.

Câu7. Trong tiến trình Chiến tranh thế giới thứ hai Hồng quân Liên Xô tiến vào các nước Đông Âu nhằm mục đích gì?

a. Xâm lược các nước này.

b. Tạo điều kiện cho nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ tư bản.

c. Tạo điều kiện cho nhân dân các nước này nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chế độ dân chủ nhân dân.

d. b và c đều đúng.

Câu 8. Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX là gì?

a. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

b. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

c. Hòa bình và tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

d. Chỉ làm bạn với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 9. Nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu là gì?

a. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ban hành các quyền tự do dân chủ

b. Tiến hành cải cách ruộng đất.

c. Quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu10. Cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu đã làm gì để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân?

a. Triệt phá âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động.

b. Cải cách ruộng đất.

c. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản.

d. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Câu11. Lý do nào là chủ yếu nhất để chứng minh sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu có ý nghĩa quốc tế?

a. Cải thiện một bước đời sống nhân dân.

b. Thực hiện một số quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

c. Tạo điều kiện để Đông Âu bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

d. Tăng cường sức mạnh bảo vệ hòa bình thế giới và góp phần hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa từ năm 1949.

Câu12. Sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã làm gì?

a. Tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.

b. Tiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

c. Một số nước tiến lên xã hội chủ nghĩa, một số nước tiến lên tư bản chủ nghĩa.

d. Một số nước thực hiện chế độ trung lập.

Câu13. Chỗ dựa chủ yếu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu là:

a. Thành quả của cách mạng dân chủ nhân dân (1946 -1949) và nhiệt tình của nhân dân.

b. Sự hoạt động và hợp tác của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

c. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

d. Sự hợp tác giữa các nước Đông Âu.

Câu 14.Mục đích của việc thành lập Hội đồng Tương trợ Kinh tế là gì?

a. Cần có sự hợp tác nhiều bên.

b. Sự phân công và chuyên môn hóa trong sản xuất giữa các nước XHCN nhằm nâng cao năng suất lao động và xóa bỏ tình trạng chênh lệch về trình độ.

c. Tăng thêm sức mạnh trong việc đối phó với chính sách bao vây kinh tế của các nước Phương Tây.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu15. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vác- sa-va mang tính chất:

a. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu.

b. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

c. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCNở châu Âu.

d. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

BÀI 2
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

* Bối cảnh, nguyên nhân làm cho Liên Xô lâm vào tình trạng "trì trệ" dẫn đến khủng hoảng.

* *Kinh tế:* Lâm vào khủng hoảng.

- Công nghiệp trì trệ, nông nghiệp sa sút.
- Hàng hoá, lương thực, thực phẩm khan hiếm.

* *Chính trị xã hội:* Những vi phạm về pháp chế, thiếu dân chủ, các tệ nạn quan liêu, tham nhũng ngày càng trầm trọng.

- Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện.
- Goóc-ba-chốp đề ra đường lối cải cách năm 1985.

* *Nội dung công cuộc cải tổ của Goóc-ba-chốp:*

- Về chính trị: Thực hiện chế độ tổng thống, đa nguyên về chính trị, xoá bỏ chế độ một đảng.
- Về kinh tế: Thực hiện nền kinh tế thị trường nhưng trong thực tế chưa thực hiện được.

Thực chất: - Từ bỏ, phá vỡ chủ nghĩa xã hội.

- Làm cho nền kinh tế thêm suy sụp, kéo theo sự rối loạn về chính trị và xã hội.

+ Cuộc đảo chính ngày 19-8-1991 thất bại, đưa lại hậu quả nghiêm trọng cho đất nước Xô Viết, Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.

+ 11 nước cộng hoà tách khỏi Liên bang, Liên bang Xô Viết tan rã.

Đó là Liên bang Nga và các nước cộng hoà U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a, Ca-dắc-xtan, Môn-đô-va, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Tuốc-mê-ni-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan và Tát-gi-ki-xtan.

+ Ngày 25-12-1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp từ chức, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

II. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu

- Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, các nước Đông Âu lâm vào khủng hoảng toàn diện, với mức độ gay gắt; bắt đầu từ Ba Lan rồi lan sang các nước Đông Âu.

- Những nhà lãnh đạo đất nước quan liêu, bảo thủ, tham nhũng.

- Bị các nước đế quốc bên ngoài kích động, quần chúng biểu tình, đòi thi hành cải cách kinh tế chính trị, thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị, tổng tuyển cử tự do. Đảng và nhà nước các nước Đông Âu phải chấp nhận những yêu cầu trên. Kết quả: Các thế lực chống CNXH thắng cử lên nắm chính quyền. Cuối năm 1989 chế độ XHCN bị sụp đổ hầu hết ở Đông Âu.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX?

a. Đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" khủng hoảng

b. Đất nước đã phát triển nhưng chưa bằng Tây Âu và Mĩ

c. Phải cải tổ để sớm áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật đang phát triển của thế giới.

d. Tất cả các lí do trên

Câu 2. Nội dung cơ bản của công cuộc "cải tổ" của Liên Xô là gì?

a. Cải tổ kinh tế triệt để, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế.

b. Cải tổ hệ thống chính trị.

c. Cải tổ xã hội.

d. Cải tổ kinh tế và xã hội.

Câu 3. Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

a. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá.

b. Chậm sửa chữa những sai lầm.

c. Nhà nước nhân dân Xô viết, nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.

d. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

Câu 4. Quốc hội Cộng hòa Dân chủ Đức quyết định gia nhập Cộng hòa Liên bang Đức vào năm nào?

a. 1989. b. 1990.

c. 1991. d. 1992.

Câu 5. Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là:

a. Sự sụp đổ của chế độ XHCN.

b. Sự sụp đổ của mô hình XHCN chưa khoa học.

c. Sự sụp đổ của một đường lối sai lầm.

d. Sự sụp đổ của tư tưởng chủ quan, nóng vội.

Câu 6. Công cuộc xây dựng XHCN của các nước Đông Âu đã mắc phải một số thiếu sót và sai lầm là:

a. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

b. Tập thể hóa nông nghiệp.

c. Thực hiện chế độ bao cấp về kinh tế.

d. Rập khuôn, cứng nhắc mô hình xây dựng XHCN ở Liên Xô trong khi hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình khác biệt.

Câu 7. Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) giải thể vào năm nào?

a. 1989 b. 1990

c. 1991 d. 1992

Câu 8. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vac-sa- va giải thể năm nào?

a. 1989 b.1990

c. 1991 d. 1992

Câu 9. Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) bị giải thể do nguyên nhân nào?

a. Do "khép kín" cửa trong hoạt động.

b. Do không đủ sức cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu.

c. Do sự lạc hậu về phương thức sản xuất.

d. Do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 10. Hãy nối các niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1. 1949	a. Hội đồng Tương trợ Kinh tế giải thể.
2. 1957	b. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu.
3. 1991	c. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4. 1985	d. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1955	e. Thành lập tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vac-sa-va

CHƯƠNG II
CÁC NƯỚC Á, PHI, MỸ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 3
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX

- Cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc nhằm đập tan hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, nhấn mạnh nơi khởi đầu là Đông Nam Á, trong đó tiêu biểu là các nước In-đô-nê-xia, Việt Nam, Lào thành lập chính quyền cách mạng, tuyên bố độc lập trong năm 1945.
- Phong trào đã lan rộng sang Nam Á và Bắc Phi, nhiều nước đã giành được độc lập.
- Năm 1960 được gọi là " Năm Châu Phi": 17 nước tuyên bố độc lập, sau đó nhiều nước được trao trả độc lập.
- Ở Mĩ La-tinh, ngày 1-1-1959, cách mạng Cu Ba thành công, chế độ độc tài, thân Mĩ bị lật đổ.
- Tới giữa những năm 60, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân về cơ bản đã bị sụp đổ. Lúc này, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc chỉ còn tồn tại ở các nước thuộc địa của Bồ Đào Nha và ở miền Nam Châu Phi.

II. Giai đoạn từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

Tiêu biểu là phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghi-nê Bít-xao đấu tranh nhằm lật đổ ách thống trị của Bồ Đào Nha.

III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX

- Nội dung chủ yếu của giai đoạn này là đấu tranh nhằm xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (hay còn gọi là chế độ A-pác-thai). Cộng hoà Nam Phi, Dim-ba-bu-ê và Na-mi-bi-a là những nơi mà chế độ phân biệt chủng tộc đã từng tồn tại, nhân dân các nước Nam Phi đã đứng lên đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
- Sau nhiều năm đấu tranh bền bỉ và gian khổ, người da đen đã giành được thắng lợi thông qua các cuộc bầu cử với việc thành lập chính quyền của người da đen. Đó là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử.
- Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ hoàn toàn.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Quá trình tan rã của hệ thống thuộc địa thế giới vào khoảng thời gian nào?

a. Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
b. Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
c. Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.
d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 2. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

a. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

b. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

c. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po. Thái Lan.

d. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 3. Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B.

	A	B
1.	7/8/1945	a. Lào tuyên bố độc lập
2.	2. 2/9/1945	b. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập
3.	3. 12/10/1945	c. Việt Nam tuyên bố độc lập
4.	4. 1950	d. Ai Cập tuyên bố độc lập
5.	5. 1962	đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập
6.	6. 1952	e. An-giê-ri tuyên bố độc lập
7.	7. 1/1/1959	g. Irắc tuyên bố độc lập
8.	8. 1958	h. Cu Ba tuyên bố độc lập.

Câu 4. Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi", vì sao?

a. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

b. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

c. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

d. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

Câu 5. Phong trào đấu tranh giành độc lập của Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghi-nê Bit-xao nhằm đánh đổ ách thống trị của:

a. Phát xít Nhật.

b. Phát xít I-ta-li-a.

c. Thực dân Tây Ban Nha.

d. Thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 6. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

a. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

b. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

c. Chế độ phân biệt chủng tộc.

d. Chế độ thực dân.

Câu 7. Khởi đầu của phong trào giải phóng dân tộc diễn ra ở châu nào?

a. Châu Phi.

b. Mĩ La-tinh.

c. Đông Nam Á.

d. Cả 3 ý trên.

Câu 8. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc thắng lợi vào thời gian nào?

a. Giữa những năm 60.

b. Giữa những năm 70.

c. Giữa những năm 80.

d. Giữa những năm 90.

BÀI 4
CÁC NƯỚC CHÂU Á

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình chung

- Châu Á là lục địa rộng lớn, đông dân nhất thế giới, có nhiều nguồn tài nguyên phong phú, có nhiều tôn giáo, dân tộc khác nhau.
- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Châu Á đều bị các nước tư bản phương Tây nô dịch, bóc lột.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phần lớn các nước Châu Á đã giành được độc lập.
- Sau khi giành được độc lập, nhiều nước đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế. (vị trí và những thành tựu phát triển của Ấn Độ).
- Tuy nhiên, suốt nửa thế kỉ XX, tình hình Châu Á không ổn định vì những cuộc Chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc, hoặc những cuộc xung đột tranh chấp biên giới, lãnh thổ.

II. Trung Quốc

1. Sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài tới 3 năm (1946-1949) giữa Quốc dân đảng (Tưởng Giới Thạch) và Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- Cuối cùng Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thắng lợi. Ngày 1-10-1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập.
- Ý nghĩa của thắng lợi:
  + Kết thúc hơn 100 năm nô dịch của đế quốc, phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập.
  + Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã được nối liền từ châu Âu sang châu Á.

2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959)

- Hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế (1949-1959).
- Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957).
- Sau 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959), nền kinh tế, văn hoá, giáo dục Trung Quốc đạt được những thành tựu quan trọng.
- Về đối ngoại: Thi hành chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hoà bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

3. Đất nước trong thời kì biến động: (1959-1978)

- Năm 1959, Trung Quốc thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng": Đường lối chung, Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân.
  + Đường lối chung: Là "Dốc hết sức lực vươn lên xây dựng CNXH nhiều, nhanh, tốt, rẻ" (Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc -1958).
  + Đại nhảy vọt: Phong trào "toàn dân làm gang thép", để trong thời gian 15 năm, Trung Quốc sẽ vượt Anh về sản lượng thép và những sản phẩm công nghiệp khác (như Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố vào cuối năm 1957).

+ Công xã nhân dân: Một hình thức tổ chức liên hiệp nhiều hợp tác xã nông nghiệp cấp cao ở nông thôn Trung Quốc giai đoạn này. Về phương diện kinh tế, công xã nhân dân là một đơn vị sở hữu, thống nhất quản lí sản xuất, điều hành lao động, phân phối sản phẩm. Nền kinh tế lâm vào tình trạng hỗn loạn, đời sống nhân dân điêu đứng.

- Trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc đã diễn ra những bất đồng về đường lối, tranh chấp về quyền lực. Đỉnh cao của tranh giành quyền lực là cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản". Điều này đã gây ra thảm hoạ nghiêm trọng cho đất nước và người dân Trung Quốc.

4. Công cuộc cải cách-mở cửa (từ năm 1978 đến nay)

- Tháng 12-1987, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối đổi mới đất nước.

- Đường lối đổi mới: Chủ trương xây dựng chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm thực hiện cải cách và mở cửa nhằm mục tiêu hiện đại hoá đất nước, để Trung Quốc trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh.

- *Về đối ngoại:* Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới, góp sức giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

a. Các nước châu Á đã giành độc lập.

b. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

c. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

d. Tất cả các câu trên.

Câu 2. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất gì?

a. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

b. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

c. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

d. Một cuộc nội chiến.

Câu 3. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949) đánh dấu Trung Quốc đã:

a. Hoàn thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

b. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

c. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

d. Chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 4. Mười năm đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1949 - 1950), Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại gì?

a. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

b. Chống Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

c. Thi hành một chính sách đối ngoại tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

d. Quan hệ thân thiện với Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Câu 5. Chủ trương nào của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau 1959 đã gây nên tình trạng khủng hoảng và trì trệ của xã hội Trung Quốc?

a. Xây dựng "Công xã nhân dân".

b. Thực hiện đường lối "Đại nhảy vọt".

c. Thực hiện cuộc "Đại cách mạng hóa vô sản".

d. Tất cả đều đúng.

Câu 6. Thực chất của "Đại cách mạng văn hóa vô sản" (1966 - 1968) là gì?

a. Để sửa chữa sai lầm.

b. Để xây dựng tư tưởng XHCN.

c. Để tranh chấp quyền lực.

d. Để xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước.

Câu 7. Đường lối đổi mới trong chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc có đặc điểm gì?

a. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

b. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

c. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

d. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 8. Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?

a. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

b. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.

c. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

d. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 9. Sau 20 năm cải cách mở cửa (1979 - 1998) nền kinh tế Trung Quốc đã:

a. Ổn định và phát triển mạnh.

b. Phát triển nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.

c. Không ổn định và bị chững lại.

d. Bị cạnh tranh gay gắt.

Câu 10. Hãy nối các sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A.

A	B
1. 1/10/1949	a. Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Trung Quốc.
2. 1979-1998	b. Đại Cách mạng văn hóa vô sản.
3. 12-1978	c. Nội chiến lần thứ 4 ở Trung Quốc.
4. 1946-1949	d. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập.
5. 1953-1957	e. Thời kỳ cải cách mở cửa ở Trung Quốc.
6. 5/1966	g. TW Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới.

BÀI 5
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á là thuộc địa của các đế quốc thực dân phương Tây.

- Tháng 8-1945 khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, các nước Đông Nam Á đã nổi dậy chống ách thống trị thực dân, giành chính quyền.

- Ngay sau đó, các nước đế quốc phương Tây lại tiến hành xâm lược trở lại Đông Nam Á. Nhân dân Đông Nam Á đã đứng lên đấu tranh cực kì gian khổ, đến những năm 40 mới giành lại được độc lập.

- Đông Nam Á thời kì "Chiến tranh lạnh" (từ giữa những năm 50 của thế kỷ XX). Nét nổi bật của Đông Nam Á thời kì chiến tranh lạnh là: Mĩ đã can thiệp vào Đông Nam Á lập nên khối quân sự Đông Nam Á (SEATO) để đẩy lùi cách mạng ở Đông Nam Á (trong đó Thái Lan và Phi-lip-pin có tham gia vào tổ chức này). Tình hình Đông Nam Á trở nên đối đầu căng thẳng khi Mĩ tiến hành xâm lược Việt Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

II. Sự ra đời của tổ chức ASEAN

* *Sự ra đời của ASEAN:*

- Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tháng 8-1967 tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

* *Mục tiêu của ASEAN:* Xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hữu nghị, hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh. ASEAN là một tổ chức liên minh chính trị-kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

* *Mối quan hệ giữa 3 nước Đông Dương với ASEAN:*

- Khi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia kết thúc với thắng lợi vào năm 1975, các quan hệ ngoại giao giữa 3 nước Đông Dương và ASEAN đã được thiết lập.

- Năm 1979 do vấn đề Cam-pu-chia, nên quan hệ giữa 3 nước Đông Dương với các nước ASEAN trở nên căng thẳng và "đối đầu".

III. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"

- Tình hình khu vực Đông Nam Á sau "chiến tranh lạnh" - Mối quan hệ giữa các nước ASEAN với 3 nước Đông Dương đã chuyển từ "đối đầu" sang "đối thoại".

- Những điều kiện cho sự mở rộng các thành viên của tổ chức ASEAN và sự gia nhập vào tổ chức này của hàng loạt các nước trong khu vực từ năm 1984 cho đến nay.

+ Năm 1984, Bru-nây trở thành thành viên thứ sáu của tổ chức ASEAN.

+ Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, sau "Chiến tranh lạnh" và vấn đề Cam-pu-chia đã được giải quyết, tổ chức ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên. Việt Nam gia nhập ASEAN vào tháng 7-1995, tiếp đó kết nạp Lào, Mi-an-ma vào tháng 7-1997 và Cam-pu-chia tháng 4-1999.

- ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế (Thành lập AFTA) và xây dựng diễn đàn khu vực (ARF)

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma không tham gia "Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á" (SEANTO) ra đời ngày 8/9/1954?

a. Vì SEANTO là công cụ xâm lược do Mĩ lập ra.

b. Vì SEANTO chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

c. Vì một số nước Đông Nam Á (như Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a,...) có chính sách đối ngoại hòa bình trung lập.

d. Vì tất cả lí do nói trên.

Câu 2. Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

a. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

b. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.

c. Sự ra đời của khối ASEAN.

d. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 3. Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập với sự tham gia của 5 nước nào?

a. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan

b. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Phi-líp-pin, Xin-ga-po

c. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a

d. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a

Câu 4. Hãy nối các sự kiện ở cột B với các niên đại phù hợp ở cột A

A	B
1. 8/8/1967	a. Kháng chiến chống Mĩ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia thắng lợi.
2. 2/1976	b. Quân tình nguyện Việt Nam tiến vào Cam-pu-chia.
3. 12/1978	c. Hiệp ước các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập.
4. 1975	đ. Hiệp ước thành lập và hợp tác của các nước ASEAN.
5. 10/1991	e. Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia.

Câu 5. ASEAN là một tổ chức ra đời nhằm cùng nhau hợp tác trên lĩnh vực nào?

a. Kinh tế - chính trị
b. Quân sự - chính trị
c. Kinh tế - quân sự
d. Kinh tế

Câu 6. Từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN là gì?

a. Quan hệ hợp tác song phương.

b. Quan hệ đối thoại.

c. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.

d. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 7. Việt Nam gia nhập ASEAN vào khoảng thời gian nào?

a. Tháng 7/1994
b. Tháng 7/1995
c. Tháng 4/1994
đ. Tháng 8/1995

Câu 8. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN vào năm nào?

a. Năm 2000 b. Năm 2001 c. Năm 2002 d. Năm 2003

Câu 9. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

a. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch. b. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

c. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự. d. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 10. Năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á thành:

a. Một khu vực phồn thịnh. b. Một khu vực ổn định và phát triển.

c. Một khu vực mậu dịch tự do. d. Một khu vực hòa bình.

BÀI 6
CÁC NƯỚC CHÂU PHI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình chung

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Phi đều là thuộc địa của tư bản phương Tây.

- Sau Chiến tranh, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập diễn ra sôi nổi.

+ Khởi đầu là phong trào đấu tranh của nhân dân ở Bắc Phi. Cuộc binh biến ở Ai Cập (7-1952), cuộc đấu tranh vũ trang kéo dài 8 năm của nhân dân An-giê-ri (1954-1962).

+ Tiếp theo là phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ở khắp châu Phi chống lại sự thống trị của các nước đế quốc.

- Năm 1960 "Năm châu Phi" với 17 nước tuyên bố độc lập, năm 1975 hệ thống thuộc địa của Bồ Đào Nha tan rã, ra đời các quốc gia độc lập Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích... và việc thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) ở cộng hoà Nam Phi (1993).

- Công cuộc xây dựng đất nước: Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, nhưng chưa thay đổi được tình trạng đói nghèo lạc hậu.

- Từ cuối những năm 80, tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định như: Xung đột, nội chiến, đói nghèo, nợ nần và bệnh tật... có nhiều nguyên nhân đưa tới tình trạng đó, nhưng chia rẽ và xung đột, nội chiến đã và đang làm cho các nước châu Phi ngày càng khó khăn, lâm vào những thảm hoạ đau thương (Sự tàn phá của chiến tranh, sản xuất đình đốn, dịch bệnh, chết chóc, những chi phí lớn cho mua sắm vũ khí và nhu cầu quân sự...).

- Đã hình thành tổ chức khu vực là Tổ chức thống nhất châu Phi, nay gọi là Liên minh châu Phi.

II. Cộng hoà Nam Phi

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên bang Nam Phi nằm trong khối Liên hiệp Anh. Năm 1961, trước áp lực đấu tranh của nhân dân, Liên bang Nam Phi rút khỏi khối Liên hiệp Anh và tuyên bố là nước Cộng hoà Nam Phi.

- Thực dân da trắng đã thi hành chính sách phân biệt chủng tộc (gọi là chủ nghĩa A-pác-thai) trong hơn 3 thế kỉ ở Nam Phi.

- Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người dân da đen đã bền bỉ đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc, Cộng đồng quốc tế đã ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân da đen. Tháng 12-1993 chính quyền của người da trắng tuyên bố bãi bỏ chế độ A-pác-thai, trả tự do cho lãnh tụ ANC Man-đê-la sau 27 năm bị cầm tù. Tổ chức ANC và Đảng Cộng sản Nam Phi được thừa nhận là tổ chức hợp pháp.

- Tháng 4-1994, sau cuộc bầu cử đa chủng tộc đầu tiên ở Nam Phi, Nen-xơn Man-đê-la đã trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên ở đây.

- Chính quyền mới ở Nam Phi đã đưa ra Chiến lược kinh tế vĩ mô để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện mức sống của người da đen.

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở vùng nào?

a. Bắc Phi. b. Nam Phi.
c. Đông Phi. d. Tây Phi.

Câu 2. Lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi vì sao?

a. Tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.
b. Cả 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
c. Chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.
d. Hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.

Câu 3. Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc của các nước nào ở châu Phi?

a. Ai Cập. b. Tuy-ni-di. c. Ăng-gô-la. d. An-giê-ri.

Câu 4. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi?

a. 1960: "Năm châu Phi".
b. 1962: An-giê-ri được công nhân độc lập.
c. 1994: Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.
d. 11/1975: Nước Cộng hòa nhân dân Angôla ra đời.

Câu 5. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, các nước châu Phi vẫn còn gặp nhiều khó khăn do đâu?

a. Các cuộc xung đột nội chiến đẫm máu giữa các bộ tộc, sắc tộc.
b. Sự bùng nổ dân số, đói nghèo, bệnh tật, nợ nần chồng chất.
c. Sự xâm nhập, bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới.
d. Cả ba lí do trên.

Câu 6. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là ai?

a.Chủ nghĩa thực dân cũ. b. Chủ nghĩa thực dân mới.
c. Chủ nghĩa A-pác-thai. d. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 7. Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa A-pác-thai ở châu Phi là gì?

a. Bóc lột tàn bạo người da đen.
b. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.

c. Tước quyền tự do của người da đen.

d. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 8. Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi đánh dấu sự kiện lịch sử gì?

a. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

b. Đánh dấu sự bình đẳng giữa các dân tộc, màu da trên thế giới.

c. Sự chấm dứt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi kéo dài ba thế kỉ.

d. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

Câu 9. Chiến lược "kinh tế vĩ mô" (6/1996) ở Nam Phi ra đời với tên gọi là gì?

a. Giải quyết việc làm cho người lao động da đen.

b. Vì sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước.

c. Hội nhập, cùng phát triển.

d. Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại.

Câu 10. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc châu Phi được mệnh danh là "Đại lục mới trỗi dậy"?

a. Châu Phi thường xuyên bị động đất.

b. Châu Phi đánh thắng 17 kẻ thù đế quốc.

c. Châu Phi, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

d. Lí do nào cũng đúng.

BÀI 7
CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Những nét chung

- Mĩ La-tinh là một khu vực rộng lớn trải dài từ Mê-hi-cô (ở Bắc Mĩ) toàn bộ Trung và Nam Mĩ.

- Là vùng đất mới được phát hiện từ cuối thế kỉ XV, rất giàu về nông sản và khoáng sản.

- Thành phần dân cư ở Mĩ La-tinh rất đa dạng, bao gồm người di cư từ châu Âu tới, thổ dân da đỏ, những người từng là nô lệ được đưa đến từ châu Phi.

- Đa số nhân dân Mĩ La-tinh nói tiếng Tây Ban Nha, trừ Bra-xin nói tiếng Bồ Đào Nha. Chịu ảnh hưởng văn hoá Tây Ban Nha và nhiều nước châu Âu khác, cùng với sự hoà nhập các nền văn hoá châu Phi và thổ dân da đỏ. Tôn giáo ở Mĩ La-tinh chủ yếu là Thiên chúa giáo.

- Đầu thế kỉ XIX, nhân dân các nước Mĩ La-tinh đã đứng lên đấu tranh chống lại ách thống trị của Tây Ban Nha và giành được độc lập.

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ La-tinh lại trở thành thuộc địa kiểu mới hoặc phụ thuộc vào Mĩ.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh phát triển mạnh mẽ (được gọi là "Đại lục núi lửa" Mở đầu bằng cuộc cách mạng Cu Ba 1959.

- Nhân dân các nước Mĩ La-tinh đã khởi nghĩa vũ trang lật đổ chính quyền độc tài phản động thân Mĩ, thành lập chính phủ dân tộc-dân chủ.

- Từ những nước thuộc địa và tình trạng chậm phát triển đi lên, các nước Mĩ La-tinh đã thử nghiệm tất các các mô hình kinh tế như chiến lược thay thế nhập khẩu, chiến lược "Tự do đổi mới" với nội dung công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu, giảm vai trò nhà nước, tăng vai trò tư nhân, hoặc mô hình xây dựng đất nước theo chủ nghĩa xã hội như Cu Ba. Một số nước đã đạt trình độ phát triển khá cao như Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Bra-xin.

- Trong công cuộc xây dựng đất nước, các nước Mĩ La-tinh đã thu được một số thành tựu về kinh tế, xã hội. Nhưng từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế, chính trị ở nhiều nước Mĩ La-tinh lại gặp khó khăn, căng thẳng, do Mĩ tăng cường chống lại phong trào Cách mạng ở Grê-na-đa, Pa-na-ma uy hiếp và đe doạ cách mạng Ni-ca-ra-goa, tìm mọi cách phá hoại chế độ XHCN ở Cu Ba.

II. Cu Ba - Hòn đảo anh hùng

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã thiết lập ở Cu Ba chế độ độc tài quân sự do Ba-ti-xta đứng đầu, làm tay sai cho Mĩ.

- Ngày 26-7-1953, 153 thanh niên yêu nước dưới sự chỉ huy của luật sư trẻ tuổi Phi-đen Ca-xtơ-rô đã tấn công vào pháo đài Môn-ca-đa. Cuộc tấn công không giành được thắng lợi (Phi-đen Ca-xtơ-rô bị bắt giam và sau đó bị trục xuất sang Mê-hi-cô), nhưng mở đầu cho giai đoạn đấu tranh vũ trang để giải phóng đất nước.

- Ngày 25-11-1956, Phi-den Ca-xtơ-rô cùng 81 chiến sĩ yêu nước từ Mê-hi-cô trở về xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng rừng núi phía Tây của Cu Ba.

- Dưới sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và phong trào đấu tranh lan rộng ra cả nước. Ngày 1-1-1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng Cu Ba giành được thắng lợi hoàn toàn.

- Chính phủ cách mạng Cu Ba do Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu đã tiến hành cải cách dân chủ.

- Tháng 4-1961, quân nhân Cu Ba đã đánh thắng đội quân đánh thuê của Mĩ đổ bộ vào bãi biển Hi-rôn, Chính phủ Cu Ba tuyên bố: Cu Ba tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1965, Đảng Cộng sản Cu Ba ra đời.

- Trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài, giành chính quyền về tay nhân dân cũng như xây dựng đất nước (nhất là sau khi Liên Xô tan rã), nhân dân Cu Ba đã gặp vô vàn khó khăn, kể cả những thất bại ban đầu. Với khí phách hiên ngang của một dân tộc anh hùng, nhân dân Cu Ba dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Phi-đen Ca-xtơ-rô đã vượt qua mọi khó khăn, vững bước tiến lên.

- Sau hơn 40 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù bị Mĩ bao vây, cấm vận, nhân dân Cu Ba vẫn giành được nhiều thắng lợi to lớn: Kinh tế phát triển, trình độ văn hoá, giáo dục, y tế... được nâng cao.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ La-tinh ở trong tình trạng như thế nào?

a. Thuộc địa của Anh, Pháp.

b. Thuộc địa của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

c. Những nước hoàn toàn độc lập.

d. Những nước cộng hòa, những nước trên thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Câu2. Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX nhiều nước Mĩ La-tinh đã thoát khỏi sự lệ thuộc của Tây Ban Nha nhưng lại rơi vào vòng lệ thuộc của nước nào?

a. Thực dân Anh. b. Đế quốc Mĩ. c. Thực dân Pháp. d. Đế quốc Nhật.

Câu 3. Phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai được mệnh danh là gì?

a. "Đại lục mới trỗi dậy".

b. "Đại lục bùng cháy".

c. Đại lục có phong trào giải phóng dân tộc phát triển nhất.

d. "Đại lục bùng cháy" và "Đại lục mới trỗi dậy".

Câu 4. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La-tinh là ai?

a. Chế độ phân biệt chủng tộc.

b. Chủ nghĩa thực dân cũ.

c. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.

d. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 5.,Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đòi hỏi giải quyết nhiệm vụ chính là gì?

a. Dân tộc. b. Dân chủ.

c. Dân tộc - dân chủ. d. Chống phân biệt chủng tộc.

Câu 6. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào?

a. Bãi công của công nhân. b. Đấu tranh chính trị.

c. Đấu tranh vũ trang. d. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 7. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh có thể chia ra các giai đoạn nào sau đây?

a. 1945 - 1954, 1954 - 1975, 1975 đến nay.

b. 1945 - 1959, 1959 - 1975, 1975 đến nay.

c. 1945 - 1954, 1954 - 1959, 1959 -1980, 1980 đến nay.

d. 1945 - 1959, 1959 đến cuối những năm 80, cuối những năm 80 đến nay.

Câu 8. Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho cách mạng Cu Ba?

a. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu Ba (1956).

b. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa (26/7/1953).

c. Nghĩa quân Cu Ba mở cuộc tấn công (1958).

d. Nghĩa quân Cu Ba chiếm lĩnh thủ đô La Ha-ba-na (1/1/1959).

Câu 9. Phi-đen Cax-tơ-rô tuyên bố: Cu Ba tiến lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào?

a. Đất nước đã lật đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta.

b. Trong giờ phút quyết liệt của cuộc chiến đấu tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn.

c. Mĩ bao vây cấm vận.

d. Mất nguồn viện trợ to lớn từ khi Liên Xô tan rã.

Câu 10. Nước được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ La-tinh"

a. Ac-hen-ti-na. b.Bra-xin.

c. Cu Ba. d. Mê-hi-cô.

CHƯƠNG III
MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 8
NƯỚC MĨ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN
I. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

* *Tình hình chung:*

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ bị thiệt hại ít và thu được nhiều lợi nhất.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản.

* *Về kinh tế:*

- Trong những năm 1945-1950, sản lượng công nghiệp của Mĩ luôn luôn chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới, 3/4 dự trữ vàng của thế giới, trên 50% tàu thuyền đi lại trên biển là của Mĩ.

- Hai thập kỉ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế - tài chính giàu mạnh nhất thế giới.

- Kinh tế Mĩ những thập niên sau không còn giữ ưu thế tuyệt đối.

* Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mĩ.

- Đất nước không bị chiến tranh tàn phá.
- Tài nguyên phong phú, nhân công dồi dào.
- Dựa vào thành tựu Khoa học-kĩ thuật...
- Có nền sản xuất vũ khí phát triển cao (thu 114 tỉ USD trong chiến tranh).
- Trình độ tập trung sản xuất và tư bản cao.

* *Nguyên nhân làm cho kinh tế của Mĩ bị suy giảm*

- Bị Tây Âu và Nhật Bản vươn lên và cạnh tranh gay gắt.
- Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.
- Do theo đuổi tham vọng làm bá chủ thế giới Mĩ chi phí những khoản lớn cho việc sản xuất vũ khí và tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược.
- Sự chênh lệch giữa các tầng lớp trong xã hội.

II. Sự phát triển về khoa học - kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh

- Nước Mĩ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai với việc chế tạo chiếc máy tính điện tử đầu tiên vào tháng 12-1946.

- Mĩ đạt được nhiều thành tựu kĩ diệu trong việc chế tạo ra vật liệu mới, năng lượng mới, tiến hành "Cách mạng xanh", tiến hành cách mạng trong giao thông vận tải, thông tin liên lạc và chinh phục vũ trụ.

- Nhờ những thành tựu đó, nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng và đời sống vật chất, tinh thần của người dân Mĩ đã có nhiều cải thiện.

III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh

- Mối quan hệ nhất quán giữa chính sách đối nội phản động và chính sách đối ngoại bành trướng xâm lược là nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới của giai cấp tư sản cầm quyền Mĩ.

** Đối nội:*

- Hai đảng tư sản là đảng Dân chủ và đảng Cộng hoà thay nhau thống trị và cầm quyền ở Mĩ với những chính sách đối nội thống nhất sau:

+ Chính phủ Mĩ đã ban hành một loạt các đạo luật phản động nhằm chống lại phong trào công nhân và phong trào dân chủ ở trong nước như Đạo luật Táp-Hác-lây (Chống phong trào công đoàn và phong trào đình công), Luật Mác-Ca-ran (Chống Đảng Cộng sản), Luật Kiểm tra lòng trung thành (loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy Nhà nước Mĩ)v.v.

** Đối ngoại:*

- Đề ra "Chiến lược toàn cầu" với ý đồ thống trị thế giới.

- Các hành động bành trướng, xâm lược của Mĩ, thi hành "chính sách thực lực", thành lập các khối quân sự, viện trợ kinh tế, quân sự cho các nước đồng minh...

- Những thất bại nặng nề mà Mĩ đã vấp phải như can thiệp vào Trung Quốc (1945-1946), Cu Ba (1959-1960), nhất là trong cuộc Chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975). Tham vọng của Mĩ là to lớn, nhưng khả năng thực tế của Mĩ lại hạn chế (do những nhân tố chủ quan và khách quan).

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

a. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

b. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

c. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học- kỹ thuật.

d. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 2. Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

a. Những năm 60 (thế kỉ XX). b. Những năm70 (thế kỉ XX).

c. Những năm 80 (thế kỉ XX). d. Những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 3. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ?

a. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

b. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

c. Do đeo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

d. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

e. Cả bốn nguyên nhân trên.

Câu 4. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

a. Anh b. Pháp

c. Mĩ d. Nhật

Câu 5. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

a. Những năm đầu thế kỉ XX.

b. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

c. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

d. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Câu 6. Những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật của Mĩ là gì?

a. Chế ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

b. Thực hiện "Cuộc cách mạng Xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông thông tin liên lạc, chinh phục vũ trụ,...

c. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

đ. a, b, c đúng

Câu 7. Mĩ đã ban hành hàng loạt đạo luật phản động trong đó có đạo luật Táp-Hác-Lây nhằm mục đích gì?

a. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.

b. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.

c. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.

d. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

Câu 8. Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì?

a. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

b. "Chiến lược toàn cầu hóa".

c. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

d. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 9. Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

a. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

b. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mĩ.

c. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

đ. a, b, c đúng

Câu 10. Tổng thống Mĩ sang thăm Việt Nam đầu tiên vào năm nào?

a. 1990. b. 1991.

c. 1992. d. 1993.

BÀI 9
NHẬT BẢN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh

- Nhật Bản là nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai nên bị mất hết thuộc địa.
- Đất nước bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, bị Mĩ ném bom nguyên tử huỷ diệt hai thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki.
- Thất nghiệp trầm trọng, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiếu thốn gay gắt, lạm phát với tốc độ phi mã, kéo dài từ năm 1945 đến năm 1949.
- Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Nhật Bản bị quân đội nước ngoài (Mĩ) kéo vào chiếm đóng.

- Quân đội Mĩ kéo vào chiếm đóng Nhật Bản đã không cai quản trực tiếp mà thông qua bộ máy chính quyền Nhật Bản, vẫn duy trì ngôi vua của Thiên Hoàng. Dưới chế độ quân quản của Mĩ, một loạt các cải cách dân chủ được tiến hành. Nhờ đó, nước Nhật đã có một chuyển biến lớn và sâu sắc: Từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ. Chính điều này trở thành một nhân tố quan trọng tạo nên sự phát triển "Thần kì" về kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh (1952-1973).

II. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh

- Từ năm 1945-1950, kinh tế Nhật Bản phát triển chậm chạp: Sản lượng công nghiệp năm 1946 chỉ bằng 1/4 so với trước chiến tranh.

- Nền kinh tế Nhật Bản được khôi phục và bắt đầu phát triển mạnh mẽ khi Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh Triều Tiên (6-1950) và chiến tranh xâm lược Việt Nam những năm 60 thế kỉ XX.

+ Trong những năm 1950-1960, kinh tế Nhật Bản đạt được bước phát triển "Thần kì", trở thành một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính của thế giới.

- Về tổng sản phẩm quốc dân: năm 1950 chỉ đạt được 20 tỉ USD, nhưng đến năm 1968 đã đạt tới 183 tỉ USD.

- Về công nghiệp, trong những năm 1950-1960, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 15%.

- Nhờ áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật hiện đại, đã cung cấp hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước, 2/3 nhu cầu thịt sữa, nghề đánh cá rất phát triển.

- Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế do hầu hết nguyên liệu, năng lượng phải nhập từ nước ngoài.

- Sự chèn ép cạnh tranh của Mĩ và nhiều nước khác.

** Nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự tăng trưởng "Thần kỳ" đó.*

- Khách quan:

+ Sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới.

+ Những thành tựu của Cách mạng khoa học-kĩ thuật.

- Chủ quan:

+ Vai trò của Nhà nước: Trong đó Bộ Công nghiệp và Thương mại Nhật Bản (MITI) được đánh giá là "Trái tim của sự thành công Nhật Bản". Những cải cách dân chủ tạo điều kiện và thúc đẩy kinh tế phát triển.

+ Con người Nhật Bản: Từ những điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và môi trường xã hội, con người Nhật Bản được hình thành với những giá trị truyền thống được đề cao là: - Cần cù lao động và có tình yêu với thiên nhiên; - Biết tìm ra cái hay của người khác để học hỏi và tận dụng nó để phục vụ mình; - Tính kỷ luật và có ý thức rõ ràng và nghĩa vụ, bổn phận; - Trung thành với những bậc quyền uy và luôn giữ trọn chữ tín; - Biết chịu đựng và giữ phép lịch sự; - Tiết kiệm và biết lo xa.

+ Quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo cách mạng có năng lực, giữ vững bản sắc và văn hóa dân tộc, có ý chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh.

III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh

** Đối nội:*

- Với những cải cách sau chiến tranh, Nhật Bản đã chuyển từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ với những quyền tự do dân chủ tư sản. Nhật hoàng không còn là đấng tối cao bất khả xâm phạm, chỉ còn là một biểu tượng.

- Đảng dân chủ tự do - Đảng của giai cấp tư sản Nhật Bản liên tiếp lên cầm quyền, tiến hành nhiều cải cách dân chủ, nhưng về sau, quyền dân chủ bị thu hẹp dần.

** Đối ngoại:*

- Với "Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật" (1951), Nhật Bản lệ thuộc vào Mĩ, được che chở và bảo vệ dưới "cái ô hạt nhân" của Mĩ, nhất là trong thời kì "chiến tranh lạnh".

- Tìm mọi cách xâm nhập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình bằng việc thi hành một chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và tập trung vào phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại như trao đổi buôn bán, tiến hành đầu tư và viện trợ cho các nước, đặc biệt đối với các nước Đông Nam Á.

- Sau "chiến tranh lạnh", từ đầu những năm 1990, Nhật Bản đã giành nhiều nỗ lực để vươn lên trở thành một cường quốc chính trị, nhằm xoá bỏ cái hình ảnh mà thế giới thường nói về Nhật Bản - "một người khổng lồ về kinh tế, nhưng lại là một chế lùn về chính trị". Trong những năm gần đây, Nhật Bản đang vận động để trở thành Uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, giành quyền đăng cai tổ chức các hội nghị quốc tế, các kì Thế vận hội, hoặc đóng góp tài chính vào những hoạt động quốc tế của Liên Hợp Quốc...

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

a. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

b. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

c. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

d. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách, trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

a. Cải cách hiến pháp. b. Cải cách ruộng đất.

c. Cải cách giáo dục. d. Cải cách văn hóa.

Câu 3. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

a. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

b. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.

c. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

d. "Luồn lách"xâm nhập thị trường các nước.

Câu 4. Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?

a. Những năm 50 của thế kỉ XX b. Những năm 60 của thế kỉ XX

c. Những năm 70 của thế kỉ XX d. Những năm 80 của thế kỉ XX

Câu 5. Sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

a. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ. (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).

b. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

c. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản.(Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).

d. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 6. Trong sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

a. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

b. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học-kĩ thuật.

c. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

d. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 7. Để phát triển khoa học kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

a. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kĩ thuật.

b. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

c. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

d. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 8. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

a. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

b. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.

c. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài chưa từng thấy từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

d. Nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 9. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

a. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

b. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.

c. Hình thành một liên minh Mĩ-Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn Đông.

d. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

a. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

b. Kí hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật (08/09/1951).

c. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

d. Phát triển kinh tế đối ngoại,xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

BÀI 10
CÁC NƯỚC TÂY ÂU

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình chung

* Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 -1945), nhiều nước Tây Âu bị phát xít chiếm đóng và tàn phá rất nặng nề.

+ *Pháp:*

Bị thiệt hại to lớn về kinh tế.

Năm 1944, sản xuất công nghiệp của Pháp giảm 38%, nông nghiệp giảm 60% so với trước chiến tranh.

+ *I-ta-li-a:*

Sản xuất công nghiệp giảm 30%, nông nghiệp chỉ đảm bảo 1/3 nhu cầu lương thực trong nước.

+ *Anh:*

Kinh tế Anh phát triển chậm sau chiến tranh, vị trí kinh tế của Anh ngày càng giảm sút.

Tháng 6-1945, nước Anh nợ tới 2 tỉ bảng Anh.

* Sau chiến tranh, năm 1948 để khôi phục nền kinh tế đất nước, 16 nước Tây Âu như Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a... đã nhận viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Mác-san, kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi nhưng ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.

- Chính sách đối nội.

+ Giai cấp tư sản cầm quyền luôn tìm cách thu nẹp các quyền tự do, dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiến bộ, ngăn cản phong trào công nhân và phong trào dân chủ.

- Chính sách đối ngoại.

+ Nhiều nước Tây Âu đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược nhằm khôi phục ách thống trị đối với các thuộc địa trước đây:

Hà Lan trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a (tháng 11-1945)

Pháp trở lại xâm lược Đông Dương (tháng 9-1945)

Anh trở lại xâm lược Mã Lai (tháng 9-1945)

+ Các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (gọi tắt là NATO) do Mĩ lập ra (tháng 4- 1949) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

- Nước Đức sau chiến tranh.

+ Tháng 9-1949, Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức được thành lập, nền kinh tế của Cộng hoà Liên bang Đức được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Ở khu vực phía đông nước Đức, nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức thành lập (10-1949)

+ Từ những năm 60 và 70 của thế kỉ XX, sản xuất công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức vươn lên đứng thứ 3 trong thế giới tư bản sau Mĩ và Nhật Bản.

+ Do những biến chuyển của tình hình ở Liên Xô và Đông Âu, tháng 10-1990 Cộng hoà Dân chủ Đức đã sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang Đức. Sau bốn thập niên bị chia cắt, nước Đức đã trở lại thống nhất.

II. Sự liên kết khu vực

* *Nguyên nhân của sự liên kết*

+ Nhằm hình thành một thị trường chung Châu Âu để dần dần xoá bỏ hàng rào thuế quan.

+ Để có chính sách thống nhất trong nhiều lĩnh vực.

+ Để mở rộng thị trường.

+ Muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ.

* *Quá trình hình thành và phát triển của sự liên kết*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai không lâu, ở Tây Âu đã xuất hiện xu hướng liên kết kinh tế khu vực, tiêu biểu là sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC 3/1957) có 6 nước: Cộng hoà Liên bang Đức, Pháp, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan và Lúc-xăm-bua. Sau lên tới 12 nước.

- Hội nghị Ma-a-xtơ-rích (Hà Lan) tháng 12-1991 đánh dấu một mốc đột biến của quá trình liên kết quốc tế ở Tây Âu với 2 quyết định quan trọng về kinh tế- tài chính và chính trị. Ngày 1-1-1944 cộng đồng kinh tế châu Âu mang tên mới Liên minh châu Âu (EU).

- Năm 1999, số thành viên của EU là 15 nước (thêm Áo, Phần Lan, Thụy Điển).

- Sau hơn 40 năm tồn tại, EU đã tạo ra một cộng đồng kinh tế và một thị chung với sức mạnh của dân số 320 triệu người có trình độ khoa học, kĩ thuật cao.

- Năm 2000, các nước EU dự kiến sẽ tiến hành một liên bang nhất thể hoá châu Âu về kinh tế và chính trị.

- Năm 2004, số thành viên của EU là 25 nước.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Để nhận được viện trợ của Mĩ sau Chiến tranh thế giới lần hai, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mĩ đặt ra?

a. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư bản, hạ thuế quan đối với hàng hóa của Mĩ.

b. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mĩ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

c. Để hàng hóa Mĩ tràn ngập thị trường Tây Âu.

d. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.

Câu 2. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 04/1949 nhằm:

a. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

b. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

c. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

d. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 3. Sau khi nước Đức phát xít đầu hàng, 4 nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành 4 khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

a. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật.

b. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.

c. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản.

d. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

Câu 4. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 04/1949 tình hình châu Âu như thế nào?

a. Ổn định và có điều kiện để phát triển.

b. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.

c. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

d. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

Câu 5. Lí do nào là chủ yếu khiến Mĩ và các nước phương Tây dồn sức "viện trợ" cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh?

a. Để thúc đẩy quá trình hòa bình hóa nước Đức.

b. Để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức.

c. Để biến Tây Đức thành một "Lực lượng xung kích" của khối NATO, chống Liên Xô và các nước XHCN.

d. a, b, c đúng.

Câu 6 Khối thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

a.1954. b.1955.

c.1956. d.1957.

Câu 7. Thời gian nào sau đây đánh dấu mốc mang tính đột biến, của quá trình liên kết quốc tế ở châu Âu?

a. Tháng 12/1991. b. Tháng 12/1992.

c. Tháng 12/1993. d. Tháng 12/1994.

Câu 8. Với những bước tiến của quá trình liên kết, từ năm 1993, Cộng đồng châu Âu mang tên mới là Liên minh châu Âu viết tắt là:

a. EEC. b. EC.

c. EU. d. a, b, c sai.

Câu 9. Ý nghĩa tích cực và bao quát nhất của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời từ 1957?

a. Tạo ra ở châu Âu một cộng đồng kinh tế và một thị trường chung để đẩy mạnh phát triển kinh tế và ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

b. Có điều kiện để cạnh tranh kinh tế, thương mại, tài chính với Mĩ và Nhật.

c. Tiến tới thống nhất chính sách đối nội, đối ngoại giữa các nước trong cộng đồng.

d. Phát hành đồng tiền chung.

Câu 10. Đặc điểm nào sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai là biểu hiện tích cực nhất trong thế giới tư bản?

a. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.

b. Sự "nhất thể hóa quốc tế" trong nền kinh tế.

c. Sự khai thác những thành tựu khoa học kĩ thuật để đẩy mạnh phát triển kinh tế.

d. Sự phát triển về văn hóa, giáo dục, văn học nghệ thuật

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 11
TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Sự hình thành trật tự thế giới mới

** Hội nghị I-an-ta*

- Hoàn cảnh ra đời.

+ Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, cần phải giải quyết những vấn đề bức thiết.

+ Tháng 12-1945, ba cường quốc Liên Xô, Anh, Mĩ tổ chức hội nghị cấp cao tại I-an-ta (thuộc Liên Xô cũ).

- Những quyết định chủ yếu của Hội nghị:

- Về việc kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai: Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức - chủ nghĩa quân phiệt Nhật; để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu từ 2 đến 3 tháng.

- Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc để giữ gìn hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

- Thoả thuận việc đóng quân tại các nước để giải giáp quân phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á, giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

+ *Ở châu Âu:*

Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông Đức và phía đông châu Âu (Đông Âu).

Vùng Tây Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Anh.

+ *Ở châu Á:*

Duy trì nguyên trạng lãnh thổ Mông Cổ, trả lại cho Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin, trao trả cho Trung Quốc những đất đai bị Nhật chiếm đóng trước đây (như Đài Loan, Mãn Châu...) thành lập Chính phủ liên hợp dân tộc gồm Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Triều Tiên được công nhận là một quốc gia độc lập nhưng tạm thời quân đội Liên Xô và Mĩ chia nhau kiểm soát và đóng quân ở Bắc và Nam vĩ tuyến 38.

Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á...) vẫn thuộc phạm vi của các nước phương Tây.

- Những quyết định trên của Hội nghị I-an-ta đã nhận định sự hình thành một trật tự thế giới mới được gọi là "Trật tự hai cực I-an-ta" do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.

II. Sự thành lập Liên Hợp Quốc

** Hoàn cảnh ra đời:*

- Tại hội nghị I-an-ta (tháng 2-1945), các đại biểu đã nhất trí thành lập một tổ chức quốc tế mới là Liên Hợp Quốc.

- Từ 24 - 4 đến 26-4-1945, đại biểu 50 nước họp ở Xan Phran-xi-xcô (Mĩ) để thông qua Hiến chương Liên Hợp Quốc và thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.

** Mục đích và nhiệm vụ của Liên Hợp Quốc:*

- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc.

- Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội, và nhân đạo.

** Nguyên tắc hoạt động:*

- Tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Giải quyết tranh chấp bằng phương pháp hoà bình.

- Nhất trí của 5 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

- Liên Hợp Quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ một quốc gia nào.

** Vai trò của Liên Hợp Quốc:*

Từ năm 1945 đến nay, Liên Hợp Quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất, giữ vai trò quan trọng trong việc:

- Giữ gìn hoà bình, an ninh quốc tế. Góp phần giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

- Đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

- Phát triển các mối quan hệ, giao lưu.

- Giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học-kĩ thuật... nhất là đối với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

Vì vậy, tháng 9-1977 Việt Nam tham gia Liên Hợp Quốc.

III. "Chiến tranh lạnh"

** Hoàn cảnh lịch sử:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ và Liên Xô ngày càng mâu thuẫn và đối đầu gay gắt.

- Tháng 3-1947, Tổng thống Mĩ Tơ-ru-man chính thức phát động "Chiến tranh lạnh", chống Liên Xô và các nước XHCN, thực hiện chiến lược toàn cầu.

- "Chiến tranh lạnh" là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

** Những biểu hiện của tình trạng "Chiến tranh lạnh"*

- Mĩ và các nước đế quốc chạy đua vũ trang, chuẩn bị cuộc "Chiến tranh tổng lực" nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN.

- Tăng cường ngân sách quân sự, thành lập các khối quân sự, cùng các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (NATO, SEATO, CENTO, AUZUS, Khối quân sự Tây bán cầu, Liên minh Mĩ-Nhật...)

- Bao vây kinh tế, cô lập về chính trị đối với Liên Xô và các nước XHCN, o ra sự căng thẳng phức tạp trong các mối quan hệ quốc tế.

- Liên tiếp gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược (Triều Tiên, Việt Nam, ào, Cam-pu-chia, Trung Đông...) hoặc can thiệp vũ trang (Cu Ba, Grê-na-đa, Pa-a-ma).

* *Hậu quả:*

- Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.

- Các cường quốc đã chi một khối lượng khổng lồ tiền của và sức người để in xuất các loại vũ khí huỷ diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự.

V. Thế giới sau "chiến tranh lạnh"

- Sự chấm dứt "Chiến tranh lạnh":

+ Từ nửa sau của những năm 80 của thế kỉ XX, trong quan hệ quốc tế đã ễn ra với xu hướng mới - xu thế từ "đối đầu" chuyển sang "đối thoại". Xu thế này ắt đầu từ quan hệ Xô-Mĩ. Từ 1987-1991, diễn ra nhiều cuộc gặp cao cấp giữa iững người đứng đầu hai nhà nước Liên Xô và Mĩ.

- Tháng 12-1989, Mĩ và Liên Xô đã chấm dứt "Chiến tranh lạnh". Quan hệ iốc tế bước sang thời kỳ mới, "thời kỳ sau chiến tranh lạnh".

* *"Thời kỳ sau Chiến tranh lạnh":*

- Tình hình thế giới có nhiều biến chuyển và diễn ra theo các xu hướng như u:

+ Xu thế hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

+ Sự tan rã của trật tự hai cực I-an-ta và thế giới đang tiến tới xác lập một ật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm.

+ Từ sau "Chiến tranh lạnh" và dưới tác động to lớn của cách mạng khoa ọc - kĩ thuật, hầu hết các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển với việc y kinh tế làm trọng điểm.

+ Tuy hoà bình được củng cố, nhưng từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nhiều khu vực lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến giữa các phe iái (Liên bang Nam Tư cũ, Châu Phi và một số nước Trung Á...).

Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình, ổn định, hợp tác iát triển kinh tế vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào ế kỉ XXI.

. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

âu 1. Hội nghị I-an-ta lịch sử đã diễn ra trong thời gian nào?

a. Từ ngày 04 đến 12 tháng 02 năm 1945.

b. Từ ngày 04 đến 12 tháng 03 năm 1945.

c. Từ ngày 04 đến 12 tháng 04 năm 1945.

d. Từ ngày 04 đến 12 tháng 05 năm 1945.

âu 2. Đầu năm 1945, những vấn đề cần giải quyết trong phe Đồng minh là gì?

a. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.

b. Phân chia khu vực chiếm đóng, phạm vi ảnh hưởng của các nước.

c. Thực hiện chế độ quân quản ở các nước phát xít bại trận.

d. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 3. Tại sao gọi là "trật tự hai cực I-an-ta"?

a. Đại diện hai nước Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng.

b. Tại hội nghị I-an-ta, Liên Xô và Mĩ phân chia khu vực ảnh hưởng và đạ diện cho hai phe.

c. Thế giới đã xảy ra nhiều cuộc xung đột ở I-an-ta.

d. Tất cả các lý do trên.

Câu 4. Hiến chương Liên Hợp Quốc và quyết định chính thức thành lập Liên Hợp Quốc được thông qua tại Hội nghị nào?

a. Hội nghị I-an-ta (Liên Xô): 9/2/1945.

b. Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Mĩ): 4-6/1945.

c. Hội nghị Pôt-xđam (Đức): 7-8/1945.

d. a, b đúng.

Câu 5. Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mố quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộ và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của:

a. Liên minh châu Âu

b. Hội nghị I-an-ta.

c. ASEAN.

d. Liên Hợp Quốc.

Câu 6. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên Hợp Quốc vào thời gian nào?

a. 8/1997.

b. 9/1997.

c. 1/1987.

d. 11/1987.

Câu 7. Mục tiêu của "chiến tranh lạnh" là gì?

a. Mĩ và các nước đế quốc thực hiện chính sách thù địch, chống Liên Xô và các nước XHCN.

b. Mĩ lôi kéo các nước Đồng minh của mình chống Liên Xô.

c. Chống lại sự ảnh hưởng của Liên Xô.

d. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 8. Hậu quả lớn nhất về kinh tế do cuộc "chiến tranh lạnh" mang lại là gì?

a. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

b. Các cường quốc phải chi một khoản tiền khổng lồ để chế tạo và sản xuất vũ khí

c. Nhân dân các nước châu Á, châu Phi chịu bao khó khăn, đói nghèo và bệnh tật.

d. a, b, c đúng.

Câu 9. Vì sao "trật tự hai cực I-an-ta" bị sụp đổ?

a. Xô - Mĩ mất dần vai trò của mình đối với các nước

b. Xô - Mĩ quá chán ngán trong chạy đua vũ trang

c. Các nước Tây Âu, Nhật Bản đã vượt xa Xô- Mĩ về khoa học kĩ thuật.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 10. Sau "chiến tranh lạnh", dưới tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật các nước ra sức điều chỉnh chiến lược với việc:

a. Lấy quân sự làm trọng điểm.

b. Lấy chính trị làm trọng điểm.

c. Lấy kinh tế làm trọng điểm.

d. Lấy văn hóa, giáo dục làm trọng điểm.

CHƯƠNG V
CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC-KĨ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 12
NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC-KĨ THUẬT

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học-kĩ thuật

** Nguồn gốc của cuộc CMKH-KT lần thứ hai:*

- Yêu cầu của cuộc sống, của sản xuất:

Những năm gần đây, nhân loại đang đứng trước những vấn đề to lớn: bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới (công cụ sản xuất mới có kĩ thuật cao, nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới) đối với khoa học, kĩ thuật.

- Những thành tựu to lớn về khoa học, kĩ thuật cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

** Thành tựu chủ yếu:*

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã thu được những thành tựu hết sức to lớn ở các ngành Toán học, Vật lí, Tin học, Hoá học, Sinh học.

- Phát minh lớn về công cụ sản xuất (Máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động, rôbốt).

- Tìm ra nguồn năng lượng mới: Năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió, năng lượng qua đất.

- Sáng chế ra những vật liệu sản xuất mới, quan trọng nhất là Polime (chất dẻo) đang giữ vị trí hàng đầu trong đời sống hàng ngày của con người cũng như trong các ngành công nghiệp.

- Cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp mà nhờ đó con người đã tìm ra được phương hướng khắc phục nạn thiếu lương thực và thực phẩm.

- Những tiến bộ lớn trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc (Máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả tốc độ cao, tàu biển trọng tải triệu tấn, hệ thống vệ tinh nhân tạo phát sóng truyền hình hết sức hiện đại...)

- Thành tựu chinh phục vũ trụ (tàu vũ trụ, tàu con thoi, con người đặt chân lên Mặt Trăng).

II. Ý nghĩa và tác động của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật

** Tích cực:*

- Cách mạng khoa học-kĩ thuật đã mang lại những tiến bộ phi thường, những thành tựu kì diệu làm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người.

- Cho phép con người thực hiện những bước nhảy vọt chưa từng thấy về năng suất lao động.

- Thay đổi cơ cấu dân cư lao động với xu hướng tỉ lệ dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp giảm dần, tỉ lệ dân cư trong các ngành dịch vụ tăng dần.

- Đưa loài người sang nền văn minh thứ ba, nền văn minh sau thời kì công nghiệp hoá, lấy vi tính, điện tử, thông tin và khoa sinh hoá làm cơ sở.

- Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kĩ thuật... ngày càng quốc t
hoá cao.

** Tiêu cực:*

- Chế tạo các loại vũ khí và các phương tiện quân sự có sức tàn phá và hu
diệt sự sống hàng loạt.

- Nạn ô nhiễm môi trường (ô nhiễm khí quyển, đại dương, sông hồ...).

- Nhiễm phóng xạ nguyên tử, tai nạn lao động, tai nạn giao thông gắn liền v
kĩ thuật mới, dịch bệnh và tệ nạn xã hội...

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ 2 được khởi đầu ở nước nào?

a. Anh. b. Nhật.

c. Mĩ. d. Liên Xô.

Câu 2. Điểm khác biệt cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần th hai với cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất là gì?

a. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

b. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

c. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

d. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 3. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời gian từ phát min khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của:

a. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.

b. Cách mạng công nghiệp.

c. Cách mạng văn minh Tin học.

d. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 4. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần th hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con ngư trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

a. "Người máy" (Ro-bot). b. Máy tính điện tử.

c. Hệ thống máy tự động. d. Máy tự động.

Câu 5. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việ sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

a. Toán học. b. Vật lí học. c. Hóa học. d. Sinh học.

Câu 6. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học-kĩ thuật đã tham gi tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

a. Phát minh sinh học. b. Phát minh hóa học.

c. "Cách mạng xanh". d. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 7. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

a. Mĩ. b. Liên Xô. c. Nhật. d. Trung Quốc.

Câu 8. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiệ đại dẫn đến một hiện tượng gì?

a. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao.

b. Sự bùng nổ thông tin.

c. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

d. Chảy máu chất xám.

Câu 9. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

a. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

b. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

c. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

d. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 10. Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai?

a. Cách mạng khoa học kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại đến trước một cuộc chiến tranh mới.

b. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

c. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.

d. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

BÀI 13

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

- Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước trở thành một hệ thống. Trong đó nhiều thập niên nửa sau của thế kỉ XX, các nước xã hội chủ nghĩa trở thành một lực lượng hùng mạnh về mọi mặt. Nhưng vì đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng trong đường lối, chính sách, sự chống phá của các thế lực đế quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh đã giành được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử làm sụp đổ hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai), đưa đến sự ra đời của hơn một trăm quốc gia độc lập.

- Các nước tư bản chủ nghĩa đã có sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, khoa học - kĩ thuật, tiêu biểu là Nhật Bản và Cộng hoà Liên bang Đức. Các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực như khối Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), ngày nay là Liên minh châu Âu (EU).

- Về quan hệ quốc tế từ sau năm 1945 là sự xác lập trật tự hai cực do hai siêu cường Liên Xô và Mĩ đứng đầu. Đến nay về cơ bản nguy cơ chiến tranh được đẩy lùi, thế giới chuyển dần sang xu thế hoà hoãn và đối thoại.

- Trong nửa đầu thế kỉ XX đã diễn ra cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật với những tiến bộ phi thường và những thành tựu kỳ diệu.

II. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay

1. Sự hình thành trật tự thế giới mới (đang trong quá trình xác định).

2. Xu thế hoà hoãn, thoả hiệp giữa các nước lớn. Xu thế đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hoà bình.

3. Các nước điều chỉnh chiến lược, trong đó lấy việc phát triển kinh tế làm trọng điểm.

4. Nguy cơ biến thành xung đột nội chiến, đe doạ nghiêm trọng hoà bình ở nhiều khu vực.

Xu hướng chung của thế giới ngày nay là hoà bình, ổn định hợp tác và phát triể

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Năm nào đánh dấu sự hình thành hệ thống XHCN thế giới?

a. 1944. b.1945. c. 1949. d. 1950.

Câu 2. Năm nào được xem là "năm châu Phi"?

a. 1945. b. 1955. c. 1960. d. 1965.

Câu 3. Địa danh lịch sử nào đánh dấu sự mở đầu việc sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ?

a. An-giê-ri b. Điện Biên Phủ.

c.Phnôm-pênh.(Cam-pu-chia). d. Viên-Chăn.(Lào).

Câu 4. Cuộc cách mạng nào đã đánh đổ chính quyền tay sai của chủ nghĩa thực dân kiểu mới?

a. Trung Quốc.(01/10/1949). b. Cu Ba.(10/01/1959).

c. An-giê-ri. (18/03/1962). d. Ấn Độ.(26/11/1950).

Câu 5. Cách mạng nước nào được xem là "lá cờ đầu" của Mĩ La-tinh?

a. Mê-hi-cô. b. Vê-nê-duyê-la.

c. Cu Ba. d. Ni-ca-ra-gua.

Câu 6. Chủ nghĩa A-pác-thai bị xoá bỏ tại đâu?

a. Mĩ La-tinh. b. Nam Phi. c. Trung Đông. d. Châu Phi.

Câu 7. Địa danh nào sau đây chưa được xem là trung tâm tài chính của thế giới tư bản trong những năm 70 của thế kỉ XX?

a. Mĩ. b. Nhật Bản. c. Tây Âu. d. Nam Âu.

Câu 8. Nguyên nhân chung thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở các nước phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

a. Nhận viện trợ kinh tế và phụ thuộc Mĩ.

b. Tinh thần tự lực, tự cường của mỗi nước.

c. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng.

d. Áp dụng những thành tựu của CM KH-KT.

Câu 9. Tổ chức nào có nhiều tác dụng thúc đẩy sự phát triển và giao lưu kinh tế giữa các quốc gia?

a. Khối EEC. b. Khối ASEAN

c. Khối NATO. d. a, b đúng.

Câu 10. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào đi đầu trong việc ủng hộ phong trào cách mạng thế giới và bảo vệ hòa bình thế giới?

a. Trung Quốc. b. Liên Xô.

c. Việt Nam. d. Cu Ba.

Câu 11. Những phong trào quốc tế nào đã có vai trò tích cực trong các mối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

a. Phong trào giải phóng dân tộc b. Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới

c. Phong trào không liên kết d. a, b, c đúng

Câu12.Cuộc đấu tranh nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai không có đế quốc Mĩ tham gia trực tiếp?

a. Triều Tiên (1950-1953).

b. Việt Nam (1960-1975).

c. An-giê-ri (1954-1962).

d. Chiến tranh Vùng Vịnh (thập niên 90 của thế kỉ XX).

Câu 13. Quan hệ quốc tế sau 1945 là sự xác lập trật tự thế giới nào?

a. Hai cực b. Một cực

c. Đa cực d. a, b đúng

Câu 14. Giai đoạn lịch sử từ sau 1991 đến nay được gọi là thời kì:

a. Sau "Chiến tranh lạnh", một trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.

b. Một trật tự thế giới hai cực Xô-Mĩ.

c. Một trật tự thế giới đơn cực.

d. a,b đúng

Câu 15. Hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển vừa là:

a. Nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

b. Vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

c. Trách nhiệm của các nước đang phát triển.

d. Trách nhiệm của các nước phát triển.

PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919-1930

BÀI 14
VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp

* *Nguyên nhân:* Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, để bù đắp những thiệt hạ do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đã đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó c Đông Dương và Việt Nam.

* *Mục đích:* Làm sao bóc lột được nhiều nhất và kiếm lời được nhiều nhất.

* *Nội dung:*

- Các ngành kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương sau chiến tranh đều c bước phát triển mới. Nổi bật là sự tăng cường đầu tư và đẩy mạnh khai thác, ch yếu ở hai ngành - nông nghiệp và khai mỏ. Trong nông nghiệp tiến hành cướ ruộng đất để phát triển các đồn điền cao su, trong khai mỏ chủ yếu là mỏ than.

- Công nghiệp: Chú ý tới công nghiệp chế biến (mở nhiều nhà máy sợi, nh máy rượu, nhà máy điện, nhà máy đường, nhà máy xay xát gạo).

- Thương nghiệp: Đánh thuế nặng hàng ngoại nhập vào Việt Nam, nhưng nhậ nhiều hàng Pháp miễn thuế

- Giao thông vận tải: được mở mang để phục vụ khai thác.

- Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế ở Đông Dươr

- Tác động đến nền kinh tế Việt Nam: Làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam - t sau Chiến tranh thế giới thứ nhất - dần dần thay đổi, tính chất thuộc địa, nửa phon kiến và sự phụ thuộc của kinh tế Việt Nam vào kinh tế của đế quốc Pháp càng r hơn. Việt Nam trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.

II. Các chính sách về chính trị, văn hoá, giáo dục

Mọi chính sách được thực thi ráo riết, với những bổ sung, điều chỉnh có lợ cho tư bản Pháp:

- Chính sách chuyên chế triệt để, thâu tóm mọi quyền hành về tay người Pháp vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn, tay sai.

+ Chính sách "chia để trị", chia Việt Nam thành ba xứ với ba chế độ khá nhau, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo.

+ Triệt để lợi dụng bộ máy địa chủ, cường hào ở nông thôn.

- Chính sách văn hoá - giáo dục nô dịch.

+ Thi hành chính sách văn hoá nô dịch.

+ Lợi dụng sách báo công khai để tuyên truyền chính sách "khai hoá" v gieo ảo tưởng hoà bình.

III. Xã hội Việt Nam phân hoá

- Do tác động của chính sách khai thác lần thứ hai và chế độ cai trị hà khắc, thủ đoạn chính trị lừa bịp của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã phân hoá sâu sắc.

- Giai cấp địa chủ phong kiến: Chiếm nhiều diện tích ruộng đất, được thực dân Pháp ủng hộ nên ra sức bóc lột nông dân. Tuy nhiên cũng có một số bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, tham gia các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- Tầng lớp tư sản: Ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng ít; phân hoá làm hai bộ phận:

+ Tư sản mại bản: Có quyền lợi gắn chặt với đế quốc nên câu kết chặt chẽ về chính trị với đế quốc.

+ Tư sản dân tộc: Có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên có tinh thần dân tộc, dân chủ, nhưng thái độ không kiên định.

- Tầng lớp tiểu tư sản: Tăng nhanh về số lượng sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bị Pháp chèn ép, bạc đãi nên có đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức có tinh thần hăng hái cách mạng. Đó là lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ.

- Giai cấp nông dân: Chiếm hơn 90% số dân, bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

- Giai cấp công nhân: Ra đời từ cuộc khai thác lần thứ nhất của Pháp (trước chiến tranh), và phát triển nhanh trong cuộc khai thác lần thứ hai. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng: Bị ba tầng áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt); có quan hệ tự nhiên gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc. Đây là tầng lớp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến toàn thắng.

+ Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh, nhất là của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Cách mạng tháng Mười Nga.

Do đó, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đi đầu trên mặt trận chống đế quốc phong kiến, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ 2 của Pháp là gì?

a. Vừa thai thác vừa chế biến. b. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ.

c. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng. d. Tăng cường đầu tư thu lãi cao.

Câu 2. Trong công cuộc thai thác thuộc địa lần hai, Pháp đã tăng cường đầu tư vốn vào ngành nào nhiều nhất?

a. Công nghiệp nặng. b. Công nghiệp nhẹ.

c. Nông nghiệp và thai thác mỏ. d. Thương nghiệp và xuất khẩu.

Câu 3. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

a. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.

b. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản.

c. Lập ngân hàng Đông Dương.

d. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

Câu 4. Tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đến nền kinh tế Việt Nam là gì?

a. Nền kinh tế Việt Nam phát triển độc lập.

b. Nền kinh tế Việt Nam vẫn bị lạc hậu, què quặt.

c. Nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm, lệ thuộc Pháp

d. Nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào Pháp.

Câu 5. Những thủ đoạn thâm độc nhất của tư bản Pháp về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm nô dịch lâu dài nhân dân Việt Nam là gì?

a. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.

b. Câu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.

c. "Chia để trị".

d. Khủng bố, dàn áp nhân dân ta.

Câu 6. Chính sách văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp được thực hiện nhằm mục đích gì?

a. Mở các trường học dạy tiếng Pháp.

b. Thi hành chính sách văn hóa nô dịch.

c. Xuất bản sách báo tuyên truyền chính sách "khai thác" của Pháp.

d. Tạo diều kiện cho nền văn hóa, giáo dục Việt Nam phát triển.

Câu 7. Giai cấp có số lượng tăng nhanh trong cơ cấu xã hội Việt Nam do hậu quả của cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp sau chiến tranh là giai cấp nào?

a. Nông dân. b. Địa chủ.

c. Công nhân. d. Tư sản.

Câu 8. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, đó là đặc điểm của giai cấp nào?

a. Giai cấp địa chủ phong kiến. b. Giai cấp tư sản.

c. Tầng lớp tư sản dân tộc. d. Tầng lớp tư sản mại bản.

Câu 9. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?

a. Tiểu tư sản. b. Công nhân.

c. Tư sản. d. Địa chủ.

Câu 10. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất xã hội Việt Nam tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

a. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.

b. Mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản.

c. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa thực dân Pháp.

d. Mâu thuẫn giữa tư sản và địa chủ

BÀI 15
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919-1925)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ.

- Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917) đã thức tỉnh nhân dân Việt Nam, có ý nghĩa lịch sử quốc tế to lớn, làm cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân các nước tư bản gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

- Trong cao trào cách mạng 1918-1923, giai cấp vô sản thế giới bắt đầu bước lên vũ đài chính trị. Tháng 3-1919, Đệ tam quốc tế (Quốc tế Cộng sản) ra đời. Nhiều đảng cộng sản được thành lập: Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)...

- Đánh dấu một giai đoạn mới của phong trào cách mạng thế giới.

- Phong trào cách mạng thế giới có ảnh hưởng tích cực tới phong trào cách mạng Việt Nam, thúc đẩy cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kì mới: Tạo điều kiện cho việc truyền bá tư tưởng Mác - Lê-nin vào Việt Nam.

II. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919-1925)

- Giai cấp tư sản dân tộc đã đẩy lên phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hoá (1919) và tổ chức Đảng Lập hiến (muốn lợi dụng sự ủng hộ của quần chúng làm áp lực với Pháp, khi Pháp nhượng bộ thì sẵn sàng thoả hiệp với Pháp).

- Tầng lớp tiểu tư sản tri thức: Tập hợp trong những tổ chức chính trị như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam nghĩa đoàn, Đảng Thanh niên... với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi:

+ Mít tinh, biểu tình, bãi khoá....

+ Xuất bản những tờ báo tiến bộ để cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện (Quảng Châu-Trung Quốc tháng 6-1924) mở màn cho thời kỳ đấu tranh mới của dân tộc.

+ Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Chu Trinh (1926) v.v...

III. Phong trào công nhân (1919-1925)

- Do bị áp bức bóc lột nặng nề, lại được sự cổ vũ của các cuộc đấu tranh công nhân, thuỷ thủ Pháp và Trung Quốc ở Hải Phòng, Sài Gòn, Hương Cảng, Thượng Hải...., phong trào công nhân có bước phát triển mới.

- Cuộc đấu tranh của công nhân thời kì này tuy còn lẻ tẻ, tự phát, nhưng ý thức giai cấp phát triển nhanh chóng làm cho các cơ sở tổ chức và phong trào chính trị cao hơn về sau.

- Đáng kể nhất là bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn 1925). Với cuộc bãi công này, giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu đi vào đấu tranh tự giác và đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam - Giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những sự kiện nào trên thế giới ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam?

a. Thành công của cách mạng tháng Mười Nga (1917), sự thành lập Quốc tế cộng sản (2/1919).

b. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

c. Hội nghị Véc-xai.

đ. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước châu Âu.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ vì:

a. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

b. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

c. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.

d. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 3. Trần Dân Tiên ví " Như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân" cho sự kiện nào?

a. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu - Trung Quốc (6/1924).

b. Cuộc đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925).

c. Phong trào đấu tranh đòi để tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

d. Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930).

Câu 4. Những năm 1919-1926, giai cấp tư sản dân tộc có những hoạt động gì?

a. "Chấn hưng nội hóa", "bài trừ ngoại hóa", chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì.

b. Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn.

c. Lập Đảng Thanh niên, dùng báo chí bênh vực quyền tự do cho mình.

đ. Không thỏa hiệp với thực dân Pháp.

Câu 5. Phong trào yêu nước dân chủ công khai diễn ra vào năm 1924-1925, là phong trào nào?

a. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu.

b. Xuất bản những tờ báo tiến bộ và lập ra nhà xuất bản tiến bộ.

c. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu và đám tang cụ Phan Châu Trinh.

đ. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đám tang cụ Phan Chu Trinh

Câu 6. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ này còn lẻ tẻ, tự phát nhưng ý thức giai cấp phát triển nhanh chóng. Đó là đặc điểm của phong trào công nhân Việt Nam thời kỳ nào?

a. 1919-1924.
b. 1919-1925.
c. 1919-1926.
d. 1919-1927.

Câu 7. Nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919-1926) cuối cùng thất bại?

a. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản trở nên lỗi thời, lạc hậu.

b. Thực dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp phong trào.

c. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ươn hèn về chính trị, tầng lớp tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.

d. Do chủ nghĩa Mác - Lê-nin chưa được truyền bá sâu rộng ở Việt Nam..

Câu 8. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919-1924 chủ yếu là gì?

a. Đòi quyền lợi về kinh tế.

b. Đòi quyền lợi về chính trị.

c. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

d. Để giải phóng dân tộc.

Câu 9. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?

a. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

b. Tổng bãi công của công nhân Bắc Kì (1922).

c. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son- Sài Gòn (8/1925).

d. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu10. Sự kiện nào thể hiện "Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam"

a. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (1925).

b. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)

c.Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện -Quảng Châu (6-1924).

d. Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Véc-xai bản yêu sách(1919).

BÀI 16.
HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919-1925

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917-1923)

- Sơ lược về quãng đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ nhỏ đến năm 1918: Ngày-tháng-năm sinh, quê quán, gia đình, năm 1904-1905 ở Huế, 1911 dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết), vào Sài Gòn. Ngày 5-6-1911, từ Cảng Nhà Rồng, Nguyễn Ái Quốc làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latut Trêvin và bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm, hoà mình vào cuộc sống lao động, đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động Pháp để tìm đường cứu nước. Từ 1911-1917, Người đã đến nhiều nước ở châu Âu, châu Phi và châu Mĩ. Cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp.

- Tháng 6-1919. Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản yêu sách đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Từ đó Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lê-nin và đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12-1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước: Kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa để tuyên truyền, tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc.

- Năm 1922: ra báo "Le Paria" (Người cùng khổ)- vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng.

- Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân và viết cuốn sách Bản án chế độ thực dân Pháp. Những sách báo này đã được bí mật chuyển về Việt Nam.

II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923-1924)

- Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa nghiên cứu vừa học tập.

- Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.

- Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bước chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924-1925)

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam và thanh niên yêu nước mới sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt.

- Người đã sáng lập ra báo Thanh niên, trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc đã được tập hợp và in thành sách Đường cách mệnh (1927) nêu ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tiến hành "vô sản hóa", góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Tác dụng và ý nghĩa của những hoạt động trên:

- Thúc đẩy phong trào công nhân phát triển về chất.

- Bước chuẩn bị về tổ chức cho thành lập chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với lớp người đi trước?

a. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

b. Đi sang Châu Mĩ tìm đường cứu nước.

c. Đi sang Châu Phi tìm đường cứu nước.

d. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 2. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là:

a. Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga (1917) đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

b. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).

c. Đọc sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

d. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).

Câu 3. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Đó là nội dung của tờ báo nào?

a. Đời sống công nhân. b. Nhân đạo.

c. Người cùng khổ. d. Tạp chí thư tín quốc tế.

Câu 4. Để nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tìm hiểu cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến đầu 1923 Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở đâu?

a. Liên Xô. b. Pháp.

c. Trung Quốc. d. Anh.

Câu 5. Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa trong:

a. Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (12/1920).

b. Hội nghị Quốc tế nông dân (6/1923).

c. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924).

d. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (5/1929).

Câu 6. Năm 1922 Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo:

a. Đời sống công nhân. b. Người cùng khổ (Le Paria).

c. Nhân đạo. d. Sự thật.

Câu 7. Từ 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước nào?

a. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

b. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc.

c. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.

d. Câu a và c đúng.

Câu 8. Trong quá trình hoạt động để chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam, hoạt động nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc đã diễn ra tại Quảng Châu (Trung Quốc)?

a. Dự Hội nghị Quốc tế nông dân (1924).

b. Dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V(1924).

c. Ra báo "Thanh niên"(1925).

d. Xuất bản tác phẩm " Bản án chế độ thực dân".

Câu 9. Mục đích của chủ trương "vô sản hóa" của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là gì?

a. Đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống lao động với công nhân để tự rèn luyện, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

b. Rèn luyện tính kỉ luật cho hội viên.

c. Hội viên sống gần gũi với quần chúng.

d. Xây dựng phong trào cách mạng ở tận cơ sở.

Câu 10. Những hoạt động nào của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc?

a. Mở lớp tập huấn chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu ra báo "Thanh niên".

b. Bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.

c. Chủ trương phong trào "vô sản hóa".

d. Sự ra đời của một số đoàn thể quần chúng như: Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ.....

Câu 11. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1924 có ý nghĩa gì?

a. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin để truyền bá về trong nước.

b. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

c. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

d. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Câu12. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển nhiều cơ sở trong nước vào năm nào?

a. 1924. b. 1925.

c. 1926. d. 1927.

Câu 13. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là gì?

a. Báo " Thanh niên". b. Báo "Nhân đạo".

c. Báo "Đời sống công nhân". d. Báo "Người cùng khổ".

Câu 14. Chủ trương năm 1928 của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là gì?

a. Phong trào đòi quyền tự quyết dân tộc.

b. Phong trào "vô sản hóa".

c. Phong trào đòi tự do dân chủ.

d. Phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ.

e. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

BÀI 17.
CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926-1927)

- Những điểm mới trong phong trào cách mạng Việt Nam (1926-1927): Phong trào công nhân, nông dân và tiểu tư sản phát triển đã kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập biểu hiện ở đấu tranh mang tính thống nhất, trình độ giác ngộ của công nhân được nâng lên rõ rệt.

II. Tân Việt Cách mạng đảng (7-1928)

- Hoàn cảnh: Ra đời trong phong trào yêu nước dân chủ đầu những năm 20 của thế kỉ XX.
- Thành phần: là những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.
- Hoạt động:
  + Khi mới thành lập, là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt.
  + Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện và vận động hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
  + Nội bộ Tân Việt đã phân hoá thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản.
  + Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

> Tân Việt còn nhiều hạn chế song cũng là một tổ chức cách mạng mới.

III. Việt Nam Quốc dân đảng (1927) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)

1. Việt Nam Quốc dân đảng

- Những điều kiện dẫn tới thành lập cơ sở hạt nhân là Nam đồng thư xã: ảnh hưởng của cách mạng Tân hợi Trung Quốc với "Chủ nghĩa Tam dân" của Tôn Trung Sơn dẫn tới sự ra đời của Việt Nam Quốc dân đảng vào cuối năm 1927.
- Những điểm chính về Chính trị, tư tưởng và tổ chức của Việt Nam Quốc dân đảng: Theo xu hướng cách mạng dân tộc, dân chủ. Mục tiêu của đảng là đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền, tổ chức chưa thành hệ thống, ít cơ sở quần chúng, thành phần phức tạp.

2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

- Bị động trước tình thế thực dân Pháp khủng bố sau vụ mưu sát Ba-danh, những người lãnh đạo Việt Nam Quốc dân đảng quyết định đứng lên khởi nghĩa.

- Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái đêm 9-12-1930, sau đó là Phú Thọ, Hả Dương, Thái Bình.Thực dân Pháp nhanh chống đè bẹp, Nguyễn Thái Học cùng 1: đồng chí của ông bị kẻ thù chém ở Yên Bái.

3. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

- *Nguyên nhân.*

+ Khách quan: Thực dân Pháp còn mạnh và chúng đàn áp tàn bạo.

+ Chủ quan: Do sự non yếu về chính trị và tổ chức, không đáp ứng đượ yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

- Ý nghĩa lịch sử: Cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù giặc của nhân dân t đối với thực dân và phong kiến.

IV. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929

- Bối cảnh: Cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào dân tộc, dân chủ (nước ta, đặc biệt là phong trào công nông đi theo con đường cách mạng vô sản phá triển mạnh, đặt ra yêu cầu phải có một chính đảng của giai cấp vô sản để kịp thờ đưa cách mạng Việt Nam tiến lên những bước mới.

- Quá trình ra đời:

+ Trong nội bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã hình thành tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng (tháng 6-1929) và An Nam Cộn sản đảng (8-1929).

- Bộ phận tiên tiến của Tân Việt Cách mạng đảng đã thành lập Đông Dươn Cộng sản liên đoàn (9-1929).

- Ý nghĩa lịch sử: Ba tổ chức cộng sản ra đời chứng tỏ tư tưởng cộng sản đ giành được ưu thế trong phong trào dân tộc, chứng tỏ các điều kiện thành lập đản ở Việt Nam đã chín muồi.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nội bộ Tân Việt cách mạng đảng phân hóa vì sao?

a. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, lí luận và tư tưởn cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin có ảnh hưởng đến số đảng viên trẻ của Tâ Việt.

b. Nội bộ Tân Việt không thống nhất.

c. Tác động của tình hình thế giới vào Việt Nam.

d. Sự vận động hợp nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 2. Tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng của trào lưu tı tưởng nào?

a. Chủ nghĩa dân tộc. b. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

c. Chủ nghĩa Mác- Lênin. d. Chủ nghĩa dân sinh.

Câu 3. Đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng bao gồm những thành phầ nào?

a. Học sinh, sinh viên, tiểu tư sản, trí thức trẻ.

b. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.

c. Sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, nông dân khá giả, thân hào địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

d. Học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, địa chủ, phong kiến.

Câu 4. Nhân vật nào đã đứng đầu Công hội (bí mật) ở Sài Gòn- Chợ Lớn năm 1920?

a. Phạm Hồng Thái.
b. Tôn Đức Thắng.
c. Phó Đức Chính.
d. Nguyễn Thái Học

Câu 5. Vì sao cuối năm 1928 đầu năm 1929 những người cộng sản Việt Nam thấy cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc?

a. Do phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh.

b. Do phong trào dân tộc và dân chủ o nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh.

c. Trước sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Việt Nam Quốc dân đảng tan rã.

d. Sự phát triển mạnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt.

Câu 6. Sự phân hoá của Tân Việt cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

a. Đông Dương Cộng sản đảng.

b. An Nam Cộng sản đảng.

c. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

d. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 7. Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

a. Tháng 3/1929.
b. Tháng 4/1929.
c. Tháng 5/1929.
d. Tháng 6/1929.

Câu 8. An Nam Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

a. Tháng 6/1929.
b. Tháng 7/1929.
c. Tháng 8/1929.
d. Tháng 9/1929.

Câu 9. Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào thời gian nào?

a. Tháng 7/1929.
b. Tháng 8/1929.
c. Tháng 9/1929.
d. Tháng 10/1929.

Câu 10. Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam là gì?

a. Thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam.

b. Biểu hiện sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

c. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương II
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930-1939

BÀI 18
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930)

** Bối cảnh lịch sử:*

- Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ phát triển.

- Hoạt động của 3 tổ chức cộng sản mang tính riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau đã gây trở ngại lớn cho phong trào cách mạng.

- Yêu cầu bức thiết lúc này là phải có một đảng cộng sản thống nhất trong cả nước.

- Quốc tế cộng sản chỉ thị cho những người cộng sản Đông Dương thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất. Thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản và theo yêu cầu của những người cộng sản Đông Dương, cuối năm 1929 Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất.

** Nội dung hội nghị:*

- Hội nghị họp từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930 tại Cửu Long (Hương Cảng-Trung Quốc)

- Hội nghị đã nhất trí: thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Được xem là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh của Đảng nêu là:

- Việt Nam trước tiên làm cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân), sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó kế tiếp nhau.

- Nhiệm vụ cách mạng: đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp và bọn vua quan phong kiến, tư sản phản cách mạng.

- Mục tiêu cách mạng: làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ công-nông-binh, tổ chức ra quân đội công-nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, lấy lại ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Công nông là gốc cách mạng. Cách mạng đồng thời đoàn kết tiểu tư sản, tư sản dân tộc và trung tiểu địa chủ chưa lộ rõ phản cách mạng.

- Vai trò lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mac-Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản và khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc.

+ Không thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

+ Những nhược điểm này mang tính "tả khuynh", giáo điều. Phải trải qua quá trình đấu tranh thực tiễn cách mạng, những nhược điểm trên mới dần dần được khắc phục.

III. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

+ Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

- Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam: chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc.

- Cách mạng Việt Nam đã trở thành một bộ phận khăn khít của cách mạng thế giới

- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định đến những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập (3/2/1930) tại Hương Cảng vì nhiều lí do. Lí do nào sau đây không đúng?

a. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.

b. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó.

c. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.

d. Để thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930) được thể hiện như thế nào?

a. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên để hội nghị thông qua.

c. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam

d. Câu a và b đúng.

Câu 3. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là gì?

a. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

b. Thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất cho triệt để.

c. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

d. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc

Câu 4. Nội dung của Hội nghị thành lập Đảng:

a. Thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

b. Thông qua Chính cương, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng và chỉ định Ban chấp hành Trung ương lâm thời.

c. Bầu Ban chấp hành Trung ương lâm thời.

d. Quyết định lấy tên đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 5. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp:

a. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào dân tộc, dân chủ.

b. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân.

c. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

d. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào nông dân.

Câu 6. Đảng Cộng sản ra đời do tác động của nhiều yếu tố, yếu tố nào sau đây không đúng?

a. Sự phát triển của phong trào yêu nước Việt Nam.

b. Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng.

c. Sự phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam.

d. Sự phát triển tự giác phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 7. Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930 đã thông qua những vấn đề gì?

a. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

b. Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

c. Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.

d. Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

Câu 8. Tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nội dung của:

a. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

b. Điều lệ của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo.

c. Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

d. Luận cương chính trị 1930 do Trần Phú khởi thảo.

Câu 9. Đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam, đó là ý nghĩa sự kiện lịch sử nào?

a. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.

b. Thành lập An Nam Cộng sản đảng.

c. Thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

d. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 10. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

a. Đảng ra dời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam từ sau cách mạng tháng Mười Nga.

b. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

c. Bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam (chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc).

d. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

e. Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam.

g. Tất cả các ý trên.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Cách mạng vô sản thế giới, đứng về phía mặt trận cách mạng gồm các dân tộc thuộc địa và giai cấp công nhân trên thế giới.

+ Đây là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên này thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn, với tư tưởng cốt lõi là độc lập dân tộc và tự do dân chủ.

- Nhân dịp này Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

- Sau hội nghị thống nhất, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn xin gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 23-2-1930, yêu cầu đó được chấp nhận. Đến đây Đảng Cộng sản Việt Nam mới là đảng thống nhất của 3 tổ chức cộng sản.

II. Luận cương chính trị (10-1930)

- Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, diễn ra quyết liệt, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10-1930.

+ Hội nghị quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Bầu Ban chấp hành Trung ương chính thức và bầu Trần Phú làm Tổng bí thư. Hội nghị còn thông qua Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú soạn thảo.

* *Luận cương chính trị của Đảng nêu rõ:*

- Tính chất cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng dự bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ ách thống trị của chế độ phong kiến và chủ nghĩa đế quốc Pháp. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau.

- Mục tiêu cách mạng là làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ công nông, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để đem chia cho dân cày.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Trong đó giai cấp vô sản lãnh đạo.

- Vai trò lãnh đạo là Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Đông Dương.

- Phương pháp đấu tranh: tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, võ trang bạo động, đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị.

- Vị trí của Cách mạng Việt Nam: Quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.

- Đảng vận động, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt rồi đưa dần quần chúng lên trận tuyến cách mạng: khi tình thế cách mạng xuất hiện thì phát động quần chúng vũ trang bạo động, đánh đổ chính quyền giai cấp thống trị, giành chính quyền cho công nông.

- Điều cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng: đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Luận cương chính trị đã xác định được nhiều vấn đề chiến lược cách mạng, nhưng cũng bộc lộ những nhược điểm và hạn chế nhất định.

+ Chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa nên không nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu (trong lúc nêu cao vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề cách mạng ruộng đất).

BÀI 19.
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930-1935

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) là cuộc khủng hoảng thừa, từ các nước tư bản lan nhanh sang các nước thuộc địa.

+ Kinh tế: Nền kinh tế Việt Nam, vốn đã phụ thuộc hoàn toàn kinh tế Pháp, nay gánh thêm hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) -> kinh tế suy sụp.

+ Xã hội: Nhân dân lao động, trước tiên là công nhân và nông dân, chịu nhiều tai hoạ nhất. Số công nhân mất việc ngày càng tăng, số còn việc thì tiền lương giảm đáng kể, nông dân tiếp tục bị bần cùng hoá, bị mất đất, chịu sưu thuế ngày càng tăng, các tầng lớp khác cũng lâm vào tình cảnh điêu đứng.

+ Chính trị: nhất là từ sau khởi nghĩa Yên Bái thất bại - đế quốc Pháp đẩy mạnh chiến dịch đàn áp, khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng.

- Tác động của khủng hoảng cùng với chính sách khủng bố trắng của đế quốc Pháp càng nung nấu lòng căm thù chúng, nâng cao tinh thần cách mạng của nhân dân ta.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động cả nước đứng lên đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập tự do.

II. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô-viết Nghệ-Tĩnh

a. Phong trào trên toàn quốc:

+ Sau khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng (9-2-1930) là phong trào đấu tranh của quần chúng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, bùng lên mạnh mẽ khắp ba miền Bắc-Trung-Nam, nổi lên là phong trào của công nhân và nông dân. Tiêu biểu là ngày 1-5-1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân cả nước đã tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức để biểu dương lực lượng và tỏ rõ sự đoàn kết với vô sản thế giới.

b. Phong trào ở Nghệ-Tĩnh: Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Mở đầu là cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1-5-1930.

- Phong trào phát triển lên bước mới là cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Vinh-Bến Thuỷ nhân ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc 1-8-1930. Cuộc tổng bãi công đánh dấu "một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến".

- Từ sau 1-5 đến tháng 9-1930, ở nhiều vùng nông thôn thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh quy mô lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

- Phong trào phát triển tới đỉnh cao trong tháng 9-1930. Phong trào quần chúng tập hợp dưới khẩu hiệu chính trị kết hợp với khẩu hiệu kinh tế diễn ra dưới hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương.

- Ngày 12-9-1930: hai vạn nông dân ở Hưng Nguyên (Nghệ An) đã biểu tình phản đối chính sách khủng bố của Pháp và tay sai.

- Trong suốt hai tháng 9 và 10-1930, nông dân ở Nghệ-Tĩnh đã vũ trang khởi nghĩa, công nhân đã phối hợp với nông dân, phản đối chính sách khủng bố của địch. Hệ thống chính quyền của đế quốc, phong kiến ở nhiều nơi tan rã.

- Để thay thế chính quyền cũ, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, các Ban Chấp hành nông hội xã đã đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn. Đây là một hình thức chính quyền nhân dân theo kiểu Xô-viết.

- Chính quyền Xô viết ở các làng, xã đã thực hiện một số chính sách: Bãi bỏ sưu thuế, mở lớp học chữ Quốc ngữ, thành lập Nông hội, Công hội, hội Phụ nữ giải phóng. Mỗi làng có đội tự vệ vũ trang...

- Xô-viết Nghệ - Tĩnh diễn ra được 4-5 tháng thì bị đế quốc phong kiến tay sai đàn áp. Từ giữa năm 1931 phong trào tạm thời lắng xuống.

- Tuy thất bại, nhưng Xô-viết Nghệ - Tĩnh, đỉnh cao của phong trào cách mạng (1930-1931), là sự kiện trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta.

+ Lần đầu tiên, liên minh công nông được thiết lập để chống đế quốc, phong kiến và đã giáng một đòn mạnh vào nền thống trị của đế quốc phong kiến.

+ Chứng tỏ sức mạnh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng đánh đổ chính quyền của thực dân phong kiến, xây dựng xã hội mới.

- Đây là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.

III. Lực lượng cách mạng được phục hồi

- Cuối năm 1931, cách mạng Việt Nam bước vào thời kì khó khăn và bị nhiều tổn thất.

- Địch khủng bố tàn bạo, các cơ quan lãnh đạo của Đảng đã bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ đảng viên bị bắt bớ, tù đày, giết hại. Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

- Các đảng viên cộng sản và những người yêu nước vẫn tiếp tục đấu tranh để khôi phục phong trào.

+ Ở trong tù, các đảng viên cộng sản đã kiên cường đấu tranh bất khuất, biến nhà tù thành trường học cách mạng.

+ Những đảng viên bên ngoài tìm mọi cách gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

- Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đưa cách mạng Việt Nam sang giai đoạn mới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Để giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) thực dân Pháp đã làm gì?

a. Tăng cường bóc lột công nhân Pháp.

b. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

c. Tăng cường bóc lột các nước thuộc địa.

d. Vừa bóc lột công nhân và nhân dân lao động chính quốc vừa bóc lột các nước thuộc địa.

Câu 2. Lần đầu tiên nhân dân lao động Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động vào thời gian nào?

a. 1/5/1929. b. 1/5/1930. c. 1/5/1931. d. 1/5/1933.

Câu 3. Năm 1930 Nghệ Tĩnh là nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất vì sao?

a. Là nơi bị thực dân Pháp khủng bố tàn khốc nhất.

b. Là quê hương của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

c. Là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đông nhất.

d. Là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm, là nơi có chi bộ Đảng hoạt động mạnh.

Câu 4. Lần đầu tiên truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng Cộng sản đã xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và những địa phương khác trong phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Việt Nam vào thời gian nào?

a. Cuối 1929 đầu 1930. b. Tháng 2 đến tháng 4/1930.

c. 1/5/1930. d. 12/9/1930.

Câu 5. Lần đầu tiên công nhân, nông dân và quần chúng lao động Đông Dương tỏ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình đó là:

a. Phản đối thực dân Pháp bắt lính người Việt sang tham chiến ở Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).

b. Kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930.

c. a và b đúng.

d. a và b sai.

Câu 6. Hai khẩu hiệu nào dưới đây được Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930-1931?

a. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

b. "Tự do dân chủ" và "Cơm áo hoà bình".

c. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến".

d. "Đánh đổ đế quốc" và "Xoá bỏ ngôi vua".

Câu 7. Tổ chức nào đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị, xã hội ở nông thôn Nghệ-Tĩnh?

a. Ban Chấp hành nông hội. b. Ban Chấp hành công hội.

c. Hội Phụ nữ giải phóng. d. Đoàn Thanh niên phản đế.

Câu 8. Chính quyền Xô-viết Nghệ-Tĩnh đã làm gì để xây dựng xã hội mới?

a. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện quyền tự do dân chủ.

b. Bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc phong kiến đặt ra, chia lại ruộng đất, giảm tô, xóa nợ.

c. Khuyến khích nông dân học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín.

d. Tất cả ý trên đúng.

Câu 9. Chính quyền Xô-viết Nghệ-Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

a. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

b. Chia ruộng đất công cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xoá nợ.

c. Xoá bỏ các tập tục lạc hậu, khuyến khích nhân dân học chữ Quốc ngữ.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 10. Đại hội lần thứ nhất của Đảng diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?

a. 3/1935 ở Ma Cao - Trung Quốc. b. 3/1935 ở Hương Cảng - Trung Quốc.

c. 3/1935 ở Xiêm - Thái Lan. d. 3/1935 ở Cao Bằng - Việt Nam.

BÀI 20.
CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936-1939

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình thế giới và trong nước

** Tình hình thế giới:*

- Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước (Đức-Italia-Nhật) đe doạ nền dân chủ và hoà bình thế giới.

- Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới và vận động thành lập ở mỗi nước Mặt trận nhân dân, tập hợp các lực lượng tiến bộ để chống phát-xít.

- Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền ở Pháp, ban bố những chính sách tiến bộ áp dụng cho cả thuộc địa.

** Tình hình trong nước:*

- Hậu quả nặng nề của khủng hoảng kinh tế 1929-1933 tác động sâu sắc không chỉ đến đời sống của các tầng lớp lao động mà đến cả những nhà tư sản, địa chủ vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương tiếp tục chính sách bóc lột, khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng.

- Do có những thay đổi ở Pháp, nhất là trong chính phủ cầm quyền, bọn cầm quyền ở Đông Dương buộc phải có những thay đổi trong chính sách cai trị, chịu thả một số tù chính trị. Những tù chính trị được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Lực lượng cách mạng lúc này cũng đã được phục hồi. Cách mạng có thêm điều kiện thuận lợi để chuyển sang thời kì đấu tranh mới.

- Căn cứ vào tình hình trên và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị trung ương lần thứ nhất (7-1936) của Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

+ Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động Pháp và tay sai.

+ Xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình.

+ Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

+ Hình thức phương pháp đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

II. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ

+ Chủ trương mới của Đảng đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, đã dấy lên trong cả nước phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ nhằm vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

+ Giữa 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập "Ủy ban trù bị Đại hội Đông Dương" nhằm thu thập nguyện vọng của

quần chúng, tiến tới Đại hội Đông Dương (5-1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

+ Đầu 1937, nhân việc đón phái viên Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp và viên toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gô-đa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa "dân nguyện".

- Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, nhân dân lao động ở thành phố:

+ Tổng bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai (với sự tham gia của 2,5 vạn người).

+ Cuộc mít tinh ngày 1-5-1938 tại khu Đấu Xảo-Hà Nội (với sự tham gia của 2,5 vạn người)...

- Xuất bản sách báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể (Tiền phong, Dân chủ, Lao động, Bạn dân, Tin tức..)

- Một số cuốn sách phổ thông giới thiệu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chính sách của Đảng cũng được lưu hành rộng rãi (cuốn "Vấn đề dân cày" của Qua Ninh và Vân Đình).

III. Ý nghĩa của phong trào

+ Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp 1936-1939 là phong trào dân tộc dân chủ rộng lớn. Nhờ đó, Đảng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục sâu rộng tư tưởng Mác - Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng, tập hợp đông đảo quần chúng trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất rộng rãi, tổ chức thành đội quân chính trị của quần chúng gồm hàng triệu người ở thành thị và nông thôn.

+ Qua lãnh đạo phong trào quần chúng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ, đảng viên được nâng lên, đội ngũ cán bộ cách mạng dày dạn kinh nghiệm càng đông đảo, tổ chức của Đảng được củng cố và phát triển. Đó là cuộc diễn tập thứ hai của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho thắng lợi Cách mạng tháng Tám sau này.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII (7/1935) xác định kẻ thù trước mắt nguy hiểm của nhân dân thế giới là gì?

a. Chủ nghĩa thực dân cũ. b. Chủ nghĩa thực dân mới.
c. Chủ nghĩa phát xít. đ. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 2. Trong năm 1936, Mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào Nghị viện, lên cầm quyền và ban hành một số chính sách tiến bộ cho các nước thuộc địa?

a. Nước Đức. b. Nước Pháp.
c. Nước Anh. đ. Nước Tây Ban Nha.

Câu 3. Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo sách lược trong thời kỳ 1936-1939 dựa trên cơ sở nào?

a. Đường lối nghị quyết của Quốc tế cộng sản.
b. Tình hình thực tiễn của Việt Nam.
c. Tình hình thế giới, trong nước có sự thay đổi và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản.
d. Đảng Cộng sản Đông Dương phục hồi và hoạt động mạnh.

Câu 4. Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương thời kì 1936-1939 là:

a. Bọn phản động thuộc địa.

b. Chủ nghĩa phát xít.

c. Bọn phản động Pháp và bè lũ tay sai.

d. Thực dân Pháp và chính quyền phong kiến.

Câu 5. Hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kì 1936-1939 có gì khác so với thời kì 1930 -1931?

a. Đấu tranh bí mật.

b. Đấu tranh hợp pháp nửa hợp pháp, công khai nửa công khai.

c. Đấu tranh bất hợp pháp.

d. Đấu tranh công khai.

Câu 6. Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

a. "Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập".

b. "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày".

c. "Độc lập dân tộc" "Người cày có ruộng".

d. "Chống phát xít chống chiến tranh đế quốc chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình".

Câu 7. Tháng 8/1936 Đảng chủ trương phát động phong trào gì?

a. Đông Dương đại hội.

b. Phong trào đòi dân sinh dân chủ.

c. Vận động người của Đảng vào Viện dân biểu.

d. Mít tinh diễn thuyết thu thập "dân nguyện".

Câu 8. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936-1939 thực sự là một cuộc cách mạng gì?

a. Một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ.

b. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

c. Một cuộc đấu tranh giai cấp.

d. Một cuộc tổng diễn tập cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Câu 9. Phong trào đấu tranh của giai cấp công - nông và các tầng lớp nhân dân tiêu biểu nhất trong thời kì 1936-1939 là gì?

a. Cuộc vận động Đông Dương đại hội (1936).

b. Phong trào đón rước phái viên chính phủ Pháp và toàn quyền mới Đông Dương (1937).

c. Tổng bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai (11/1936) và cuộc mít tinh tại khu Đấu Xảo (Hà Nội) 5/1938.

d. Phong trào báo chí tiến bộ và đấu tranh nghị trường.

Câu 10. Kết quả lớn nhất của phong trào cách mạng dân chủ 1936-1939 là gì?

a. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh, dân chủ.

b. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.

c. Thành lập Mặt trận Dân chủ Nhân dân đoàn kết rộng rãi các tầng lớp xã hội.

d. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, Đảng được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm xây dựng mặt trận thống nhất.

CHƯƠNG III
CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

BÀI 21
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939-1945

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình thế giới và Đông Dương

- Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tấn công nước Pháp, Chính phủ phản động Pháp đầu hàng làm tay sai cho Đức (6-1940).

- Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và cho quân tiến sát biên giới Việt-Trung.

- Tháng 9-1940, Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật rồi cấu kết với Nhật để cùng áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương.

+ Thủ đoạn gian xảo của Pháp: Thi hành chính sách "kinh tế chỉ huy", tăng các loại thuế.

+ Thủ đoạn thâm độc của Nhật: Thu mua lương thực (chủ yếu là gạo, lúa) theo lối cưỡng bức.

- Dưới hai tầng lớp áp bức, bóc lột của Pháp-Nhật, đời sống của các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân bị đẩy đến tình trạng cực khổ, điêu đứng.

II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên

1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940)

- Đêm 22-9-1940, quân Nhật tiến đánh Lạng Sơn, quân Pháp thua bỏ chạy qua châu Bắc Sơn. Thừa cơ đó, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy tước khí giới của quân Pháp để tự võ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27-9-1940). Nhưng mấy hôm sau, Nhật thoả hiệp để Pháp quay trở lại đàn áp, tập trung dân, bắn giết nghĩa quân, đốt phá nhà cửa, cướp đoạt của cải.

- Lực lượng vũ trang Bắc Sơn rút vào rừng, bảo toàn lực lượng, thành lập đội du kích Bắc Sơn.

2. Khởi nghĩa Nam Kì (23-11-1940)

- Quân Xiêm (Thái Lan) với sự giúp đỡ của Nhật - lợi dụng cơ hội quân Pháp bại trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, tiến hành khiêu khích, xung đột dọc biên giới với Lào và Cam-pu-chia. Để chống lại, thực dân Pháp bắt lính người Việt ra trận chết thay cho chúng (11-1940). Nhân dân, nhất là binh lính người Việt, rất bất bình và sôi sục khí thế đấu tranh.

- Tình thế cấp bách nên đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn y của Trung ương, lệnh đình chỉ khởi nghĩa của Đảng ngoài Bắc vào

chậm. Trước ngày khởi sự, một số cán bộ chỉ huy bị bắt, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, thực dân Pháp tìm cách đối phó.

- Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra theo dự kiến vào đêm 22 rạng sáng 23-11-1940 ở hầu khắp các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bốt của giặc, phá tan nhiều chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng ở địa phương. Cờ đỏ sao vàng lần đầu xuất hiện từ trong khởi nghĩa quần chúng.

- Thực dân Pháp tập trung lực lượng, dùng nhiều thủ đoạn đàn áp cuộc khởi nghĩa. Cách mạng bị tổn thất nặng nề, nhưng một số cán bộ và nghĩa quân rút vào rừng, chờ thời cơ để hoạt động trở lại.

3. Binh biến Đô Lương (13-1-1941)

- Binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp (ở Nghệ An) bị Pháp đẩy đi làm bia đỡ đạn cho chúng ở biên giới Lào-Thái Lan.

- Ngày 13-1-1941, binh lính ở Chợ Rạng nổi dậy chiếm đồn Đô Lương, sau đó lên ô tô kéo về Vinh, định phối hợp với binh lính ở đây giết giặc chiếm thành, song kế hoạch không thành.

- Binh biến Đô Lương nhanh chóng bị Pháp dập tắt.

** Ý nghĩa và bài học 3 sự kiện trên:*

- Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương nổ ra vào lúc kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị kĩ lưỡng nên trước sau đều thất bại.

- Các sự kiện oanh liệt đó đã "gây ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc", nêu cao tinh thần anh hùng bất khuất của nhân dân ta, giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, cảnh báo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân vào nước ta. "đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc".

- Các cuộc khởi nghĩa và binh biến trên, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, đã để lại cho Đảng Cộng sản Đông Dương những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích, trực tiếp chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa tháng Tám về sau.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1.Thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương và thỏa hiệp với phát xít Nhật, phát xít Nhật lôi kéo tập hợp tay sai truyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng Pháp. Đó là đặc điểm tình hình Việt Nam trong thời kỳ:

a. 1930-1931. b. 1932-1933. c. 1936-1939. d. 1939-1945.

Câu 2. Để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương và tăng cường việc đầu cơ tích trữ để vơ vét bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách gì?

a. Tăng các loại thuế gấp ba lần.

h. Thi hành chính sách " Kinh tế chỉ huy".

c. Thu mua lương thực theo giá rẻ mạt.

d. Bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

Câu 3. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương (23/7/1941) được ký giữa Pháp và Nhật thừa nhận:

a. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.

b. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

c. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự.

d. Pháp phải bảo đảm hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

Câu 4. Nguyên nhân trực tiếp làm hơn 2 triệu người miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945?

a. Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

b. Tăng thuế để vơ vét bóc lột nhân dân ta.

c. Thu mua lương thực chủ yếu là lúa gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt.

d. Nhật bắt Pháp phải vơ vét của nhân dân ta cung đốn cho Nhật.

Câu 5. Sự áp bức bóc lột dã man của Nhật- Pháp đã dẫn đến hậu quả gì?

a. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam, với phát xít Nhật sâu sắc.

b. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp sâu sắc.

c. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật -Pháp sâu sắc.

d. Mâu thuẫn giữa toàn thể các dân tộc Đông Dương với Nhật sâu sắc.

Câu 6. Nguyên nhân chung nhất của ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1941) Nam Kì (11/1940) binh biến Đô Lương (1/1941)?

a. Binh lính người Việt bị Pháp bắt sang chiến trường Thái Lan.

b. Thực dân Pháp cấu kết với Nhật bóc lột nhân dân ta.

c. Mâu thuẫn sâu sắc của cả dân tộc với phát xít Nhật và thực dân Pháp.

d. Sự đầu hàng nhục nhã của Pháp đối với Nhật.

Câu 7. Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua chạy nhân cơ hội đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương nhân dân ta đã vùng dậy khởi nghĩa vào ngày 27/9/1940. Đó là nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa?

a. Bắc Sơn (9/1940). b. Nam Kì (11/1940).

c. Binh biến Đô Lương (1/1941). d. Tất cả các cuộc khởi nghĩa trên.

Câu 8. Lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?

a. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1940). b. Cuộc binh biến Đô Lương (1/1941).

c. Cuộc khởi nghĩa Nam Kì (11/1940). d. Cả ba cuộc khởi nghĩa trên.

Câu 9. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng, chiến tranh du kích là cuộc khởi nghĩa nào?

a. Khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1940). b. Khởi nghĩa Nam Kì (11/1940).

c. Binh biến Đô Lương (1-1941). d. Cả 3 cuộc khởi nghĩa.

Câu 10. Nguyên nhân chung làm cho ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương thất bại là gì?

a. Quần chúng chưa sẵn sàng.

b. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức, chuẩn bị đầy đủ, thời cơ chưa chín muồi.

c. Lực lượng vũ trang còn yếu.

d. Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

BÀI 22
CAO TRÀO CÁCH MẠNG
TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19-5-1941)

Bối cảnh lịch sử:

* Thế giới:

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước sang năm thứ ba. Tháng 6-1941, phát xít Đức mở cuộc tấn công Liên Xô.

- Trên thế giới hình thành hai trận tuyến, một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô dẫn đầu, một bên là khối phát xít Đức-Ý-Nhật. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một phần trong cuộc đấu tranh của lực lượng dân chủ.

* Trong nước:

- Nhật vào Đông Dương. Pháp -Nhật câu kết với nhau để gây áp bức, thống trị nhân dân Đông Dương, vận mệnh của dân tộc nguy vong hơn bao giờ hết.

- Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước.

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 8 do Nguyễn Ái Quốc chủ trì (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941) đã chủ trương:

+ Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

+ Chủ trương thành lập "Việt Nam độc lập đồng minh" gọi tắt là Việt Minh.

** Hoạt động của Mặt trận Việt Minh.*

- Xây dựng lực lượng cách mạng:

+ Ở căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai: Các đội du kích đã thống nhất thành đội Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích, sau phân tán nhỏ để gây cơ sở trong quần chúng.

+ Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân như học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào Mặt trận cứu quốc.

+ Đảng và Mặt trận Việt Minh đã xuất bản một số tờ báo để tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng.

- Tiến lên đấu tranh vũ trang:

+ Tháng 5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa.

+ Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.

+ Lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị phát triển mạnh, hỗ trợ cho nhau, góp phần mở rộng căn cứ cách mạng trong cả nước.

II. Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945)

- Cuối 1944 đầu 1945, chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc. Trên chiến trường châu Âu, phát xít Đức bị quét khỏi lãnh thổ Liên Xô, nhiều nước Đông Âu được giải phóng. Béclin sắp thất thủ. Nước Pháp được giải phóng.

- Ở Mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật khốn đốn vì những đòn tấn công của Anh, Mĩ.

- Ở Đông Dương: Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chờ quân đồng minh vào.

- Đêm 9-3-1945, khi tình thế thất bại của phát xít Nhật gần kề, buộc Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương.

2. Tiến tới khởi nghĩa tháng Tám 1945

- Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng đã họp:

+ Ra bản chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

+ Xác định kẻ thù cụ thể lúc này là: Phát xít Nhật. Thay khẩu hiệu "đánh đổ phát xít Pháp-Nhật" bằng khẩu hiệu "đánh đổ phát xít Nhật", đưa ra khẩu hiệu "thành lập chính phủ cách mạng" để chống lại chính quyền bù nhìn Nhật.

+ Hội nghị Ban thường vụ quyết định phát động một cao trào "kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Tiếp đó Mặt trận Việt Minh ra "hịch" kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Những hoạt động tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

+ Phong trào đấu tranh, khởi nghĩa từng phần phát triển mạnh ở thượng du và trung du miền Bắc.

+ 15-4-1945 Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

+ Khu giải phóng Việt Bắc ra đời (4-6-1945).

+ Phong trào "phá kho thóc, giải quyết nạn đói".

Một bầu không khí tiền khởi nghĩa lan rộng khắp cả nước, báo trước giờ hành động quyết định sắp tới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước sau bao nhiêu năm xa cách?

a. 15 năm. b. 20 năm. c. 25 năm. d. 30 năm.

Câu 2. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là gì?

a. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

b. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp-Nhật.

c. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

d. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 3. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII quyết định tạm gác khẩu hiệu nào?

a. "Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo".

b. "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày".

c. "Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng công".

d. Thực hiện "Người cày có ruộng".

Câu 4. Đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam là gì?

a. Đội du kích Bắc Sơn. b. Đội du kích Ba Tơ.

c. Đội du kích Võ Nhai. d. Đội du kích Đình Bảng.

'âu 5. Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa:

a. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.

b. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

c. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.

d. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

'âu 6. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày tháng ăm nào?

a.22/12/1941. b.22/12/1942.

c.22/12/1943. d.22/12/1944.

'âu 7. Khi Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp và hận định tình hình như thế nào?

a. Cuộc đảo chính Nhật- Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.

b. Ra chỉ thị " Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

c. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật để độc quyền chiếm Đông Dương.

d. Nhật là kẻ thù chủ yếu của nhân dân Đông Dương.

'âu 8. Chỉ thị "Nhật -Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là của:

a. Tổng bộ Việt Minh.

b. Hồ Chí Minh.

c. Ban thường vụ Trung ương Đảng.

d. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

'âu 9. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã quyết định:

a. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

b. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.

c. Phát động một cao trào " Kháng Nhật cứu nước".

d. Khởi nghĩa giành chính quyền.

'âu 10. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B:

A	B
1. 28/1/1941	a. Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ VIII.
2. 9/3/1945	b. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân thành lập.
3. 15/4/1945	c. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước.
4. 10-19/5/1945	d. Việt Minh ra chỉ thị "Sắm vũ khí đuổi thù chung".
5. 22/12/1944	e. Mặt trận Việt Minh thành lập.
6. 7/5/1944	f. Nhật đảo chính Pháp.
7. 19/5/1941	g.Thống nhất các lực lượng vũ trang thành lập Việt Nam giải phóng quân.

BÀI 23
TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

** Hoàn cảnh lịch sử:*

- Tháng 5-1945, phát xít Đức bị đánh bại.
- Tháng 8-1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

** Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 14 đến 15-8-1945, quyết định:*

- Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào.
- Thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc.
- Ra Quân lệnh số một kêu gọi toàn dân nổi dậy.

** Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào ngày 16-8-1945:*

- Thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.
- Lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời sau này) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, qui định Quốc kì, Quốc ca.
- Đại hội vừa bế mạc, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.
- Chiều 16-8-1945, theo mệnh lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, một đơn vị quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.

II. Giành chính quyền ở Hà Nội

- Ngày 15-8-1945, Hà Nội nhận được lệnh khởi nghĩa.
- Đội tuyên truyền xung phong của Việt Minh đã tổ chức diễn thuyết, rải truyền đơn, biểu ngữ, kêu gọi tổng khởi nghĩa khắp ở Hà Nội.
- Sáng 19-8-1945, nhân dân Hà Nội đã kéo tới quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức, sau đó đoàn người đã chia nhau chiếm các công sở của chính quyền bù nhìn: phủ Khâm sai, Toà thị chính, Sở cảnh sát, Trại bảo an... Trước khí thế sục sôi của quần chúng, Nhật dù có hơn 1 vạn quân cũng không thể làm gì được. Binh lính và cảnh sát nguỵ cũng bất lực và ngả theo cách mạng. Chính quyền hoàn toàn thuộc về tay nhân dân.

III. Giành chính quyền trong cả nước

- Từ ngày 14 đến ngày 18-8, bốn tỉnh lị giành chính quyền sớm nhất trong cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- Ngày 19-8-1945, Hà Nội giành chính quyền.
- Ngày 23-8-1945, Huế giành chính quyền.
- Ngày 25-8-1945, Sài Gòn giành chính quyền.
- Ngày 28-8-1945, cả nước giành được chính quyền.

- Chỉ trong 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945) cuộc Tổng khởi nghĩa thành công hoàn toàn trong cả nước.

- Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình-Hà Nội. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

IV. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám

1. Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với dân tộc:* Là một biến cố vĩ đại, đã phá tan hai tầng xiềng xích Pháp-Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến. Việt Nam trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ Cộng hoà, đưa nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người dân của một nước độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

- *Đối với thế giới:* Thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa trong đấu tranh tự giải phóng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa.

2. Nguyên nhân thắng lợi:

- Nguyên nhân chủ quan: Truyền thống dân tộc, vai trò quần chúng được phát huy. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

- Nguyên nhân khách quan: Lực lượng đồng minh và quân đội Xô-viết đánh bại phát xít Nhật, tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng giành thắng lợi.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ở châu Âu, phát xít Đức đã bị tiêu diệt hoàn toàn và buộc phải đầu hàng không điều kiện Đồng minh vào thời gian nào?

a. 8/4/1945. b. 8/5/1945.

c. 8/6/1945. d. 8/7/1945.

Câu 2. Ở châu Á, quân phiệt Nhật đã đầu hàng Đồng minh không điều kiện vào thời gian nào?

a. 13/8/1945. b. 14/8/1945.

c. 15/8/1945. d. 16/8/1945.

Câu 3. Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tê liệt, chính phủ tay sai thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho:

a. Hưởng ứng chỉ thị " Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

b. Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.

c. Cao trào kháng Nhật cứu nước.

d. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước

Câu 4. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15/8/1945 đã quyết định vấn đề gì?

a. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

b. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

c. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

d. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Câu 5. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

a. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (14/8/1945).

b. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (16/8/1945).

c. Hội nghị mở rộng ban thường vụ Trung ương (9/3/1945).

d. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (4/1945).

Câu 6. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật-Pháp" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu trong:

a. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945).

b. Chỉ thị " Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"(12/3/1945).

c. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

d. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16/8/1945)

Câu 7. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung của nghị quyết nào?

a. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII (10 - 19/5/1941).

b. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (13 -15/8/1945).

c. Nghị quyết của Đại hội quốc dân ở Tân Trào.

d. Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay đêm 9/3/1945.

Câu 8. " Đồng bào rầm rập kéo tới quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc Tuyên ngôn, Chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân giành chính quyền. Bài hát Tiến quân ca lần đầu tiên vang lên". Đây là không khí từ cuộc mít tinh chuyển thành khởi nghĩa giành chính quyền ở:

a. Hà Nội (19/8/1945).

b. Huế (23/8/1945).

c. Sài Gòn (25/8/1945).

d. Bắc Giang, Hải Dương (18/8/1945).

Câu 9. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

a. Đấu tranh vũ trang.

b. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị.

c. Đấu tranh chính trị.

d. Đấu tranh ngoại giao kết hợp với đấu tranh chính trị.

Câu 10. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là gì?

a. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.

b. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận thống nhất.

c. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

d. Có hoàn cảnh thuận lợi của chiến tranh thế giới thứ hai: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức- Nhật.

CHƯƠNG IV
VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN.

BÀI 24
CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)

\.. KIẾN THỨC CƠ BẢN

, Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám

* *Khó khăn:*

- Sau khi ra đời, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước tình thế hết ức hiểm nghèo, như "ngàn cân treo sợi tóc": Phải đối phó với 3 mối đe dọa lớn:

+ Ngoại xâm: phía Bắc - quân Tưởng và bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách. hía Nam - thực dân Pháp (được đế quốc Anh giúp đỡ) trở lại xâm lược.

+ Nội phản: bọn tay sai Tưởng (Việt Quốc, Việt Cách), các lực lượng phản ách mạng ở miền Nam (Đại Việt, Tơrôxkit) bọn phản động trong các giáo phái... íng cường chống phá cách mạng, cướp chính quyền ở Yên Bái, Vĩnh Yên, Móng 'ái, gây các vụ cướp bóc, giết người làm cho xã hội mất an ninh.

- Nạn đói, nạn dốt và tài chính khô kiệt.

+ Hậu quả nghiêm trọng của nạn đói vẫn de doạ.

+ Nạn dốt: trên 90% người dân trong nước mù chữ, tệ nạn xã hội vẫn còn hổ biến..

+ Tài chính: ngân quỹ trống rỗng, giá cả tăng vọt...

* Những thuận lợi cơ bản tạo điều kiện cho chính quyền nhân dân vượt được hó khăn để tồn tại: có Đảng và Bác Hồ, nhân dân lao động phấn khởi, gắn bó với ách mạng, lực lượng so sánh trên thế giới thay đổi có lợi cho cách mạng.

I. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- 6-1-1946: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

- 2-3-1946: Quốc hội họp phiên đầu tiên: Ban hành dự thảo Hiến pháp, thông ua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

- Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân ở Trung và Bắc Bộ được kiện toàn từ nh đến xã đều tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu hiếu.

- 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập ể tăng cường và mở rộng khối đoàn kết toàn dân.

II. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

* *Giải quyết nạn đói:*

- Biện pháp cấp thời, kêu gọi tiết kiệm, "nhường cơm, xẻ áo", tổ chức "ngày ồng tâm" để có thêm gạo cứu đói.

- Biện pháp lâu dài: đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng cho nông dân nghèo, giảm tô 25%, bỏ các thứ thuế vô lí...

** Giải quyết nạn dốt:*

- Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan bình dân học vụ.

- Phong trào xoá nạn mù chữ, phát triển trường học...

** Về tài chính:*

- Kêu gọi sự đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng "Quỹ độc lập", "Tuần lễ vàng".

- 31-1-1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

- Đêm 22 rạng 23-9-1945, Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khoá, tập kích quân Pháp...

- Quân Pháp được tăng viện, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

V. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng

- Sách lược đấu tranh của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai: Hoà hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị với quân Tưởng một cách khôn khéo, đồng thời kiên quyết trừng trị bọn tay sai. Bằng cách cho bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp.

- Cho Tưởng một số quyền lợi trước mắt về kinh tế.

- Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

VI. Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946)

** Hoàn cảnh:*

- Pháp muốn mở rộng chiến tranh nhằm thôn tính cả nước ta, chúng đàm phán với Tưởng Giới Thạch để thay thế quân Tưởng chiếm đóng miền Bắc Việt Nam. Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc.

-> Hiệp ước Hoa-Pháp được ký ngày 28-2-1946.

Hiệp ước Hoa-Pháp đặt nhân dân ta trước hai con đường:

- Khẩn trương cầm vũ khí chống Pháp.

- Chủ động đàm phán với Pháp để loại trừ quân Tưởng. Tranh thủ thời gian hoà hoãn, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này.

- Trước tình hình đó ta chọn con đương thứ hai. Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

Nội dung Hiệp định:

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia độc lập.

- Chính phủ ta cho quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng giải giáp quân Nhật.

- Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

- Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Sơ bộ: loại trừ bớt kẻ thù, tập trung lực lượng vào kẻ thù chính là thực dân Pháp - Ta có thêm thời gian củng cố lực lượng.

Tình hình sau khi kí Hiệp định Sơ bộ:

- Ta: tranh thủ củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt: thành lập Liên Việt, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang.

- Pháp: vẫn gây xung đột ở Nam Bộ, lập Chính phủ Nam Kì tự trị, tăng cường khiêu khích, làm thất bại cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô (Pháp).

- Ngày 14-9-1946: Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá ở Việt Nam để có thời gian xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà ta biết chắc chắn nhất định sẽ nổ ra.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi thành lập đã ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

a. Kẻ thù đông và mạnh, nền độc lập, tự do của đất nước bị đe doạ nghiêm trọng

b. Sự non yếu của chính quyền mới thành lập.

c. Những di hại do chế độ thực dân, phong kiến để lại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội.

d. a, b và c đúng.

Câu 2. Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?

a. Nạn đói, nạn dốt.

b. Đế quốc và tay sai ở nước ta còn đông và mạnh.

c. Những tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.

d. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

Câu 3. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự.., thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

a. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

b. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

c. Tuyên ngôn Độc lập 2/9/1945.

d. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I (6/1/1946).

Câu 4. Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp phiên đầu tiên đã nêu lên vấn đề gì?

a. Lập ra bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước ta.

b. Xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

c. Thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

d. a, b và c đúng.

Câu 5. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?

a. Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

b. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

c. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế " ngàn cân treo sợi tóc".

d. a và b đúng.

Câu 6.Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?

a. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

b. Giải quyết về vấn đề tài chính.

c. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

d. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 7. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

a. Lập hũ gạo tiết kiệm.

b. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

c. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

d. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

Câu 8. Biện pháp nào quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám?

a. Động viên lòng nhiệt tình yêu nước và ủng hộ chính phủ của nhân dân.

b. Chính phủ ký sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31/1/1946).

c. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23/11/1941).

d. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 9. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ vào ngày tháng năm nào?

a. 7/3/1945. b. 8/9/1945. c. 9/9/1945. d. 10/9/1945.

Câu 10. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính:

a. Thể hiện được bản chất, tính ưu việt của chế độ mới.

b. Cổ vũ động viên nhân dân ta quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập tự do vừa giành được.

c. Chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

d. a, b và c đúng.

Câu 11. Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

a. Tưởng dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong.

b. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ, hậu thuẫn của quân Anh.

c. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù mạnh.

d. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 12. Trước ngày 6/3/1946 Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

a. Hoà với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.

b. Hoà với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi Miền Bắc.

c. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.

d. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tưởng.

Câu 13. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

a. Quốc hội khoá I (2/3/1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong Quốc hội.

b. Hiệp ước Hoa- Pháp (28/2/1946).

c. Hiệp định sơ bộ Việt- Pháp (6/3/1946).

đ. Tạm ước Việt- Pháp (14/9/1946).

Câu 14. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?

a. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.

b. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

c. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.

d Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

a. Thực dân Pháp âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

b. Thời gian đàm phán ngắn.

c. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

đ. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

CHƯƠNG V
VIỆT NAM TỪ CUỐI 1946 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 25
NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19-12-1946)

1. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ

- Thực dân Pháp bội ước.

+ Sau Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, Pháp khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.

+ Tại Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây xung đột vũ trang, ngày 18-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho quân đội Pháp.

- Ban thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc chiến toàn quốc kháng chiến.

- Tối 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

- Kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ.

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta

+ Tháng 9-1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, nêu những nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của ta là cuộc chiến tranh nhân dân - toàn dân toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

- Cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra ở hầu hết các thị xã, thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

+ Miền Bắc: Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh.

+ Miền Trung: Huế, Đà Nẵng.

- Tiêu biểu cho cả nước là cuộc chiến đấu oanh liệt suốt 60 ngày đêm ở thủ đô Hà Nội để bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước.

- Giữa tháng 2-1947, cuộc chiến đấu trong các khu đô thị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong các thành phố, lực lượng ta rút lên chiến khu an toàn. Cuộc chiến đấu tạm thời kết thúc để chuyển sang một giai đoạn chiến đấu mới.

* *Ý nghĩa:*

Loại khỏi vòng chiến đấu nhiều lực lượng của địch, thu và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh...

III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến tranh lâu dài

** Công cuộc chuẩn bị kháng chiến lâu dài:*

- Vận chuyển máy móc, lương thực, thực phẩm, thuốc men từ những vùng địch có thể đánh chiếm về các khu an toàn.

- Thực hiện chủ trương "phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được" (Hồ Chí Minh).

- Di chuyển cơ quan Đảng và Nhà nước về chiến khu Việt Bắc, căn cứ địa thần thánh của cuộc kháng chiến.

- Về chính trị: Chính phủ quyết định chia nước ta thành 12 khu vực hành chính.

- Về quân sự: Tất cả mọi công dân từ 18-45 tuổi đều tham gia vào các lực lượng vũ trang của trung ương và địa phương.

- Về kinh tế: Phát triển sản xuất để bảo đảm cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho nhân dân và quân đội.

- Về giáo dục: Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục phát triển.

IV. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947

1. Thực dân Pháp tấn công Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc

- Âm mưu của địch:

+ Pháp lúng túng trong chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh.

+ Chính trị: Thành lập chính phủ bù nhìn trung ương.

+ Quân sự: Mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc để tiêu diệt quân chủ lực của ta, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, khoá chặt biên giới Việt - Trung.

+ Pháp tấn công lên Việt Bắc: Ngày 7-10-1947, Pháp cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, đồng thời cho hai cánh quân theo đường số 4 và sông Lô bao vây Việt Bắc.

2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ Căn cứ địa Việt Bắc

- Chủ trương của ta:

Chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, phá tan âm mưu của địch.

+ Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc: bao vây, tập kích quân nhảy dù.

Bẻ gãy hai gọng kìm của địch: Đường thuỷ ở Đoan Hùng (25-10-1947) và đường bộ ở đèo Bông Lau (30-0-1947).

Ngày 19-12-1947, đại bộ phận Pháp rút khỏi Việt Bắc.

- *Kết quả:* Ta giành thắng lợi lớn, tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch, căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững. Cơ quan đầu não của ta an toàn, bộ đội chủ lực trưởng thành.

+ *Ý nghĩa:* Đánh bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện

* Âm mưu mới của địch: sau thất bại ở Việt Bắc, chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch bị phá sản., buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài. Chúng thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" với nội dung chủ yếu: tăng cường hoạt động mị dân, lôi kéo Bảo Đại để xúc tiến việc thành lập chính phủ bù nhìn trung ương. Phá hoại khối đoàn kết toàn dân

(lập các xứ tự trị ở Đông Bắc, Tây Bắc, Hoà Bình, Tây Nguyên): tăng cường bình định nhằm giữ vững, củng cố vùng tạm chiếm, tăng cường bắt binh lính xây dựng nguỵ quân

* Về phía ta: Thực hiện phương châm "đánh lâu dài"

- Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- Từ 1948-1950

+ *Về quân sự:*

Ta chủ trương động viên nhân dân thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

+ *Về chính trị, ngoại giao:*

Năm 1948, tại Nam Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Tháng 6-1949, Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định thống nhất hai tổ chức từ cơ sở đến trung ương.

Ngày 14-1-1950, Chính phủ nhiều nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao với ta.

+ *Về kinh tế:*

Ta chủ trương phá hoại kinh tế địch.

Đẩy mạnh xây dựng và bảo vệ kinh tế dân chủ nhân dân.

+ *Văn hoá giáo dục:*

Tháng 7-1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông. Hướng dẫn giáo dục phục vụ nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hành động nghiêm trọng trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước tiến công ta?

a. Ở Nam Bộ và Trung Bộ, Pháp tập trung quân tiến công các cơ sở cách mạng của ta.

b. Ở Bắc Bộ thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

c. Ở Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.

d. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ hạ vũ khí đầu hàng

Câu 2. Sự kiện nào trực tiếp đưa đến quyết định của Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp?

a. Pháp đánh Hải Phòng (11/1946).

b. Pháp đánh chiếm Lạng Sơn (11/1946).

c. Pháp tấn công vào cơ quan Bộ Tài chính ở Hà Nội (12/1946).

d. 18/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Câu 3. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính thức bắt đầu từ lúc nào?

a. Cuối tháng 11/1946. b. 18/12/1946.

c. 19/12/1946. d. 12/12/1946.

Câu 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào?

a. Sáng 19/12/1946. b. Trưa 19/12/1946.

c. Chiều 19/12/1946. d. Tối 19/12/1946.

Câu 5. Vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh này là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chính nghĩa thuộc về nhân dân ta, nêu quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta là để bảo vệ độc lập và chính quyền đã giành được. Nêu lên tính chất của cuộc kháng chiến, khẳng định niềm tin của dân tộc, đó là ý nghĩa của văn kiện nào?

a. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946).

b. Bản chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Ban thường vụ Trung ương Đảng.

c. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

d. a và b đúng.

Câu 6. Đường lối kháng chiến của Đảng ta là gì?

a. Kháng chiến toàn diện.

b. Kháng chiến dựa vào sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.

c. Phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia.

d. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 7. Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến biểu hiện ở điểm nào?

a. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta.

b. Mục đích cuộc kháng chiến của ta là tự vệ chính nghĩa.

c. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

d. Chủ trương sách lược của Đảng ta.

Câu 8. Tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến của ta biểu hiện ở điểm nào?

a. Nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta.

b. Mục đích kháng chiến của Đảng ta.

c. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.

d. Đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Câu 9. Đường lối kháng chiến toàn diện của ta diễn ra trên các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao. Vậy chủ yếu là quyết định của mặt trận nào?

a. Quân sự. b. Chính trị.

c. Kinh tế. d. Ngoại giao.

Câu 10. Vì sao Đảng ta chủ trương kháng chiến lâu dài?

a. So sánh tương quan lực lượng lúc đầu giữa ta và địch, địch mạnh hơn ta gấp bội.

b. Ta muốn dùng chiến thuật chiến tranh du kích.

c. Ta muốn huy động sức mạnh toàn dân.

d. Cả ba câu trên đúng.

Câu 11. Ý nghĩa của cuộc chiến đấu của quân dân ta trong giai đoạn mở đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (cuối năm 1946 đầu 1947)?

a. Đảm bảo an toàn cho việc chuyển quân của ta.

b. Giam chân địch trong các đô thị, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

c. Đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân toàn diện.

d. Tạo ra thế trận mới, đưa cuộc chiến đấu bước sang giai đoạn mới.

e. a, b và c đúng.

Câu 12. Kết quả lớn nhất của quân và dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc là gì?

a. Là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

b. Bộ đội của ta được trưởng thành lên trong chiến đấu.

c. Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch.

d. Bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc làm thất bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" buộc địch phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 13. Thắng lợi đó đã chứng minh sự đúng đắn đường lối kháng chiến của Đảng, là mốc khởi đầu sự thay đổi trong so sánh lực lượng có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Đó là ý nghĩa của chiến dịch nào?

a. Chiến địch Việt Bắc 1947. b. Chiến dịch Biên Giới 1950.

c. Chiến địch Tây Bắc 1952. d. Chiến địch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 14. Sau thất bại ở Việt Bắc và buộc phải chuyển sang đánh lâu dài, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì?

a. Dựa vào bọn Việt gian phản động để chống lại ta.

b. Tăng viện binh từ bên Pháp sang để giành thế chủ động.

c. "Dùng người Việt đánh người Việt", "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

đ. Bình định mở rộng địa bàn chiếm đóng.

Câu 15. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B

A	B
1. 17/2/1947	a. Pháp gửi tối hậu thư cho chính phủ ta
2. 7/10/1947	b. Trung đoàn thủ đô được thành lập
3. 20/11/1946	c. Bác Hồ ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
4. 18/12/1946	đ. Địch tấn công Việt Bắc
5. 19/12/1947	e. Chiến địch Việt Bắc chấm dứt
6. Tối 19/12/1946	f. Pháp đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn
7. 14/1/1950	g. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước
8. 7/1950	h. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra chủ trương cải cách giáo dục

BÀI 26

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950-1953)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử mới

- Sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.
- Cách mạng Trung Quốc thành công (1-10-1949).
- 1-1950, các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.
- Tình hình Đông Dương và thế giới thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

- Thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.
- Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương

2. Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc

** Âm mưu của Pháp:*

- Nhờ sự giúp đỡ của Mĩ, Pháp đề ra kế hoạch Rơ-Ve, thực hiện âm mưu mới nhằm: khoá chặt biên giới Việt-Trung bằng cách lập hệ thống phòng thủ trên Đường số 4.
- Thiết lập "Hành lang Đông-Tây" (Hải Phòng-Hà Nội-Hoà Bình-Sơn La).
- Chuẩn bị kế hoạch có qui mô nhằm tiến công căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai.

** Chủ trương, kế hoạch của ta:*

- Tháng 6-1950, Trung ương Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm ba mục đích:
  + Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
  + Khai thông biên giới để mở rộng đường liên lạc của ta đối với các nước xã hội chủ nghĩa.
  + Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

** Tóm tắt diễn biến:*

- 16-9-1950, chiến dịch bắt đầu: Ngày 18-9, quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập, hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay.
- Địch buộc rút khỏi Cao Bằng, cho quân từ Thất Khê lên đón, yểm trợ cho cuộc rút lui.
- Ta đoán được ý định của địch nên bố trí quân mai phục chặn địch trên Đường số 4 làm cho hai cánh quân Cao Bằng và Thất Khê bị thiệt hại nặng, không liên lạc được với nhau.
- Ngày 22-10-1950, chiến dịch biên giới kết thúc: Quân Pháp phải rút lui khỏi Đường số 4.
- Tại các chiến trường khác, quân ta hoạt động mạnh, buộc Pháp phải rút lui khỏi thị xã Hoà Bình, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở Bình-Trị-Thiên, Liên khu V và Nam Bộ.

** Kết Quả:*

- Giải phóng vùng biên giới Việt-Trung dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.
- Hành lang Đông-Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình.
- Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.

** Ý nghĩa:*

- Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ) về tay ta. Lực lượng kháng chiến đã trưởng thành về mọi mặt.

II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp

- Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, Pháp lâm vào thế bị động, càng suy yếu. So sánh lực lượng giữa ta và Pháp đã thay đổi có lợi cho ta. Nhưng không chịu thất bại, Pháp âm mưu đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất, vì vậy phải dựa nhiều hơn vào Mĩ.

- Lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp và để thực hiện âm mưu can thiệp sâu vào Đông Dương, đế quốc Mĩ tăng cường viện trợ cho Pháp đẩy mạnh chiến tranh, qua đó làm cho Pháp lệ thuộc vào mình, từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

- Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ gây thêm khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta "kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi" (tháng 12-1950) là kết quả của sự cấu kết đó nhằm đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951)

- Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, tháng 2-1951 Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II.

- Nội dung của Đại hội:

+ Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

+ Thảo luận và thông qua Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chí Trường Chinh trình bày.

+ Thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản trên mọi lĩnh vực củng cố chính quyền, xây dựng quân đội, củng cố mặt trận...

+ Đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam (hai nước Lào, Campuchia xây dựng đảng cách mạng riêng cho thích hợp...)

+ Ban chấp hành Trung ương và Bộ chính trị do Hồ Chí Minh làm chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng bí thư.

- Ý nghĩa lịch sử của Đại hội:

+ Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng.

+ Mối quan hệ Đảng-quần chúng được tăng cường.

+ Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày càng to lớn.

IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt

- *Về chính trị:* Sau Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng, tiến hành đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh-Liên Việt, thành Liên Việt (11-3-1951) để tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân. Ngày 1-5-1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất chọn được 7 anh hùng.

- *Về kinh tế:* Cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động từ năm 1952, phát triển mạnh, lôi cuốn mọi ngành mọi giới tham gia. Phong trào chống thiên tai, dịch hoạ để bảo vệ sản xuất cũng phát triển.

- 1953 phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

- *Về văn hoá- giáo dục- y tế:* Đến năm 1954 số học sinh các cấp đã tăng lên đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng dịch, thực hiện đời sống mới.

V. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường

- Chủ trương và hành động của ta: giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Ở các chiến trường khác phát triển chiến tranh du kích để phối hợp, làm thất bại âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt". Thực hiện chủ trương trên ta đã liên tiếp mở các chiến dịch: Trung du (Trần Hưng Đạo), từ 25-12-1950 đến 17-1-1951, Đường 18 (Hoàng

Hoa Thám) từ 20-3 đến 7-4-1951. Hà Nam Ninh (Quang Trung) từ 28-5 đến 20-6-1951. Các chiến trường phối hợp những hoạt động mạnh, chống âm mưu bình định của địch. Kết quả ta đã giải phóng thêm đất đai, tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch.

- 1952 ta mở chiến dịch đánh địch ở Tây Bắc.
- Đầu 1953, phối hợp với lực lượng kháng chiến Lào ta mở chiến địch Thượng Lào.

Những thắng lợi về quân sự của ta liên tiếp sau thắng lợi Biên giới Thu-đông 1950, chứng tỏ ta giữ vững quyền chủ động đánh địch trên các chiến trường.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Bước vào thu - đông 1950, tình hình thế giới và Đông Dương có ảnh hưởng gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

a. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc 1/10/1949. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

b. Cuộc kháng chiến của Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

c. Pháp lệ thuộc Mĩ. Đế quốc Mĩ can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương.

d. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 2. Yếu tố nào sau đây là mối lo sợ nhất mà Pháp Mĩ thực hiện âm mưu "khoá cửa biên giới Việt- Trung" thiết lập "Hành lang Đông-Tây" chuẩn bị kế hoạch tấn công Việt Bắc lần thứ hai?

a. 1/10/1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước CNND Trung Hoa ra đời.

b. Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.

c. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao.

d. Sau chiến dịch Việt Bắc (1947) so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

Câu 3. Năm 1950 thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Rơve nhằm mục đích gì?

a. Mở một cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc.

b. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

c. Khoá cửa biên giới Việt-Trung, cô lập căn cứ địa Việt Bắc, thiết lập hành lang Đông-Tây (từ Hải phòng đến Sơn La).

d. Nhận được viện trợ về tài chính và quân sự của Mĩ.

Câu 4. Vì sao ta mở chiến dịch Biên giới 1950?

a. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc kháng chiến của ta tiến lên một bước.

b. Khai thông biên giới, con đường liên lạc quốc tế giữa ta và Trung Quốc với các nước dân chủ thế giới.

c. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới Việt Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa cách mạng tạo điều kiện đẩy mạnh cách mạng.

d. Để đánh bại kế hoạch Rơve.

Câu 5. Trong chiến dịch Biên giới, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

a. Đông Khê.

b. Thất Khê.

c. Phục kích đánh địch trên đường số 4.

d. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy.

Câu 6. Sau thất bại trong chiến dịch Biên Giới, Pháp có âm mưu gì mới?

a. Nhận thêm viện trợ của Mĩ, tăng viện binh.

b. Đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất.

c. Bình định mở rộng địa bàn chiếm đóng.

d. Bình định kết hợp phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

Câu 7. "Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi" 12/1950 ra đời là kết quả của:

a. Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ trong việc đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

b. Sự can thiệp ngày càng sâu của Mĩ vào chiến tranh xâm lược Đông Dương.

c. Sự "dính líu trực tiếp" của Mĩ vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

d. Sự cứu vãn tình thế sa lầy trên chiến trường của Pháp.

Câu 8. "Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương" ngày 23/12/1950 là hiệp định Mĩ viện trợ cho Pháp về:

a. Kinh tế. b. Quân sự.

c. Quân sự, kinh tế-tài chính. d. Tài chính.

Câu 9. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951) họp tại đâu?

a. Hương Cảng (Trung Quốc). b. Ma Cao (Trung Quốc).

c. Pác Bó (Cao Bằng). d. Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

Câu 10. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II là gì?

a. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ.

b. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

c. Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.

d. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

Câu 11. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi. Đó là ý nghĩa của sự kiện nào?

a. Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930).

b. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10/1930).

c. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935).

d. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951).

Câu 12. Để bồi dưỡng sức dân trước hết là nông dân, đầu 1953 Đảng và Chính phủ đã có chủ trương gì?

a. Chấn chỉnh chế độ thuế khoá.

b. Cuộc vận động lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm.

c. Xây dựng nền tài chính, ngân hàng,thương nghiệp.

d. Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

Câu 13. Tháng 11/1953 Hội nghị toàn quốc của Đảng thông qua vấn đề gì?

a. Cương lĩnh ruộng đất.

b. Luật cải cách ruộng đất.

c. Quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

d. Thực hiện giảm tô và đợt 1 cải cách ruộng đất.

Câu 14. Tên của nhà yêu nước, anh hùng dân tộc nào sau đây được dùng để đặt tên cho cuộc chiến dịch Trung du (12/1950)?

a. Trần Hưng Đạo. b. Hoàng Hoa Thám.

c. Quang Trung. d. Ngô Quyền.

Câu 15. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B

A	B
1. 6-1950	a. Cách mạng Trung Quốc thành công
2. 2-1951	b. Trung ương đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới
3. 1-10-1949	c. Kế hoạch Rơve bị phá vỡ
4. 23-12-1950	d. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II
5. 22-10-1950	e. "Kế hoạch Đờ Lát đờ Tat-xi-nhi"
6. 12-1950	f. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương
7. 12-1953	g. Thống nhất Việt Minh-Liên Việt
8. 11-1951	h. Thành lập "Liên Minh Việt-Miên-Lào"
9. 11-3-1951	i. Địch mở chiến dịch Hoà Bình
10. 3-3-1951	k. Quốc hội thông qua "Luật cải cách ruộng đất"

BÀI 27
CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953-1954)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

. Kế hoạch Na-va của Pháp-Mĩ.

+ 7-5-1953 được sự giúp đỡ của Mĩ, Na-va vạch kế hoạch quân sự hi vọng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương trong vòng 18 tháng.

+ Kế hoạch của Na-va tiến hành theo hai bước:

Bước một: Trong Thu-Đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để bình định miền Trung và miền Nam Đông Dương.

Bước hai: Từ Thu-Đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, "kết thúc chiến tranh".

I. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954

- Phương hướng chiến lược của ta: Quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận-chính diện và sau lưng địch. Giữ vững thế chủ động buộc địch phải phân tán lực lượng ở những điểm sung yếu.

- Phương châm: Tích cực chủ động và linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc chắn thì kiên quyết không đánh.

- Ta mở một loạt chiến dịch ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương, buộc địch phải phân tán lực lượng ra 5 nơi.

+ Đồng bằng Bắc Bộ.

+ Điện Biên Phủ.

+ Xê-nô (Trung Lào).

+ Luông Pha-bang (Thượng Lào).

+ Plây cu (Tây Nguyên).

=> Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 của ta đã làm phá sản ước đầu kế hoạch Na-va của Pháp-Mĩ, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động hân tán và giam chân ở miền rừng núi.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

- Âm mưu của địch:

+ Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

+ Lực lượng địch: gồm 16200 tên đủ các binh chủng và phương tiện chiến rai, được bố trí thành một hệ thống phòng ngự mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia hài 3 phân khu. Phân khu trung tâm, phân khu Bắc, phân khu Nam. Pháp và Mĩ hoàng Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá".

- Ta chuẩn bị cho chiến dịch với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để án thắng", đã huy động 261.464 dân công vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, ũ ií. Bộ đội từ các hướng hành quân về Điện Biên Phủ thắt chặt vòng vây.

- Chủ trương của ta:

Tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng 3ắLào.

- Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ: Chiến dịch bắt đầu ngày 13-3-1954 đến ết-5-1954 chia làm 3 đợt:

+ Đợt 1 (13 đến 17-3-1954)- Tấn công Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc, iệ2000tên, phá huỷ 26 máy bay.

+ Đợt 2 (30-3 đến 26-4) - Tấn công khu Đông phân khu trung tâm, trận ấn ác liệt ở đồi A1,C1.

+ Đợt 3 (1-5 đến 7-5-1954) - Tấn công khu trung tâm Mường Thanh và hí khu Nam (Hồng Cúm), bắt sống toàn bộ tham mưu địch. Chiến dịch kết thúc.

- Kết quả: ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện 3iê Phủ: 16200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất, kĩ thuật, lậpn kế hoạch Na-va và mọi mưu đồ chiến lược của đế quốc Pháp-Mĩ.

IIHiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương (1954)

- Hoàn cảnh lịch sử:

+ Đông Xuân 1953-1954 khi kế hoạch Na-va sắp thất bại -> Pháp buộc hậnhận lời đề nghị của Liên Xô, triệu tập hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ (Thuỵ sĩ) lể àn về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương.

+ 8-5-1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc và bắt đầu thảo uậ về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

+ 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

- Nội dung cơ bản của Hiệp định:

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết công nhận độc lập, chủ quyền và oàvẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương.

+ Hai bên tham gia chiến cùng ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông)ưng.

+ Hai bên tham chiến thực hiện di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng, lấy ĩ uyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

+ Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ tổ chức vào tháng 7-1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

- Ý nghĩa của Hiệp định:

+ Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

+ Pháp buộc phải rút hết quân đội về nước, Mĩ thất bại trong âm mưu mở rộng và quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

+ Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

1. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kĩ trên đất nước ta.
- Bảo vệ được thành quả của cách mạng tháng Tám.
- Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam.
- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc.
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. một dân tộc dù đất không rộng, người không đông nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, có đường lối quân sự, chính trị đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế, thì hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Được tiến hành trong điều kiện có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang ba thứ quân, có hậu phương vững chắc.
- Có tinh thần đoàn kết giữa ba nước Đông Dương và sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nội dung chủ yếu trong bước một của kế hoạch quân sự Na-va là gì?

a. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

b. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

c. Tấn công chiến lược ở 2 miền Nam -Bắc.

d. Phòng ngự chiến lược ở 2 miền Nam-Bắc.

Câu 2. Để thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp đã tập trung ở Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh lên đến bao nhiêu tiểu đoàn?

a. 40 tiểu đoàn. b. 44 tiểu đoàn.

c. 46 tiểu đoàn. d. 84 tiểu đoàn.

Câu 3. Thực hiện kế hoạch Na-va, chi phí chiến tranh của Mĩ viện trợ chiếm ...

a. 70%. b. 71%. c. 72%. d. 73%.

Câu 4. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va:

a. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

b. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng hi vọng "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

c. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

d. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 5. Tháng 9/1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra kế hoạch tác chiến Đông-Xuân 1953-1954 với quyết tâm gì?

a. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch.

b. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phân tán lực lượng địch.

c. Phân tán lực lượng địch đến những nơi rừng núi hiểm trở.

d. Giam chân địch ở Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plây-cu, Luông Pha-bang.

Câu 6. Phương hướng chiến lược của ta trong cuộc tiến công Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

a. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

b. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch,buộc chúng bị động phân tán lực lượng.

c. Tranh giao chiến ở miền Bắc để chuẩn bị đàm phán.

d. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong Đông-Xuân 1953-1954.

Câu 7. Từ cuối năm 1953 đến đầu 1954, ta phá tan lực lượng địch buộc chúng phải tăng cường lực lượng để đối phó với ta ở những vị trí xung yếu mà chúng không thể bỏ đó là những vùng nào?

a. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông Pha-bang.

b. Điện Biên Phủ, Thà khẹt, Plây-cu, LuôngPha-bang.

c. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plây-cu, Luông Pha-bang.

d. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plây-cu, Sầm nưa.

Câu 8. Phương châm chiến lược của ta trong Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

a. "Đánh nhanh, thắng nhanh".

b. "Đánh chắc, thắng chắc".

c. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".

d. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt", "Đánh ăn chắc "," Đánh chắc thắng".

Câu 9. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

a. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.

b. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp- Mĩ.

c. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán và giam chân ở miền rừng núi.

d. Làm thất bại âm mưu, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp.

Câu 10. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là gì?

a. Chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta.

b. Điện Biên Phủ là một đầu mối giao thông quan trọng, địch sử dụng lực lượng không quân để đánh ta

c. Với địa thế hiểm trở, khó khăn, sẽ bất lợi cho sự tấn công của ta.

đ. a, b và c đúng.

Câu 11. Nơi nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ:

a. Cứ điểm Him Lam. b. Sân bay Mường Thanh.

c. Đồi A1. d. Sở chỉ huy Đờ Cát-tơ- ri

Câu 12. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như..........................của thế kỉ XX"

a. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

b. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

c. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm-Xoài Mút, một Đống Đa.

đ. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 13. Trong các nội dung sau, nội dung nào không có trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

a. Hiệp định công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.

b. Hiệp định qui định ngừng bắn, thời gian chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17, cấm 2 bên trả thù những người cộng tác với đối phương.

c. Ngày 20/7/1956 Việt Nam sẽ tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước Việt Nam.

d. Để cho nhân dân Miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình.

Câu 14. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận:

a. Quyền được hưởng độc lập, tự do của nhân dân các nước Đông Dương.

b. Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

c. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.

d. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

Câu 15 Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

a. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với một đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

b. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

c. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

d. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

CHƯƠNG VI
VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

BÀI 28
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

- Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định giơ-ne-vơ 1954 về ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất đất nước.

- Thực dân Pháp chỉ thực hiện điều khoản ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực-tức rút hết quân khỏi miền Bắc-sau thời hạn qui định 300 ngày (đến 22-5-1955) và sau đó rút hết quân khỏi miền Nam sau thời hạn qui định 2 năm (đến 5-1956). Nhưng Pháp không thực hiện các điều khoản còn lại, trong đó có việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam-Bắc Việt Nam.

+ Chính quyền Ngô Đình Diệm ở Miền Nam (do Mĩ dựng lên và trực tiếp chỉ đạo) ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Nam Á.

II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất,khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954- 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất

- Trong hơn 2 năm (1954-1956), miền bắc tiến hành tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất. Tính chung toàn bộ 5 đợt (kể cả đợt 1 trong kháng chiến), cách mạng đã lấy từ địa chủ hơn 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo, thực hiện triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".

- Trong cải cách ruộng đất, chúng ta phạm một số sai lầm, sai lầm đó được Đảng, Chính phủ phát hiện và kịp thời sửa chữa. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957.

2. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

- *Nông nghiệp:*

+ Khai phá ruộng hoang, sửa chữa hệ thống đê điều, sắm công cụ...

+ Cuối 1957, sản lượng lương thực đạt mức trước chiến tranh.

- *Công nghiệp:*

Khôi phục các nhà máy, xí nghiệp, xây dựng thêm một số nhà máy, xí nghiệp mới.

- *Thủ công nghiệp:*

Có nhiều mặt hàng tiêu dùng được sản xuất.

- Thương nghiệp:

Mở nhiều cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán để cung cấp hàng hoá cho nhân dân, giao lưu hàng hoá giữa các địa phương.

Miền Bắc có quan hệ buôn bán với 27 nước.

- *Giao thông vận tải:*

Sửa chữa xây dựng mới gần 700km đường sắt, hàng nghìn km đường bộ...

3. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960)

a. Cải tạo xã hội chủ nghĩa:

- Trong 3 năm (1958-1960), Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Kết quả cải tạo là xoá bỏ chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh.

b. Phát triển kinh tế và văn hóa:

- Trong phát triển kinh tế, trọng tâm là kinh tế quốc doanh, miền Bắc đạt được một số thành tựu đáng kể. Từ 97 xí nghiệp trong năm 1957, đến năm 1960 đã có 172 xí nghiệp do trung ương quản lí và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

- Những tiến bộ về mặt kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng với số học sinh năm 1960 tăng 80% (so với năm 1957). Cơ sở y tế năm 1960 tăng hơn 11 lần so với năm 1955. Đời sống văn hoá, trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân được nâng lên.

III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ-Diệm giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi" (1954-1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ-Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1959)

- Tháng 8-1954, "phong trào hoà bình" ở Sài Gòn - Chợ lớn.

- Tháng 11-1954, Mĩ-Diệm tiến hành khủng bố đàn áp, nhưng phong trào vẫn tiếp tục dâng cao, lan rộng ra các thành phố Huế, Đà Nẵng...và các vùng nông thôn. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, dân tộc ít người.

- Từ 1958-1959: mục tiêu thay đổi từ chính trị hoà bình chuyển sang dùng bạo lực.

2. Phong trào "Đồng khởi" (1959-1960)

- Đạo luật 10-59, chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", sắc lệnh "Đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật" của Mĩ-Diệm đã làm cách mạng bị tổn thất nặng nề:

- Đầu năm 1959, nghị quyết 15 của trung ương Đảng xác định con đường cách mạng miền Nam là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Có nghị quyết của Đảng soi sáng, phong trào nổi dậy của quần chúng từ lẻ tẻ ở từng địa phương như: Cuộc nổi dậy Bắc Ái (2-1959), Trà Bồng(8-1959) ở Quảng Ngãi đã lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng bằng cuộc "Đồng khởi" với cuộc nổi dậy tiêu biểu ở Bến Tre (17-1-1960).

+ Từ Bến Tre, phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

+ Cuộc "Đồng khởi" (cuối 1959 đầu 1960) đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Đồng thời là mốc đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Ngày 20-12-1960, mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, nhằm tập hợp rộng rãi quần chúng tiến hành đấu tranh chống Mĩ-Nguy.

IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961-1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng(9-1960)

- Từ ngày 5 đến 12-9-1960: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội.
- Đại hội xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng từng miền: miền Bắc cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- Mục tiêu, nhiệm vu chung của cách mạng hai miền là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước và mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.
- Đối với miền Bắc, Đại hội đề ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ; Xác định phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm (1961-1965)

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965)

- 1961-1965: Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất-kĩ thuật cho xã hội chủ nghĩa.

  + Công nghiệp nặng: Xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thuỷ điện Thác Bà...

  + Công nghiệp nhẹ: Khu công nghiệp Việt Tri, Dệt 8-3, khu công nghiệp Thượng Đình (Hà Nội).

  + Nông Nghiệp: Xây dựng nông trường, lâm trường, công trình thuỷ lợi, áp dụng khoa học-kĩ thuật-> năng suất nông nghiệp cao.

  + Thương nghiệp quốc doanh được nhà nước ưu tiên phát triển.

  + Giao thông vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển phát triển.

  + Văn hoá giáo dục, y tế phát triển.

* *Về giáo dục:* 1960-1961 đến 1964-1965, số học sinh phổ thông tăng từ 1,9 triệu lên 2,7 triệu, số sinh viên đại học tăng từ 17.000 lên 27.000

* *Y tế:* ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã.

  + Miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương cho miền Nam vận chuyển một khối lượng lớn đạn được, vũ khí, thuốc men vào chiến trường.

  + Tháng 3-1964: Hội nghị Chính trị đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới".

  + 7-2-1965: Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, miền Bắc phải chuyển hướng. Xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến.

V. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961-1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam

- Sau thất bại trong phong trào "Đồng Khởi" (1959-1960), Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến Tranh đặc biệt"

- Phương thức tiến hành: Quân đội Sài Gòn + cố vấn Mĩ + trang bị và chỉ huy Mĩ.

+ Tăng quân đội Sài Gòn: Từ 170.000 người đến năm 1961 đến 560.000 người năm 1964.

+ Lập "Ấp chiến lược": Dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược (trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam).

+ Mĩ và chính quyền Sài Gòn tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển để ngăn chặn đường tiếp tế cho miền Nam.

- Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

+ 1962: Quân giải phóng đánh bại cuộc càn quét của quân đội Sài Gòn đánh vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh...

+ 2-1-1963: Thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho), dấy lên phong trào "Thi đua ấp Bắc giết giặc lập công".

- Từ 8-5-1963: Phong trào ở các đô thị lớn phát triển. 1-11-1963: đảo chính lật đổ chính quyền của Diệm-Nhu.

- 1964-1965: Tiến công chiến lược trên các chiến trường miền Nam. Quân ta đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

a. 10/10/1954.
b. 16/5/1954.
c. 10/10/1955.
d. 16/5/1955.

Câu 2. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ nhảy vào đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền để thực hiện âm mưu gì?

a. Chống phá cách mạng miền Bắc

b. Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.

c. Cô lập miền Bắc.

d. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ

Câu 3. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

a. Có vai trò quan trọng nhất.
b. Có vai trò cơ bản nhất.
c. Có vai trò quyết định trực tiếp.
d. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 4. Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

a. "Tấc đất, tấc vàng".

b. "Tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

c. "Người cày có ruộng".

d. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

Câu 5. Ý nghĩa của những thành tựu đạt được trong thời kỳ khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1954 - 1957)?

a. Nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá được phục hồi.

b. Tạo điều kiện cho nền kinh tế miền Bắc phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân.

c. Củng cố miền Bắc, cổ vũ cách mạng miền Nam.

d. Cả ba ý trên.

Câu 6. Kết quả lớn nhất của công cuộc cải tạo quan hệ SX ở miền Bắc (1958-1960) là gì?

a. Thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh.

b. Hợp tác xã bảo đảm đời sống cho nhân dân lao động.

c. Tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho người đi chiến đấu và phục vụ chiến tranh.

d. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

Câu 7. Trọng tâm phát triển kinh tế miền Bắc thời kì 1958 - 1960 là gì?

a. Phát triển thành phần kinh tế cá thể.

b. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

c. Phát triển thành phần kinh tế tư nhân.

d. Phát triển thành phần kinh tế hợp tác xã.

Câu 8. Đảng ta chủ trương cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình, sử dụng mặt tích cực nhất của họ để phục vụ cho công cuộc xây dựng miền Bắc. Họ là giai cấp nào?

a. Tư sản dân tộc. b. Tư sản mại bản.

c. Địa chủ phong kiến d. Tiểu tư sản.

Câu 9. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

a. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.

b. Đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hòa bình.

c. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để Miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.

d. Chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 10. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

a. Đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

b. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

c. Khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.

d. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 11. "Đồng khởi" có nghĩa là:

a. Đồng lòng đứng dậy khởi nghĩa.

b. Đồng sức đứng dậy khởi nghĩa.

c. Đồng loạt đứng dậy khởi nghĩa.

d. Đồng tâm hiệp lực khởi nghĩa.

Câu 12. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?

a. Giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

b. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

c. Chứng tỏ lực lượng cách mạng của ta đã phát triển mạnh. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

d. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 13. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Bắc sẽ là gì?

a. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định trực tiếp.

b. Miền Bắc là hậu phương, có vai trò quyết định nhất.

c. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam.

d. Miền Bắc là hậu phương, có nhiệm vụ bảo vệ cách mạng miền Nam

Câu 14. Để hoàn thành nhiệm vụ chung, vai trò của cách mạng miền Nam là gì?

a. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò bảo vệ cách mạng XHCN ở miền Bắc.

b. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định nhất.

c. Miền Nam là tiền tuyến, có vai trò quyết định trực tiếp nhất.

d. Miền Nam là tiền tuyến, làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Bắc.

Câu 15. Đại hội Đảng III xác định nhiệm vụ chung của cách mạng hai miền là gì?

a. Miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN.

b. Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

c. Thực hiện thống nhất nước nhà.

d. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước,thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Câu 16. Âm mưu thâm độc nhất của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

a. Dùng người Việt đánh người Việt.

b. Sử dụng phương tiện chiến tranh và "cố vấn" Mĩ.

c. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược".

d. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

Câu 17. Tại Hội nghị chính trị đặc biệt (3/1964) Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "Trong 10 năm qua,miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới". Đây là đánh giá thành tựu của thời kì nào?

a.Thời kì khôi phục kinh tế.

b.Kế hoạch 5 năm lần 1.

c.Thời kì cải tạo quan hệ sản xuất.

d.Cả ba thời kì trên.

Câu 18. Yếu tố nào được xem là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?

a. Ngụy quân. b. Ngụy quyền.

c. "Ấp chiến lược". d. Đô thị (hậu cứ).

Câu 19. Cuộc đấu tranh chính trị nào đã làm rung chuyển chế độ Sài Gòn trong năm 1963?

a. Biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8/5/1963).

b. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối Diệm (11/6/1963).

c. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16/6/1963).

d. Cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ anh em Diệm - Nhu (1/11/1963).

Câu 20. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm?

a. Do nội bộ chính quyền Ngụy mâu thuẫn.

b. Do Mĩ giật dây cho tướng lĩnh Dương Văn Minh.

c. Do chính quyền Ngô Đình Diệm suy yếu.

d. Do phong trào đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận, làm rung chuyển chế độ Sài Gòn.

BÀI 29
CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965-1973)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965-1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

- 3-1965: Giôn-xơn đề ra chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
  + Phương thức tiến hành: Quân Mĩ - Quân chư hầu + trang bị Mĩ + Quân đội Sài Gòn.
  + Mở hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ:

- 8-1965: Chiến thắng Vạn Tường.
- Cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt".
  + Đánh tan hai cuộc phản công mùa khô: 1965-1966 và 1966-1967.
  + Ta mở một loạt cuộc phản công.
  + Ở nông thôn, đấu tranh phá từng mảng ấp chiến lược, thành thị nổi lên đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.
  + Vùng giải phóng mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

- Ta tổng tiến công và nổi dậy (31-1 đến 23-9-1968).
- 37/44 tỉnh, 4/6 đô thị lớn, 64/242 quận lị đồng loạt nổi dậy.
- Ý nghĩa: Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "Phi mã hoá" chiến tranh xâm lược.

II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965-1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

- 5-8-1964: Sau khi dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", Mĩ cho máy bay bắn phá một số nơi ở miền Bắc.
- 7-2-1965: Mĩ ném bom Đồng Hới (Quảng Bình), đảo Cồn Cỏ (Vĩnh Linh-Quảng Trị)...lấy cớ trả đũa việc quân Giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plây cu.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại vừa sản xuất

- Miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến.
- Toàn dân thực hiện quân sự hoá (đào đắp công sự, triệt để sơ tán...)
- Trong sản xuất, xây dựng kinh tế, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, bao gồm nông, công nghiệp, giao thông vận tải, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp là mặt trận ta có nhiều tiềm năng.
- Trong hơn 4 năm (5-8-1964 đến 1-11-1968), quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3243 máy bay, trong đó 6B52, 3F111, diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái,

bắn cháy và bị thương 143 tàu chiến, tàu biệt kích của địch. Bị thiệt hại nặng ở cả miền, đến 1-11-1968 Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom bắn phá miền Bắc.

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- Miền Bắc luôn hướng về miền Nam, chi viện sức người, sức của... qua đường Hồ Chí Minh trên bộ, trên biển. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam sau 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước. (Miền Bắc đưa vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược....

III. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969-1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

* Đầu năm 1969: "Học thuyết Nich-Xơn" = chiến lược "Việt Nam hoá Chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Phương thức tiến hành: Quân đội Sài Gòn là chủ yếu + hoả lực và không quân Mĩ + chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

- 6-6-1969: Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời được nhiều nước công nhận.
- Tháng 4-1970: Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
- Quân đội Việt Nam + Lào + Campuchia đập tan nhiều cuộc hành quân của Mĩ + quân đội Sài Gòn ở ba nước Đông Dương.
- Các đô thị: đấu tranh liên tục, rầm rộ.
- Nông thôn, rừng núi: Nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống "bình định" nông thôn

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong hai năm 1970-1971, quân ta mở đợt tiến công chiến lược bắt đầu 30-3-1972. Mở đầu quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.
- Ý Nghĩa: Tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, giáng đòn mạnh vào quân nguỵ (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh).

IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế-văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1969-1973)

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế-văn hoá

- Nhân dân miền Bắc sôi nổi phong trào thi đua học tập, công tác, lao động sản xuất, nhằm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá.

+ Trong nông nghiệp, có nhiều hợp tác xã áp dụng tiến bộ khoa học-kĩ thuật, thâm canh tăng vụ.

+ Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được hồi phục nhanh chóng.

+ Hệ thống giao thông vận tải bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục. Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển đáng kể. Đời sống nhân dân được ổn định.

2. Miền Bắc vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- Từ 6-4-1972, một tuần sau khi quân ta ở miền Nam bắt đầu cuộc tiến công chiến lược, Mĩ cho không quân và hải quân đánh phá một số nơi tại khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, Nich-xơn tuyên bố cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đến ngày 9-5-1972, Ních-xơn lại tuyên bố tăng cường, mở rộng quy mô đánh phá và phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.
- Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Nich-xơn dã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Giôn-xơn cả về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá.
- Nhờ sự chuẩn bị trước, quân dân ta ở miền Bắc đã giành thế chủ động, kịp thời chống trả địch và thắng lợi giòn giã ngay từ trận đầu. Ta vừa chiến đấu, vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương.
- Không đạt được mục tiêu mong muốn, cuối 1972 Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14-12-1972, chính quyền Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 lớn chưa từng có vào Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, với mưu toan cho nhân dân ta những thiệt hại về người và của đến mức không chịu dựng được phải khuất phục.
- Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ chiều tối 18-12-1972 đến hết 29-12-1972. Trong 12 ngày đêm Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn), với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.
- Quân dân ta ở miền Bắc làm nên trận thắng "Điện Biên Phủ trên không" buộc Mĩ phải kí hiệp định Pa-ri tháng 1-1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

V. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam

- Cuộc thương lượng chính thức tại Pa-ri, họp ngày 13-3-1968.
- Lập trường của 4 bên mà thực chất là hai ba bên rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho cuộc đấu tranh gay gắt diễn ra trên bàn thương lượng => nhưng Mĩ dã thất bại trong cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và buộc phải trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra.
- 27-1-1973: Hiệp định chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức.

+ Nội dung Hiệp dịnh Pa-ri quy dịnh ngừng bắn: Mĩ và các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và của nhân dân miền Nam Việt Nam. Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam. Mĩ rút hết quân đội, chấm dứt xâm lược và can thiệp Việt Nam.

+ Hiệp định Pa-ri mở ra bước ngoặc mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ, đã "đánh cho Mĩ cút" tạo thời cơ thuận lợi để "đánh cho nguỵ nhào".

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam Việt Nam?

a. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

b. Quân đội Mĩ,quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.

c. Quân đội Mĩ, quân đồng minh.

d. Quân đội Sài Gòn, quân đồng minh.

Câu 2. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", được sử dụng theo công thức nào?

a. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

b. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Mĩ là chủ yếu + quân Ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

c. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân đồng minh + quân Ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

d. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

Câu 3. Mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

a. Ấp Bắc. b. Mùa khô 1965 – 1966.

c. Vạn Tường. d. Mùa khô 1966 -1967.

Câu 4. Tính chất ác liệt của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" thể hiện ở chỗ nào?

a. Quân Mĩ không ngừng tăng lên về số lượng.

b. Quân Mĩ nhảy vào cuộc chiến nhằm cứu vãn quân đội Sài Gòn.

c. Quân Mĩ cùng quân đồng minh và quân đội Sài Gòn cùng tham chiến.

d. Mục tiêu tiêu diệt quân chủ lực của ta,vừa bình định miền Nam, vừa phá hoại miền Bắc.

Câu 5. Thắng lợi lớn nhất của quân ta và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)?

a. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ.

b. Là đòn tấn công bất ngờ, làm địch choáng váng.

c. Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

d. Mĩ chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược.

Câu 6 Mục tiêu của việc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc?

a. Phá hoại miền Bắc - hậu phương lớn của miền Nam, hỗ trợ cho việc thực hiện những mục tiêu của chiến tranh xâm lược ở miền Nam.

b. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc.

c. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

d. Cả ba ý trên đúng.

Câu 7. Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

a. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ

b. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

c. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

d. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

Câu 8. Khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" là của ai?

a. Nguyễn Văn Trỗi. b. Nguyễn Viết Xuân.

c. Tự vệ mỏ than Quảng Ninh. d. 12 cô gái Đồng Lộc

Câu 9. Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

a. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

b. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

c. Bảo vệ miền Bắc.

d. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

Câu 10. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn có gì giống so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

a. Về mục đích của chiến tranh. b. Về vai trò của quân đội Mĩ.

c. Vai trò của quân đội Ngụy. đ. Về vai trò của "ấp chiến lược"

Câu 11. Thủ đoạn trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là gì?

a. Tăng số lượng ngụy quân.

b. Rút dần quân Mĩ về nước.

c. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Cam-pu-chia.

đ. Cô lập cách mạng Việt Nam.

Câu 12. Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh, Mĩ đã làm gì?

a. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".

b. Tăng vốn đầu tư, kỹ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

c. Tăng viện trợ quân sự, giúp đỡ quân đội tay sai số lượng và trang bị hiện đại.

d. Bắn phá miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

Câu 13. Ngày 24, 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

a. Bắt tay nhau cùng kháng chiến chống Mĩ.

b. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

c. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân 3 nước Đông Dương..

d., Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương.

Câu 14. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa chiến tranh"?

a. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong 3 năm 1969, 1970, 1971.

b. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ta đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

c. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pari.

d. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tiếp tục chi viện cho miền Nam.

Câu 15. Vì sao cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai được xem là một bộ phận của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ?

a. Vì nó hỗ trợ cho chiến lược "Việt Nam hóa ".

b. Vì nó thực hiện âm mưu phá hoại cách mạng miền Bắc để miền Bắc không còn đủ sức chi viện cho Miền Nam.

c. Vì nhằm đối phó với cuộc tiến công của ta và hỗ trợ chiến lược "Việt Nam hóa" đang có nguy cơ phá sản.

d. Vì nhằm tạo thế mạnh "vừa đánh, vừa đàm".

Câu 16.Ních xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ lớn nhất là gì?

a. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán Pari.

b. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

c. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

d. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc

Câu 17. Số liệu nào sau đây là thành tích xuất sắc của quân đội miền Bắc làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không"?

a. Bắn rơi 735 máy bay Mĩ.

b. Bắn rơi 61 máy bay B52, 10 máy bay F111.

c. Bắn rơi 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111).

d. Bắn rơi 735 máy bay (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111.

Câu 18. Căn cứ vào lí do chủ yếu nào sau đây để nói rằng Mĩ "đã đặt ngang hàng kẻ đi xâm lược với người chống xâm lược"?

a. Mĩ thiếu thiện chí, muốn kéo dài chiến tranh ở Việt Nam.

b. Mĩ muốn duy trì chế độ tay sai để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới.

c. Mĩ đòi "có đi có lại", nếu Mĩ rút quân khỏi miền Nam thì quân đội miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam.

d. Mĩ muốn giữ quân chư hầu của Mĩ ở lại miền Nam.

Câu 19. Nguyên nhân trực tiếp nào có ý nghĩa quyết định nhất buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari (27/1/1973)?

a. Do đòi hỏi của dư luận thế giới đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

b. Do đòi hỏi của nhân dân Mĩ đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

c. Do Mĩ liên tục thất bại quân sự trên chiến trường Việt Nam, nhất là trận "Điện Biên Phủ trên không".

d. Do Mĩ không còn đủ sức tiếp tục cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 20. Hiệp định Pari có nhiều ý nghĩa, ý nghĩa nào là quan trọng nhất?

a. Là cơ sở pháp lí quốc tế công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

b. Đánh dấu sự phá sản của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.

c. Tạo điều kiện để miền Bắc đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH, miền Nam có cơ sở chính trị, pháp lí để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (dành cho ngụy nhào).

d. Là kết quả của quá trình đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

BÀI 30
HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973-1975)

A.KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, ra sức chi viện cho miền Nam

- Sau Hiệp định Pa-ri 1973, miền Bắc có thêm điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, chi viện sức người sức của cho tiền tuyến.

- Cuối tháng 6-1973, miền Bắc căn bản hoàn toàn tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn trên biển, trên sông, bảo đảm việc đi lại bình thường. Sau 2 năm (1973-1974) về cơ bản, miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

- Cuối 1974: sản xuất công, nông nghiệp vượt mức năm 1964 và 1971. Đời sống nhân dân được ổn định.

- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương:

+ Đưa vào các chiến trường gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong.

+ Đưa vào chiến trường: 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực, thực phẩm, quân trang....

II. Đấu tranh chống "bình định-lấn chiếm" tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam

* Đấu tranh chống Bình định - "lấn chiếm" -> tạo thế và lực tiến tới giải phóng miền Nam.

- 29-2-1973: Quân Mĩ rút khỏi nước ta nhưng để lại 2 vạn cố vấn Mĩ.

- Chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri bằng chiến lược "tràn ngập lãnh thổ" và bình định - "lấn chiếm".

- Ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định. Do địch phá hoại trắng trợn, có hệ thống, ta buộc phải cầm súng chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, tiếp tục đưa sự nghiệp chống Mĩ cứu nước đến thắng lợi.

- 7-3-1973: Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 nêu rõ nhiệm vụ cách mạng miền Nam là: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Cuối 1974, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14-Phước Long (từ 12-12-1974 đến 6-1-1975), giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

- Trong lúc đó, tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược.

III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

- Trên cơ sở dự đoán thời cơ, cuối 1974 đầu 1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rõ "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975" bằng "cuộc Tổng công kích-tổng khởi nghĩa".

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

- Đầu 1975, khi thời cơ đến nhanh, hết sức thuận lợi, Bộ Chính trị kịp thời quyết định thực hiện cuộc Tổng tiến công (tổng công kích) và nổi dậy.

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra gần 2 tháng (từ 4-3 đến 2-5-1975), bằng ba chiến dịch tấn công lớn của lực lượng vũ trang có lực lượng quần chúng nổi dậy phối hợp:

- Chiến dịch Tây Nguyên (4-3-24-3-1975)
  + 10-3-1975: Tấn công Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giải phóng thị xã này.
  + 14-3-1975: Địch rút khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung.
  + 24-3-1975: Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.
- Chiến dịch Huế-Đà Nẵng (21-3 đến 3-4-1975)
  + 26-3-1975: Giải phóng Huế.
  + 29-3-1975 Giải phóng Đà Nẵng.
- Chiến dịch Hồ Chí Minh (9-4 đến 2-5-1975)
  + 21-4-1975: Giải phóng Xuân Lộc.
  + Chiều 21-4: Nguyễn Văn Thiệu từ chức.
  + 17 giờ ngày 26-4-1975: 5 cánh quân tiến về Sài Gòn.
  + 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
  + Ngày 2-5-1975. Ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975)

1. Ý nghĩa lịch sử

* Đối với dân tộc:

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc. dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất đất nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập. thống nhất đi lên của chủ nghĩa xã hội.

* Đối với thế giới:

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, dường lối tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhân dân hai miền đoàn kết yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cach mạng thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pa-ri?

a. Rút quân Mĩ về nước.

b. Rút quân Đồng minh về nước.

c. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.

d. Lập bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 2. Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, nhận định kẻ thù của nhân dân ta là:

a. Nguỵ quyền Sài Gòn.

b. Mĩ và quân Đồng minh của Mĩ.

c. Đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

d. Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

Câu 3. Sau Hiệp định Pari, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

a. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút về nước, nguỵ quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

b. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

c. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

d. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 4. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

a. 1972 - 1973. b. 1973 - 1974.

c. 1974 - 1975. d. 1975 -1976.

Câu 5. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?

a. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

b. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

c. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

d. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 6. Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

a. Quân Mĩ và quân đồng minh đã rút khỏi miền Nam, Ngụy mất chỗ dựa.

b. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

c. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

d. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 7. Trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, có những điểm nào khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng?

a. Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

b. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

c. Tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân ta, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá.

d. b và c đúng.

Câu 8. Lý do nào là chủ yếu ta chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công đầu tiên cho chiến dịch giải phóng miền Nam 1975?

a. Vì Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, địch tập trung lực lượng ở đây dày đặc.

b. Vì Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, nhưng địch tập trung quân mỏng, bố phòng nhiều sơ hở.

c. Vì Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - Ngụy ở miền Nam.

d. Vì nếu chiếm được Tây Nguyên cắt đôi miền Nam.

Câu 9. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là gì?

a. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

b. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

c. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

d. Đó là thắng lợi mở đầu, có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Câu 10. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Huế - Đà Nẵng?

a. Mở ra quá trình sụp đổ không sao gượng nổi của ngụy quyền Sài Gòn.

b. Gây nên tâm lí tuyệt vọng của quân ngụy, đưa cuộc tiến công và nổi dậy của ta tiến lên một bước với sức mạnh áp đảo.

c. Tạo điều kiện giải phóng các tỉnh miền Trung và Nam Bộ còn lại.

d. Dồn ngụy quân, ngụy quyền vào thế bị động lúng túng.

Câu 11. Tinh thần "đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "thần tốc, tá bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc t trong chiến dịch nào?

a. Chiến dịch Tây Nguyên.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

b. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

d. Tất cả chiến dịch trên.

Câu 12. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: Mốc mở đầu và kết thúc?

a. Mở đầu 9/4/1975, kết thúc 30/4/1975.

b. Mở đầu 4/3/1975, kết thúc 30/4/1975.

c. Mở đầu 19/3/1975, kết thúc 02/5/1975.

d. Mở đầu 4/3/1975, kết thúc 02/5/1975.

Câu 13. Năm đời tổng thống Mĩ nối nhau điều hành 4 kế hoạch chiến lược thự dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam. Vậy tổng thống nào nến chịu sự thất bại cuối cùng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

a. Ních-xơn.

b. Giôn-sơn.

c. Pho.

d. Ken-nơ-di.

Câu 14. Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh?

a. Tạo điều kiện thuận lợi cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoà toàn miền Nam.

b. Đây là thắng lợi có tính quyết định nhất.

c. Thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.

d. Thắng lợi có tính chất thời đại, làm phá sản học thuyết Nich-xơn.

Câu 15. Ý nghĩa lịch sử cơ bản nhất của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nướ (1954 - 1975)

a. Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dâ tộc, bảo vệ Tổ quốc. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và ch độ phong kiến ở nước ta.

b. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

c. Mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

d. Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đố với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

CHƯƠNG VII
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 31
VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

. Tình hình hai miền Nam-Bắc sau đại thắng mùa xuân 1975

- Đại thắng mùa xuân 1975 đã đưa đất nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Miền Bắc: Đã xây dựng được cơ sở vật chất-kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã làm chậm quá trình tiến lên của đất nước.
- Miền Nam: Chế độ thực dân mới và bộ máy chính quyền Sài Gòn ở Trung ương đã bị sụp đổ nhưng hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mà Mĩ để lại còn rất nặng nề.

I. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá ở hai miền đất nước

** Miền Bắc*

- Từ sau Hiệp định Pa-ri năm 1973 đến năm 1976 đã tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hoá.
- Tiếp tục làm tròn nghĩa vụ hậu phương của cả nước và nghĩa vụ quốc tế với Lào và Cam-pu-chia trong giai đoạn mới

** Miền Nam:*

- Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng.
- Giúp dỡ nhân dân ổn định cuộc sống.
- Xoá bỏ bóc lột của phong kiến.
- Khôi phục sản xuất nông nghiệp, đưa các cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp trở lại hoạt động.
- Đẩy mạnh các hoạt động y tế, văn hoá, giáo dục...

II. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975-1976)

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau. Nguyện vọng của nhân dân cả nước muốn có một Chính phủ Thống nhất, một cơ quan dại diện quyền lực chung cho cả nước.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (9-1975) đã dề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương đã nhất trí hoàn toàn việc thống nhất hai miền trong một Nhà nước chung.
- Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung dược tiến hành trong cả nước.

- Từ ngày 24-6 đến ngày 2-7-1976, Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội:

+ Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại.

+ Quyết định lấy tên nước là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội là Thủ đô, đổi tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP Hồ Chí Minh.

+ Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước nhà.

+ Bầu Ban Dự thảo Hiến pháp.

+ Ở địa phương, Quốc hội tổ chức thành ba cấp tinh, huyện, xã.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

a. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
b. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở 2 miền Nam - Bắc.
c. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
d. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

a. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
b. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.
c. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.
d. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 3. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

a. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.
b. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.
c. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.
d. Quốc hữu hóa ngân hàng.

Câu 4. Tháng 9/1975, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ gì?

a. Cải tạo XHCN.
b. Bầu cử Quốc hội thống nhất.
c. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
d. Bầu Ban Dự thảo Hiến pháp.

Câu 5. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

a. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11/1975).
b. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).
c. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kỳ họp đầu tiên (24/6 - 2/7/1976).
d. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 6. Kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

a. Thống nhất tên nước, quy định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, Thủ đô là Hà Nội.
b. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

c. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

d. a và b đúng.

Câu 7. Ngày 25/4/1976 Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

a. 20 triệu. b. 21 triệu.

c. 22 triệu. d. 23 triệu.

Câu 8. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

a. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân: xây dựng Việt Nam độc lập và thống nhất.

b. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

c. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội và mở rộng quan hệ quốc tế.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 9. Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

a. Lấy tên nước là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

b. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

c. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*.

d. Đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

Câu 10. Từ ngày 24/6 đến 3/7/1976 Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất với số lượng bao nhiêu đại biểu?

a. 462 đại biểu. b. 472 đại biểu.

c. 482 đại biểu. d. 492 đại biểu.

BÀI 32

XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Việt Nam trong 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã đề ra kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980).

- *Mục tiêu cơ bản của kế hoạch:*

+ Xây dựng một bước cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

- *Một số thành tựu đạt được:*

+ Khôi phục các cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải.

+ Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở những vùng mới giải phóng (Xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản, đưa nông dân vào làm ăn tập thể....)

+ Xây dựng nền văn hoá mới cách mạng.

- *Hạn chế:*

+ Nền kinh tế còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp.

+ Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

+ Xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực...

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982) đã đề ra kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985).

- Mục tiêu kế hoạch:

+ Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa thêm một bước và sắp xếp lại cơ cấu nền kinh tế quốc dân.

+ Ổn định về cơ bản tình hình kinh tế-xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của đời sống nhân dân.

- Một số thành tựu đạt được:

+ Sản lượng nông nghiệp, công nghiệp đều tăng so với trước.

+ Thu nhập quốc dân tăng bình quân 6,4%.

+ Hoạt động khoa học-kĩ thuật được triển khai.

+ Xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Điểm mới trong nông nghiệp thời kì này là việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động.

Tuy nhiên, khó khăn và yếu kém vẫn còn nhiều, vẫn là những khó khăn và yếu kém của thời kì trước chưa được hạn chế và khắc phục, thậm chí có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch là "cơ bản ổn định tình hình kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân" vẫn chưa được thực hiện.

II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975-1979)

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây- Nam

- Do có âm mưu trước sau khi thắng Mĩ, Tập đoàn Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, liền quay súng bắn vào nhân dân ta, gây nên cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây- Nam nước ta (22-12-1978).

- Quân dân ta đã tổ chức phản công, nhanh chóng quét sạch quân xâm lược, hoà bình được lập lại trên toàn bộ biên giới Tây- Nam của đất nước.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

- Ngày 17-2-1979, Trung Quốc mở cuộc tiến công nước ta dọc biên giới từ Móng Cái đến Phong Thổ (Lai Châu).

- Để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc, nhân dân ta đã đứng lên chiến đấu. Cuộc chiến ngoan cường vì độc lập, tự do của nhân dân ta cùng với sự phản đối của dư luận thế giới buộc Trung Quốc phải rút quân khỏi nước ta vào tháng 3-1979.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện như thế nào?

a. Đất nước đã hòa bình.

b. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.

c. Đất nước độc lập, thống nhất.

d. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 2. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ và hoàn thành thống nhất đất nước về nhiệm vụ nhà nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới đó là gì?

a. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980)

b. Đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

c. Cải tạo quan hệ sản xuất.

d. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH

Câu3. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội lần này?

a. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Đề ra đường lối xây dựng CNXH trong cả nước.

c. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

d. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

Câu 4. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

a. Khôi phục và phát triển kinh tế.

b. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

c. Vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo quan hệ sản xuất.

d. Xây dựng nền văn hóa mới.

Câu 5. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kỳ nào?

a. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần nhất (1960 - 1965).

b. Thời kỳ khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).

c. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

d. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 6. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội Đảng lần này?

a. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

b. Tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.

c. Thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta phải trải qua nhiều chặng.

d. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 -1985).

Câu 7. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?

a. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.

b. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.

c. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

d. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 8. Những khó khăn yếu kém của 5 năm trước vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có phần trầm trọng hơn, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế, xã hội vẫn chưa thực hiện. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

a. Kế hoạch 5 năm (1976-1980) b. Kế hoạch 5 năm (1981-1985)

c. a và b đúng. d. a và b sai.

Câu 9. Từ sau 30/4/1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

a. Quân xâm lược Mĩ.

b. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).

c. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc.

d. b và c đúng.

Câu 10. Năm 1978 Trung Quốc đã có những hành động gì làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước?

a. Cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới.

b. Cắt viện trợ.

c. Rút chuyên gia về nước.

d. Cả 3 ý trên.

BÀI 33
VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Đường lối đổi mới của Đảng

a. Hoàn cảnh lịch sử:

** Tình hình thế giới:*

- Khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- Tác động của cách mạng khoa học-kĩ thuật.
- Những thay đổi của tình hình thế giới và trong quan hệ giữa các nước.

** Tình hình trong nước:*

- Trong hơn một thập niên thực hiện 2 kế hoạch 5 năm (1976-1985) tuy đạt được một số thành tựu song tình trạng khủng hoảng nhất là kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng.
- Sự cần thiết phải đổi mới là để khắc phục khó khăn, vượt qua cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, trầm trọng nhất là về kinh tế-xã hội từ giữa những năm 80, đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đại hội toàn quốc lần thứ VI (12-1986) của Đảng là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển sang thời kì đổi mới.

b. Nội dung đường lối đổi mới:

- Đây là quá trình đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, không phải thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- Sự nghiệp đổi mới là toàn diện, đồng bộ, song trọng tâm là đổi mới kinh tế.

II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986-2000)

Trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới với 3 kế hoạch 5 năm 1986-1990; 1991-1995; 1996-2000, nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu về mọi mặt. Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp không ít khó khăn và yếu kém trên nhiều mặt.

1. Kế hoạch 5 năm (1986-1990)

- Thực hiện những mục tiêu của 3 chương trình kinh tế. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- *Thành tựu:*

+ Lương thực, thực phẩm từ 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu góp phần ổn định đời sống nhân dân.

+ Hàng tiêu dùng: dồi dào, đa dạng, các cơ sở sản xuất đã gắn chặt với nhu cầu thị trường

+ Hàng xuất khẩu tăng 3 lần; từ năm 1989, mở rộng thêm hàng xuất khẩu có giá trị lớn như gạo, dầu thô.

2.Kế hoạch 5 năm (1991-1995)

- *Mục tiêu:*

+ Vượt qua khó khăn, thử thách

+ Ổ định và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng.

- *Thành tựu:*

+ Khắc phục được tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối loạn trong lưu thông.

+ Kinh tế tăng trưởng - tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm là 8%.

+ Nạn lạm phát từng bước bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển, vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

+ Khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội - thích nghi với cơ chế thị trường.

3. Kế hoạch 5 năm (1996-2000)

- *Mục tiêu:*

+ Tăng trưởng kinh tế - hiệu quả cao và bền vững.

+ Giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

+ Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích luỹ.

- *Thành tựu:*

+ Giữ được nhịp độ tăng trưởng về kinh tế.

+ Tổng sản phẩm bình quân trong nước tăng 7%.

+ Nông nghiệp phát triển - góp phần vào mức tăng trưởng chung.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển - trong 5 năm xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 21%, nhập khẩu đạt 61 tỉ USD.

+ Vốn đầu tư của nước ngoài đạt 10 tỉ USD gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

+ Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực, giáo dục đào tạo có một bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng và hình thức đào tạo...

* Thành tựu đạt được trong 15 năm thực hiện 3 kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-2000)

+ Tăng cường sức mạnh tổng hợp - làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống của nhân dân

+ Củng cố độc lập dân tộc và chế độ XHCN

+ Nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

* Khó khăn, yếu kém

+ Kinh tế phát triển chưa vững chắc, chưa có hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp.

+ Một số vấn đề xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

+ Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức của một số bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên ở Đại hội nào?

a. Đại hội IV (12 - 1976). b. Đại hội V (3 - 1981).

c. Đại hội VI (12 - 1986). d. Đại hội VII (6 - 1991).

Câu 2. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?

a. Đổi mới về kinh tế. b. Đổi mới về chính trị.

c. Đổi mới về văn hóa. d. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 3. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

a. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

b. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

c. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

d. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 4. Trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

a. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.

b. Phát triển kinh tế đối ngoại.

c. Kiềm chế được lạm phát.

d. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 5. Trong số 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

a. Lương thực, thực phẩm. b. Hàng xuất khẩu.

c. Hàng tiêu dùng. d. Đúng a + b

Câu 6. Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?

a. Để tiện lợi cho việc sản xuất.

b. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.

c. Để dễ dàng loại bỏ một số hiện tượng tiêu cực.

d. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

Câu 7. Mục tiêu đề ra là tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; cải thiện đời sống nhân dân; nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Đó là mục tiêu của kế hoạch 5 năm nào?

a. Kế hoạch 5 năm (1981 - 1985). b. Kế hoạch 5 năm (1986 - 1990).

c. Kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). d. Kế hoạch 5 năm (1996 - 2000).

Câu 8. Thành tựu đầu tiên trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới là gì?

a. Giải quyết được việc làm cho người lao động.

b. Giải quyết nạn thiếu ăn triền miên.

c. Kim ngạch xuất khẩu tăng 10 lần.

d. Xuất khẩu gạo đứng thứ 3 thế giới.

Câu 9. Trong 15 năm thực hiện đổi mới, bên cạnh những thành tựu và tiến bộ, ta gặp không ít khó khăn và yếu kém. Điều nào trong mặt khó khăn, yếu kém đó khó giải quyết nhất được xem là "quốc nạn"?

a. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

b. Một số vấn đề văn hóa, xã hội còn bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.

c. Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

d. a và b đúng.

Câu 10. Nối niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1. 12/1986	a. Đại hội Đảng V
2. 4/2000	b. Đại hội Đảng VII
3. 27 - 31/3/1982	c. Đại hội Đảng VI
4. 1995	d. Đại hội Đảng VIII
5. 6/1991	e. Xuất khẩu đạt 51,6 tỉ đô la
6. 6/1996	g. Lạm phát được đẩy lùi xuống 12,7%
7. Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000	h. Đại hội Đảng IX

BÀI 34
TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử

1. Giai đoạn 1919- 1930

- Cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất với quy mô lớn, tốc độ nhanh, có hệ thống hơn lần thứ nhất.

- Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa.

- 3-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp 3 yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

- Chấm dứt khủng hoảng về lãnh đạo của phong trào cách mạng Việt Nam.

2. Giai đoạn 1930-1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Việt Nam không ngừng tiến lên qua các giai đoạn (1930-1931, 1932-1935, 1936-1939, 1939-1945) dẫn tới Cách mạng tháng Tám.

+ Cao trào 1930-1931 là cuộc diễn tập lần thứ nhất chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945.

+ Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một thời kì đấu tranh rộng lớn của quần chúng chống bọn phản động thuộc địa và tay sai đòi quyền tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình. Đây là cuộc diễn tập thứ hai cho Cách mạng tháng Tám.

+ 9-1939 Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ -> 9-1940 Nhật vào xâm lược Đông Dương -> Đảng lãnh đạo - chuẩn bị thời cơ tiến tới tổng khởi nghĩa.

+ 9-3-1945. Nhật đảo chính Pháp. Đảng đã chuyển hướng mau lẹ -> cao trào kháng Nhật, cứu nước.

+ 8-1945, khi quân đồng minh đánh bại phát xít Nhật, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

3. Giai đoạn 1945-1954

- Sau Cách mạng tháng Tám, ta gặp nhiều khó khăn. Đảng đã lãnh đạo chống "thù trong" "giặc ngoài".

- Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954. Kết thúc 9 năm chống Pháp và chứng minh chân lí thời đại ngày nay: Một dân tộc đất không rộng, người không đông, nếu biết đoàn kết chiến đấu theo đường lối cách mạng đúng đắn thì có thể chiến thắng bất kì tên đế quốc to lớn nào.

4. Giai đoạn 1954-1975

- Đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

- Đảng đề ra đường lối: Giương cao hai ngọn cờ độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng CNXH và chống Mĩ cứu nước của dân tộc đạt được nhiều thành tựu về nhiều lĩnh vực, đặc biệt về kinh tế.

- Khó khăn thách thức còn nhiều, song Đảng đã chọn con đường đi đúng và có những biện pháp thích hợp.

5. Giai đoạn 1975 đến nay

- Sau đại thắng Xuân 1975, Việt Nam chuyển sang giai đoạn cả nước tiến lên CNXH.

- Các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, V, VI, VII, VIII, IX của Đảng, đặc biệt là từ Đại hội lần thứ VI (12-1986) đã ra đường lối đổi mới đi lên CNXH thắng lợi.

- Sau hơn 20 năm đấu tranh kiên cường, quân và dân ta đã tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã thắng lợi, mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử nước ta, kỉ nguyên của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên

1.Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt, sáng tạo của Đảng qua các giai đoạn trên là nguyên nhân hàng đầu, quyết định thắng lợi cách mạng.

- Truyền thống, sức mạnh đoàn kết dân tộc được phát huy qua các thời kì.

2. Bài học kinh nghiệm

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc, và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

- Không ngừng tăng cường, củng cố khối đoàn kết toàn Đảng toàn dân, dân tộc và đoàn kết quốc tế.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế

- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Phương hướng đi lên

Xây dựng chủ nghĩa xã hội do nhân dân làm chủ, nhà nước là của nhân dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là gì?

a. Đến với chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tìm con đường cứu nước đúng đắn.

b. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam.

d. Sáng lập ra các tổ chức lớn cho cách mạng Việt Nam.

Câu 2. Điểm nổi bật của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

a. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

b. Thực hiện liên minh công nông và thành lập chính quyền Xô-viết Nghệ Tĩnh.

c. Sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

d. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân phong kiến.

Câu 3. Nét nổi bật của thời kì cách mạng 1932 - 1935 là gì?

a. Các phong trào dân tộc của công nhân, nông dân và các tầng lớp xã hội khác liên tiếp bùng nổ trong cả nước.

b. Sự vững vàng của Đảng trước chính sách khủng bố dã man của kẻ thù.

c. Các chiến sĩ cách mạng luôn nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất.

d. Hệ thống của Đảng ở trong nước được khôi phục.

Câu 4. Nét nổi bật của phong trào cách mạng 1936 - 1939 là gì?

a. Thực hiện khẩu hiệu đấu tranh "Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình".

b. Thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

c. Đào tạo được đội ngũ cách mạng đông đảo.

d. Sử dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, xây dựng một đội quân chính trị rộng lớn.

Câu 5. Các nghị quyết của Đảng liên quan đến thắng lợi của Cách mạng tháng 8 - 1945 là những nghị quyết nào?

a. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (5/1941).

b. Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945)

c. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (13/8/1945).

d. Tất cả các nghị quyết trên.

Câu 6. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954) quân dân ta đã giành những thắng lợi to lớn, trong đó thắng lợi nào quyết định nhất?

a. Chiến dịch Việt Bắc thu đông (1947).

b. Chiến dịch Biên Giới thu đông (1947).

c. Chiến dịch Hòa Bình (1952).

d. Chiến cuộc Đông - Xuân (1953 - 1954) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

Câu 7. Mĩ đã hai lần tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, vậy 2 lần đó nằm trong các chiến lược chiến tranh nào?

a. Chiến tranh đặc biệt và chiến tranh Việt Nam hóa.

b. Chiến tranh đơn phương và chiến tranh cục bộ.

c. Chiến tranh cục bộ và chiến tranh Việt Nam hóa.

d. Chiến tranh cục bộ và chiến tranh đặc biệt.

Câu 8. Trận Ấp Bắc diễn ra trong thời kì đánh bại chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mĩ?

a. Chiến lược "Chiến tranh một phía".

b. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

c. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

d. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 9. "Điện Biên Phủ trên không" diễn ra trên vùng trời của địa phương nào?

a. Sơn La - Lai Châu.   b. Việt Bắc.

c. Hà Nội - Hải Phòng   d. Nghệ An - Hà Tĩnh.

Câu 10. Vì sao nói chiến dịch Hồ Chí Minh (4 /1975) là một bước tiến mới trong lịch sử dân tộc so với chiến dịch Điện Biên Phủ (5/1954). Lý do nào là chủ yếu nhất?

a. Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến công vào một thành phố lớn.

b. Chiến dịch Hồ Chí Minh sử dụng nhiều vũ khí hiện đại hơn.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc nhanh chóng hơn

d. Chiến dịch Hồ Chí Minh dưa đến việc hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

C. MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO

Đề số 1.

Câu 1. (3điểm)

Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế xã hội của các nước châu Phi từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

Câu 2. (1điểm)

Hãy nêu những mặt tích cực và tiêu cực của cuộc Cách mạng Khoa học-kĩ thuật đang diễn ra hiện nay đối với cuộc sống con người.

Câu 3. (6điểm)

Công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với Cách mạng Việt Nam từ 1920-1930.

Đề số 2.

Câu 1. (2điểm)

Nét khác biệt cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mĩ-La-tinh là gì? Vì sao?

Câu 2. (3điểm)

Lập bảng so sánh về chủ trương, biện pháp cách mạng của ba tổ chức: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 3. (5điểm)

Vì sao Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945? Trình bày diễn biến của cao trào kháng Nhật, cứu nước và phân tích thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945.

Đề số 3.

Câu 1. (2điểm)

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Đông Nam Á có những biến đổi to lớn gì? Trong đó biến đổi nào là quan trọng nhất? vì sao?

Câu 2. (4điểm)

Em hãy nêu rõ sách lược đấu tranh của Đảng và Chính phủ ta chống bọn phản động Tưởng Giới Thạch và thực dân Pháp từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước ngày 19-12-1946.

Câu 3. (4điểm)

Lập bảng so sánh về phong trào công nhân và nông dân 1930-1931, phong trào dân tộc dân chủ 1936-1939 (mục tiêu đấu tranh, lực lượng tham gia, phương pháp đấu tranh, kết quả và ý nghĩa).

Đề số 4.

Câu 1. (3điểm)

Trình bày sự phân kì của lịch sử thế giới từ 1945 đến nay và nêu rõ đặc điểm của từng thời kì lịch sử.

Câu 2. (4điểm)

Lập bảng thống kê về các tổ chức Mặt trận Dân Tộc thống nhất ở Việt Nam từ sau năm 1930 đến 1945 theo nội dung: Thời gian hoạt động, chủ trương, kết quả.

Câu 3.(3điểm)

Tại sao ta chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược và tại sao nói chiến thắng Điện Biên Phủ "đã được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa ở thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

Đề số 5.

Câu 1.(2 điểm)

Hãy nối các niên đại ở cột A phù hợp với sự kiện ở cột B.

A	B
1. 17/8/1945	a. Lào tuyên bố độc lập
2. 2/9/1945	b. In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập
3. 12/10/1945	c. Việt Nam tuyên bố độc lập
4. 1950	d. Ai Cập tuyên bố độc lập
5. 1962	đ. Ấn Độ tuyên bố độc lập
6. 1952	e. An-giê-ri tuyên bố độc lập
7. 1/1/1959	g. Irắc tuyên bố độc lập
8. 1958	h. Cu Ba tuyên bố độc lập.

Câu 2. (2 điểm)

Hãy nêu những nét nổi bật của Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

Câu 3. (6 điểm)

Sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện trong Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào?

Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám?

Đề số 6.

Câu 1. (2 điểm)

1. Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh?

a. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

b. Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.

c. Năm 1961, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

d. Đến thập kỉ 60 (thế kỉ XX), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).

2.Trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX), số liệu nào sau đây có ý nghĩa nhất?

a. Nếu năm 1950, Liên Xô sản xuất được 27,3 triệu tấn thép thì đến năm 1970 sản xuất được 115,9 triệu tấn.

b. Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô tăng 73% so với trước chiến tranh.

c. Từ năm 1951 đến 1975, mức tăng trưởng của Liên Xô hàng năm đạt 9,6%.

d. Từ giữa thập niên 70, sản xuất công nghiệp của Liên Xô đạt khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

3. Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đạt được thành tựu cơ bản gì?

a. Thế cân bằng về sức mạnh kinh tế.

b. Thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh về hạt nhân nói riêng

c.Thế cân bằng về sức mạnh quốc phòng.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

4. Nội dung cơ bản của công cuộc "cải tổ" của Liên Xô là gì?

a. Cải tổ kinh tế triệt để, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế

b. Cải tổ hệ thống chính trị.

c. Cải tổ xã hội.

d. Cải tổ kinh tế và xã hội.

5. Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

a. Các thế lực chống CNXH trong và ngoài nước chống phá.

b. Chậm sửa chữa những sai lầm.

c. Nhà nước nhân dân Xô-viết, nhận thấy CNXH không tiến bộ nên muốn thay đổi chế độ.

d. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

6. Quá trình tan rã của hệ thống thuộc địa thế giới vào khoảng thời gian nào?

a. Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

b. Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm [illegible] của thế kỉ XX.

c. Từ giữa những năm [illegible] đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

7. Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

a. Các nước châu Á đã giành độc lập.

b. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

c. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

d. Tất cả các câu trên.

8. Vì sao bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh"?

a. Vì phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

b. Vì nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.

c. Vì tất cả các nước châu Á giành được độc lập.

d. Vì ở châu Á có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

Câu 2. (2điểm)

Hãy sắp xếp các đời Tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian?

a. Tơ-ru-man — b. Ri-gân

c. Nich-xon — d. Ai-xen-hao

e. Ken-nơ-di — g. Giôn-xơn

f. Bu-se — h. B.Clin-tơn

Câu 3. (6 điểm)

Trình bày quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì sao nói sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là bước ngoặc vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

Đề số 7.

Câu 1. (2 điểm)

Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

"Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc...(a)... của loài người, đã mang lại những tiến bộ...(b)........(c)...và những thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật đã cho phép con người thực hiện...(d)...và năng suất lao động, nâng cao...(e)...và chất lượng cuộc sống con người với những hàng hóa mới và tiện nghi sinh hoạt mới,...(f)... đã đưa tới những thay đổi lớn về...(g)...với xu hướng dân cư lao động trong nông nghiệp và công nghiệp...(h)...dần, dân cư lao động trong các ngành dịch vụ ngày càng tăng lên.

Câu 2. (2điểm)

Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

STT	Thời gian A	Sự kiện B
1	Năm 1919	a. mít tinh tại quảng trường nhà Đấu Xảo
2	Năm 1920	b. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
3	Tháng 12-1922	c. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa ra đời
4	Tháng 6-1925	d. Liên Xô phóng tàu vũ trụ đưa Ga-ga-rin bay vòng quanh trái đất.
5	1-1-1938	e. Việt Nam gia nhập ASEAN
6	1-10-1949	f. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a được thành lập
7	Năm 1961	g. Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách đến Hội nghị Vec-xai
8	Tháng 7-1995	h. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô-viết ra đời

Câu 3. (3điểm)

Tóm tắt phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ năm 1954 đến năm 1960?

Câu 4. (3điểm)

. Phân tích sự lãnh đạo tài tình của Đảng. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Đề số 8.

Câu 1. (2.5 điểm)

Lập niên biểu các giai đoạn lịch sử của Trung Quốc từ năm 1946 đến nay.

Câu 2. (1 điểm)

Nêu những sự kiện chính trị nổi bật nhất của khu vực Đông Nam Á từ đầu những năm 90 đến nay.

Câu 3. (2.5 điểm)

Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác lớp người đi trước?

Câu 4. (4 điểm)

Ý nghĩa những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến 1925? Trong những năm ấy, hoạt động nào của Nguyễn Ái Quốc có ý nghĩa quan trọng nhất đối với cách mạng Việt Nam?

Đề số 9.

Câu 1. (3 điểm)

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó?

Câu 2. (2điểm)

1. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

a. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

b. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

c. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học- kỹ thuật.

d. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

2. Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

a. Những năm 60 (thế kỉ XX). b. Những năm70 (thế kỉ XX).

c. Những năm 80 (thế kỉ XX). d. Những năm 90 (thế kỉ XX).

3. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

a. Anh. b. Pháp. c. Mĩ. d. Nhật.

4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

a. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

b. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.

c. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

d. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

a. Cải cách hiến pháp. b. Cải cách ruộng đất.

c. Cải cách giáo dục. d. Cải cách văn hóa.

6. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

a. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

b. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.

c. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

d. "Luồn lách"xâm nhập thị trường các nước.

7. Sau khi nước Đức phát xít đầu hàng, 4 nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành 4 khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

a. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật. b. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.

c. Mĩ,Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản. d. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

8. Với sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) 04/1949 tình hình châu Âu như thế nào?

a. Ổn định và có điều kiện để phát triển.

b. Có sự đối đầu gay gắt giữa các nước với nhau.

c. Căng thẳng dẫn đến sự chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

d. Dễ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

Câu 3. (2.5 điểm)

Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

STT	**Thời gian A**	**Sự kiện B**
1	Tháng 6-1925	a. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời
2	9-2-1930	b. Kí hiệp định Sơ bộ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Pháp
3	22-12-1944	c. Chiến dịch Việt Bắc
4	6-3-1946	d. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
5	Tháng 10-1947	c. Khởi nghĩa Yên Bái
6	7-5-1954	f. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam
7	21-7-1954	g. Chiến thắng của quân dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ trên không"
8	12-1972	h. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết
9	27-1-1973	i. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc
10	24-3-1975	k. Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng

Câu 4. (2.5điểm)

Vai trò của hậu phương miền Bắc đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta từ năm 1954-1975?

Đề số 10.

Câu 1. (2 điểm)

1. Năm nào đánh dấu sự hình thành hệ thống XHCN thế giới?

a. 1944. b.1945. c. 1949. d. 1950

2. Năm nào được xem là "Năm châu Phi"?

a. 1945. b. 1955. c. 1960. d. 1965.

3. Địa danh lịch sử nào đánh dấu sự mở đầu việc sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ?

a. An-giê-ri
b. Điện Biên Phủ.
c. Phnôm-pênh.(Cam-pu-chia)
d. Viên-Chăn.(Lào)

4. Cuộc cách mạng nào đã đánh đổ chính quyền tay sai của chủ nghĩa thực-dân kiểu mới?

a. Trung Quốc.(01/10/1949)
b. Cu Ba.(10/01/1959)
c. An-giê-ri. (18/03/1962).
d. Ấn Độ.(26/11/1950).

5. Cách mạng nước nào được xem là "lá cờ đầu" của Mĩ La-tinh?

a. Mê-hi-cô.
b. Vê-nê-duyê-la.
c. Cu Ba.
d. Ni-ca-ra-goa.

6. Chủ nghĩa A-pác-thai bị xoá bỏ tại đâu?

a. Mĩ La-tinh. b. Nam Phi. c. Trung Đông. d. Châu Phi.

7. Địa danh nào sau đây chưa được xem là trung tâm tài chính của thế giới tư bản trong những năm 70 của thế kỉ XX?

a. Mĩ b. Nhật Bản c. Tây Âu d. Nam Âu

8. Nguyên nhân chung thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở các nước phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

a. Nhận viện trợ kinh tế và phụ thuộc Mĩ.
b. Tinh thần tự lực, tự cường của mỗi nước.
c. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng.
d. Áp dụng những thành tựu của CM KH-KT.

Câu 2. (2điểm)

Hiện nay, sự hình thành trật tự thế giới mới phụ thuộc vào những yếu tố nào?

Câu 3. (2điểm)

Lập niên biểu diễn biến của Cách mạng tháng Tám 1945?

Câu 4. (4điểm)

Chứng minh chính quyền Xô-viết Nghệ-Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng? Ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930-1931?

Đề số 11.

Câu 1. (2.5 điểm)

ASEAN gồm có mấy nước, kể tên và thủ đô của các nước trong khối ASEAN?

Câu 2. (2 điểm)

1. Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ 2 của Pháp là gì?

a. Vừa thai thác vừa chế biến.
b. Đầu tư phát triển công nghiệp nhẹ.
c. Đầu tư phát triển công nghiệp nặng.
d. Tăng cường dầu tư thu lãi cao.

2. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng?

a. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.
b. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá do nền công nghiệp Pháp sản xuất.
c. Trong khi nền công nghiệp Việt Nam chưa có diều kiện phát triển, thực dân Pháp tìm cách kìm hãm sự phát triển đó.
d. Tất cả cùng đúng.

3. Trong công cuộc thai thác thuộc địa lần hai, Pháp đã tăng cường đầu tư vốn vào ngành nào nhiều nhất?

a. Công nghiệp nặng. b. Công nghiệp nhẹ.

c. Nông nghiệp và thai thác mỏ. d. Thương nghiệp và xuất khẩu.

4. Nhằm độc quyền chiếm thị trường Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đã làm gì?

a. Ban hành đạo luật đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài nhập vào Đông Dương.

b. Cản trở hoạt động của tư bản Trung Quốc, Nhật Bản

c. Lập ngân hàng Đông Dương.

d. Chỉ nhập hàng hóa Pháp vào thị trường Đông Dương.

5. Chính sách văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp được thực hiện nhằm mục đích gì?

a. Mở các trường học dạy tiếng Pháp.

b. Thi hành chính sách văn hóa nô dịch.

c. Xuất bản sách báo tuyên truyền chính sách "khai thác" của Pháp.

d. Tạo điều kiện cho nền văn hóa, giáo dục Việt Nam phát triển.

6. Giai cấp có số lượng tăng nhanh trong cơ cấu xã hội Việt Nam do hậu quả của cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp sau chiến tranh là giai cấp nào?

a. Nông dân b. Địa chủ c. Công nhân d. Tư sản

7. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, đó là đặc điểm của giai cấp nào?

a. Giai cấp địa chủ phong kiến. b. Giai cấp tư sản.

c. Tầng lớp tư sản dân tộc. d. Tầng lớp tư sản mại bản.

8. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?

a. Tiểu tư sản. b. Công nhân. c. Tư sản. d. Địa chủ.

Câu 3. (1.5điểm)

Vì sao nói sự thành lập Đảng Cộng sản là yếu tố cấp thiết của Cách mạng Việt Nam?

Câu 4. (4điểm)

Nêu những điểm giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và Luận cương chính trị năm 1930.

Đề số 12.

Câu 1. (3điểm)

Em hãy trình bày sự phân kì lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay và nêu rõ đặc điểm của từng thời kì lịch sử.

Câu 2. (2điểm)

Lập bảng niên biểu về hai thời kì cách mạng 1930 - 1931 và 1936 - 1939 (kẻ thù, nhiệm vụ, hình thức đấu tranh, lực lượng).

Câu 3. (2.5điểm)

1. Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là gì?

a. Đến với chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tìm con đường cứu nước đúng đắn.

b. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

c. Vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam.

d. Sáng lập ra các tổ chức lớn cho cách mạng Việt Nam.

2. Điểm nổi bật của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

a. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

b. Thực hiện liên minh công nông và thành lập chính quyền Xô-viết Nghệ Tĩnh.

c. Sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

d. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân phong kiến.

3. Nét nổi bật của thời kì cách mạng 1932 - 1935 là gì?

a. Các phong trào dân tộc của công nhân, nông dân và các tầng lớp xã hội khác liên tiếp bùng nổ trong cả nước.

b. Sự vững vàng của Đảng trước chính sách khủng bố dã man của kẻ thù.

c. Các chiến sĩ cách mạng luôn nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất.

d. Hệ thống của Đảng ở trong nước được khôi phục.

4. Nét nổi bật của phong trào cách mạng 1936 - 1939 là gì?

a. Thực hiện khẩu hiệu dấu tranh "Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình".

b. Thành lập Mặt trận Nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

c. Đào tạo được đội ngũ cách mạng dông đảo.

d. Sử dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, xây dựng một đội quân chính trị rộng lớn.

5. Các nghị quyết của Đảng liên quan đến thắng lợi của Cách mạng tháng 8 - 1945 là những nghị quyết nào?

a. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (5/1941).

b. Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (12/3/1945)

c. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (13/8/1945).

d. Tất cả các nghị quyết trên.

6. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954) quân dân ta đã giành những thắng lợi to lớn, trong đó thắng lợi nào quyết định nhất?

a. Chiến dịch Việt Bắc thu đông (1947).

b. Chiến dịch Biên Giới thu đông (1947).

c. Chiến dịch Hòa Bình (1952).

d. Chiến cuộc Đông - Xuân (1953 - 1954) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

7. Mĩ đã hai lần tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, vậy 2 lần đó nằm trong các chiến lược chiến tranh nào?

a. Chiến tranh đặc biệt và chiến tranh Việt Nam hóa.

b. Chiến tranh đơn phương và chiến tranh cục bộ.

c. Chiến tranh cục bộ và chiến tranh Việt Nam hóa.

d. Chiến tranh cục bộ và chiến tranh đặc biệt.

8. Trận Ấp Bắc diễn ra trong thời kì đánh bại chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mĩ?

a. Chiến lược "Chiến tranh một phía".

b. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

c. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

d. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

9. "Điện Biên Phủ trên không" diễn ra trên vùng trời của địa phương nào?

a. Sơn La - Lai Châu. b. Việt Bắc.

c. Hà Nội - Hải Phòng d. Nghệ An - Hà Tĩnh.

10. Vì sao nói chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975) là một bước tiến mới trong lịch sử dân tộc so với chiến dịch Điện Biên Phủ (5-1954). Lý do nào là chủ yếu nhất?

a. Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến công vào một thành phố lớn.

b. Chiến dịch Hồ Chí Minh sử dụng nhiều vũ khí hiện đại hơn.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc nhanh chóng hơn.

d. Chiến dịch Hồ Chí Minh đưa đến việc hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước.

Câu 4. (2.5điểm)

Hãy xác định thời kì xảy ra các sự kiện sau đây:

Thời gian	**Sự kiện**
	Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vec-xai
	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
	Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8
	Nhật đảo chính Pháp
	Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc
	Trận "Điện Biên Phủ trên không"
	Kí hiệp định Pa-ri
	Việt Nam tham gia Liên Hợp Quốc
	Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu
	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đề số 13.

Câu 1. (2.5 điểm)

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Đông Nam Á có những biến đổi to lớn gì? Trong đó biến đổi nào là quan trọng nhất? vì sao?

Câu 2. (3điểm)

1. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

a. 10/10/1954. b. 16/5/1954. c. 10/10/1955. d. 16/5/1955.

2. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ nhảy vào đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền để thực hiện âm mưu gì?

a.Chống phá cách mạng miền Bắc.

b.Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.

c. Cô lập miền Bắc.

d. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

3. Đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

a. "Tấc đất, tấc vàng".

b. "Tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

c. "Người cày có ruộng".

d. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

4. Trong công cuộc cải tạo XHCN, miền Bắc tập trung giải quyết khâu chính trên lĩnh vực nào?

a. Thương nghiệp. b. Nông nghiệp.

c. Thủ công nghiệp. d. Công nghiệp.

5. Kết quả lớn nhất của công cuộc cải tạo quan hệ SX ở miền Bắc (1958-1960) là gì?

a. Thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh.

b. Hợp tác xã bảo đảm đời sống cho nhân dân lao động.

c. Tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho người đi chiến đấu và phục vụ chiến tranh.

d. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

6. Trọng tâm phát triển kinh tế miền Bắc thời kì 1958 - 1960 là gì?

a. Phát triển thành phần kinh tế cá thể.

b. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

c. Phát triển thành phần kinh tế tư nhân.

d. Phát triển thành phần kinh tế hợp tác xã.

7. Mùa khô 1966 - 1967 cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh)của địch nhằm mục đích gì?

a. Tiêu diệt quân chủ lực của ta.

b. Tiêu diệt chủ lực quân giải phóng của ta.

c. Tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

d. Thực hiện âm mưu "tìm diệt"và "bình định".

8. Khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" là của ai?

a. Nguyễn Văn Trỗi. b. Nguyễn Viết Xuân.

c. Tự vệ mỏ than Quảng Ninh. d. 12 cô gái Đồng Lộc.

9. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn có gì giống so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ"?

a. Về mục đích của chiến tranh. b. Về vai trò của quân đội Mĩ.

c. Vai trò của quân đội Ngụy. d. Về vai trò của "ấp chiến lược"

10. Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh, Mĩ đã làm gì?

a. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".

b. Tăng vốn đầu tư, kỹ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.

c. Tăng viện trợ quân sự, giúp đỡ quân đội tay sai số lượng và trang bị hiện đại.

d. Bắn phá miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

11. Cuộc tiến công chiến lược 1972 ở miền Nam, diễn ra trong thời gian bao lâu?

a. Từ 3/1972 → cuối 5/1972 b. Từ 3/1972 → cuối 6/1972

c. Từ 5/1972 → cuối 6/1972 d. Từ 4/1972 → cuối 6/1972

'2. Vì sao cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai được xem là một bộ phận của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ?

a. Vì nó hỗ trợ cho chiến lược "Việt Nam hóa ".

b. Vì nó thực hiện âm mưu phá hoại cách mạng miền Bắc để miền Bắc không còn đủ sức chi viện cho Miền Nam.

c. Vì nhằm đối phó với cuộc tiến công của ta và hỗ trợ chiến lược "Việt Nam hóa" đang có nguy cơ phá sản.

d. Vì nhằm tạo thế mạnh "vừa đánh, vừa đàm".

Câu 3. (3điểm)

Em hãy lập bảng so sánh thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 4. (1.5điểm)

Trình bày ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước trong năm đầu sau kháng chiến chống Mĩ thắng lợi.

Đề số 14.

Câu 1.(1.5điểm)

Nêu những nét lớn về tình hình Châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

Câu 2. (1.5 điểm)

Lập niên biểu về các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi.

Câu 3. (7 điểm)

Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 có những khó khăn gì? Đảng và nhân dân ta đối phó với những khó khăn đó như thế nào?

Đề số 15.

Câu 1. (1 điểm)

Lập niên biểu về các giai đoạn phát triển của cách mạng Cu Ba.

Câu 2. (3 điểm)

Nêu nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai? Theo em, nguyên nhân nào là quan trọng nhất và nguyên nhân đó có thể giúp ích cho các nước đang phát triển xây dựng nền kinh tế của mình.

Câu 3. (3điểm)

Lập bảng so sánh về khuynh hướng tư tưởng và hướng phát triển của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 4. (3điểm)

Trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

D. ĐÁP ÁN TRẢ LỜI

I. Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm

CHƯƠNG I

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

BÀI 1

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	9	d
2	d	10	b
3	d	11	d
4	d	12	a
5	b	13	a
6	c	14	d
7	c	15	d
8	c		

BÀI 2

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	6	d
2	b	7	c
3	d	8	c
4	b	9	d
5	b	10	(1.d, 2.c, 3.a, 4. b, 5. e)

CHƯƠNG II.

CÁC NƯỚC Á, PHI, MỸ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 3

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	d	5	d
2	a	6	c
3	(1.b, 2.c, 3.a, 4. đ, 5.e, 6.d, 7.h, 8.g)	7	c
4	c	8	d

BÀI 4

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	6	c
2	b	7	b
3	c	8	d
4	c	9	d
5	d	10	(1.d, 2.e, 3.g, 4.c, 5.a, 6.b)

BÀI 5

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	6	d
2	a	7	c
3	a	8	a
4	(1.c, 2.d, 3.b, 4.a.5.e)	9	b
5	a	10	c

BÀI 6

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	6	c
2	b	7	d
3	d	8	c
4	d	9	d
5	d	10	c

BÀI 7

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	6	c
2	b	7	d
3	b	8	b
4	c	9	b
5	c	10	c

CHƯƠNG III
MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 8

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	6	d
2	a	7	b
3	e	8	b
4	c	9	d
5	b	10	d

BÀI 9

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	6	b
2	a	7	d
3	a	8	c
4	b	9	c
5	d	10	d

BÀI 10

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	6	d
2	b	7	a
3	b	8	c
4	c	9	a
5	c	10	c

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 11

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	6	b
2	a	7	a
3	b	8	d
4	a	9	a
5	d	10	c

CHƯƠNG V
CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KĨ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

BÀI 12

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	6	c
2	a	7	b
3	d	8	b
4	b	9	c
5	b	10	c

BÀI 13

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	c	9	d
2	c	10	b
3	b	11	d
4	b	12	c
5	c	13	a
6	b	14	a
7	d	15	b
8	d		

PHẦN HAI
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919-1930

BÀI 14

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	d	6	b
2	c	7	c
3	a	8	c
4	c	9	b
5	c	10	c

BÀI 15

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	6	b
2	b	7	c
3	a	8	a
4	a	9	c
5	c	10	a

BÀI 16

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	8	c
2	d	9	a
3	c	10	a
4	b	11	b
5	c	12	c
6	b	13	b
7	a	14	b

BÀI 17

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	6	c
2	b	7	d
3	c	8	b
4	b	9	c
5	b	10	d

CHƯƠNG II
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930-1939

BÀI 18

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	d	6	b
2	d	7	d
3	a	8	d
4	b	9	d
5	c	10	g

BÀI 19

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	d	6	a
2	b	7	a
3	d	8	d
4	b	9	d
5	b	10	a

BÀI 20

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	c	6	d
2	b	7	a
3	c	8	a
4	c	9	c
5	b	10	d

CHƯƠNG III
CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

BÀI 21

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	6	c
2	b	7	a
3	b	8	c
4	c	9	d
5	c	10	b

BÀI 22

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	6	d
2	b	7	d
3	b	8	c
4	a	9	c
5	c	10	(1.c, 2.f, 3.g, 4.a, 5.b, 6.d 7.e)

BÀI 23

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	b	6	b
2	b	7	b
3	d	8	a
4	d	9	a
5	b	10	c

CHƯƠNG IV
VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

BÀI 24

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	9	b
2	b	10	d
3	d	11	c
4	d	12	a
5	a	13	b
6	d	14	d
7	c	15	a
8	a		

CHƯƠNG V
VIỆT NAM TỪ CUỐI 1946 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 25

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	9	a
2	d	10	d
3	c	11	c
4	d	12	d
5	a	13	a
6	d	14	c
7	b	15	(1.b, 2.d, 3.f, 4.a, 5.e, 6.c, 7.g, 8.h)
8	a		

BÀI 26

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	9	d
2	a	10	c
3	c	11	d
4	c	12	d
5	a	13	a
6	b	14	a
7	a	15	(1.b, 2.d, 3.a, 4.i, 5.c, 6.e, 7.k, 8.h, 10.g)
8	c		

BÀI 27

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	9	c
2	b	10	d
3	d	11	c
4	b	12	d
5	a	13	d
6	b	14	b
7	c	15	a
8	d		

CHƯƠNG VI
VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

BÀI 28

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	d	11	c
2	b	12	d
3	c	13	b
4	c	14	c
5	d	15	d
6	d	16	a
7	b	17	d
8	a	18	c
9	b	19	c
10	c	20	d

BÀI 29

Câu hỏi	Đáp án	Câu hỏi	Đáp án
1	a	11	c
2	c	12	b
3	c	13	c
4	d	14	b
5	d	15	c
6	d	16	a
7	c	17	c
8	b	18	c
9	d	19	c
10	a	20	c

BÀI 30

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	d	9	c
2	c	10	b
3	b	11	c
4	d	12	d
5	d	13	c
6	b	14	a
7	d	15	c
8	b		

CHƯƠNG VII
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 31

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	c	6	d
2	b	7	d
3	b	8	d
4	c	9	b
5	b	10	d

BÀI 32

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	c	6	a
2	b	7	d
3	d	8	b
4	c	9	d
5	c	10	d

BÀI 33

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	c	6	b
2	d	7	d
3	b	8	b
4	a	9	c
5	a	10	(1,c, 2.h, 3.a, 4.g, 5.b, 6.d, 7.e)

BÀI 34

Câu hỏi	*Đáp án*	*Câu hỏi*	*Đáp án*
1	a	6	d
2	b	7	c
3	b	8	b
4	d	9	c
5	d	10	d

II. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO

Đề số 1.

Câu 1.(3 điểm)

Những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội của các nước châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay:

- Phong trào nổ ra sớm nhất ở vùng Bắc Phi.
- Hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc lần lượt tan rã, các dân tộc châu Phi giành lại được độc lập, chủ quyền.
- Công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội đã thu được nhiều thành tích nhưng chưa đủ sức làm thay đổi bộ mặt châu Phi. Nhiều nước vẫn còn lạc hậu, đói nghèo.
- Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình ngày càng khó khăn và không ổn định: Xung đột, nội chiến đẫm máu, nợ nần và bệnh dịch...

Câu 2. (1 điểm)

- *Mặt tích cực:*

+ Tăng năng suất lao động, thúc đẩy kinh tế phát triển vượt bậc.

+ Đưa nhân loại tiến một bước nhảy vọt trong cuộc sống văn minh, nâng cao đời sống và phát triển con người toàn diện.

+ Giải phóng con người khỏi lao động chân tay nặng nhọc để có thể sáng tạo hơn trong lao động và thay đổi về cơ cấu dân cư lao động.

- *Mặt tiêu cực:*

+ Ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật mới, vũ khí huỷ diệt....

Câu 3. (6điểm)

Công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920-1930:

- Năm 1920: Đọc sơ thảo lần thứ nhất luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tìm được con đường cứu nước đúng đắn: Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.
- 1920-1930: Chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Năm 1921: Ra báo "Người cùng khổ". Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

+ Năm 1923: Sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân, sau đó làm việc ở Quốc tế Cộng sản.

+ Năm 1924: Dự đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V.

Ngoài ra, Người còn viết nhiều bài cho báo Nhân đạo, Đời sống công nhân và viết cuốn sách nổi tiếng "Bản án chế độ thực dân Pháp" → đòn tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân Pháp.

=> Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (chủ yếu trên mặt trận tư tưởng, chính trị), nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta. Thời gian này, tuy chưa thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam, nhưng những tư tưởng Người truyền bá sẽ làm nền tảng tư tưởng của Đảng sau này.

+ Năm 1925: Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây Người tập hợp một số thanh niên Việt Nam hăng hái cách mạng và lập Hội Việt

Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp giảng bài đào tạo họ thành cán bộ Cách mạng... (đây là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam).

+ Năm 1930: Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

Tại hội nghị thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt: Xác định đường lối đúng đắn cho Cách mạng Việt Nam.

Đề số 2.

Câu 1. (2 điểm)

* Nét khác biệt:

- Châu Á, châu Phi đấu tranh chống lại bọn đế quốc thực dân và bọn tay sai để giải phóng dân tộc, giành lại độc lập và chủ quyền.
- Khu vực Mĩ La-tinh đấu tranh chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các chính phủ dân tộc, dân chủ qua đó giành lại độc lập và chủ quyền dân tộc.

* Vì sao?

- Châu Á, châu Phi là thuộc địa, nửa thuộc địa hoặc phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản, độc lập và chủ quyền đã bị mất, nên nhiệm vụ đấu tranh là giành lại độc lập và chủ quyền đã bị mất.
- Khu vực Mĩ La-tinh vốn là những nước Cộng hoà độc lập, nhưng thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ, nên nhiệm vụ đấu tranh là chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các Chính phủ dân tộc dân chủ, qua đó giành lại độc lập và chủ quyền của dân tộc.

Câu 2. (3điểm)

Nội dung so sánh	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Tân Việt Cách mạng đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Chủ trương	Tổ chức cách mạng hướng theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin: Tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ, tiếp đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Làm cách mạng quốc gia, rồi làm cách mạng thế giới (ảnh hưởng chủ trương của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên).	Xây dựng nước Việt Nam phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
Biện pháp cách mạng	Theo gương Cách mạng tháng Mười, đoàn kết với giai cấp vô sản và phong trào cách mạng thế giới	Hoạt động theo hình mẫu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Dùng vũ lực đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập.

Câu 3. (5 điểm)

* *Vì sao Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945?*

- Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc, Đức liên tiếp thất bại, Nhật khốn đốn.
- Thủ đô Pa-ri được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Pa-ri. Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết hoạt động chờ đợi quân Đồng minh.
- Tình thế trên buộc Nhật phải đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương, không cho Pháp ngóc đầu dậy.

** Diễn biến của cao trào kháng Nhật, cứu nước:*

- Vùng thượng du và trung du Bắc Kì: Chiến tranh du kích được đẩy mạnh. Việt Nam Giải phóng quân ra đời. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cả nước.

- Vùng đô thị: Mít tinh, biểu tình, diễn thuyết, các đội danh dự Việt Minh trừ khử Việt gian nguy hiểm.

- Bắc Kì và Bắc Trung Kì: Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.

- Các nhà lao: Chiến sĩ cộng sản vượt ngục...Tù chinh trị Ba Tơ nổi dậy đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và đội du kích Ba Tơ.

- Cao trào kháng Nhật, cứu nước biến thành cao trào tiền khởi nghĩa, đã tạo nên một khí thế sẵn sàng Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

** Thời cơ:*

- Thời cơ là khoảng thời gian có cơ hội để hành động thành công, là sự kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện bên trong với bên ngoài, trong đó điều kiện bên trong giữ vai trò quyết định.

+ Bắt đầu: Từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh, bọn Nhật ở Việt Nam hoang mang, lo sợ.

+ Kết thúc: Khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

- Chủ trương của Hội nghị toàn quốc của Đảng từ 14 đến 15-8-1945, nhận định thời cơ đã tới và phát lệnh Tổng khởi nghĩa.

Đề số 3.

Câu 1. (2 điểm)

* Những biến đổi to lớn của Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

- Các nước Đông Nam Á giành được độc lập.

- Phát triển kinh tế xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn: Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam....

- Trước tháng 4-1975, các nước trong khu vực Đông Nam Á đối đầu với ba nước Đông Dương... sau chuyển dần sang đối thoại và hội nhập, hiện nay đều cùng ở Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

** Biến đổi quan trọng nhất:*

Chuyển sang đối thoại và hội nhập.

Vì: Đây là tổ chức liên minh chính trị-kinh tế-văn hoá nhằm xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hợp tác và phát triển giữa các nước trong khu vực.

Câu 2. (4 điểm)

** Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 6-3-1946 hoà với Tưởng, chống Pháp.*

- Hoà với Tưởng ở miền Bắc:

+ Mềm dẻo: Nhường cho chúng 70 ghế trong Quốc hội khoá I..., cung cấp lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng, nhận tiêu tiền mất giá của chúng...

+ Kiên quyết: Bác bỏ yêu sách đòi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chức, thay đổi quốc kì, quốc ca....Ta đã hạn chế được hành động phá hoại của chúng.

- Chống Pháp ở miền Nam: Nhân dân Nam Bộ với gậy tầm vông, giáo mác nhất tề đứng lên... Cả nước ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

** Từ 6-3-1946 đến 19-12-1946: Hoà với Pháp để gạt Tưởng.*

- Pháp - Tưởng thoả hiệp sau khi Pháp chiếm được Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Ta hoà hoãn với Pháp bằng cách kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, cho Pháp vào miền Bắc thay Tưởng để bớt đi một kẻ thù và có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Hiệp định Sơ bộ:

+ Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.

+ Ta thoả thuận cho quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân đội Tưởng Giới Thạch.

+ Ngừng bắn, chuẩn bị đàm phán ở Pa-ri.

Tạm ước 14-9-1946:

+ Ta công nhận cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hoá ở Việt Nam.

Câu 3. (4 điểm)

	Phong trào công nhân và nông dân 1930-1931	**Phong trào dân tộc, dân chủ 1936-1939**
Mục tiêu đấu tranh	- Chống đế quốc - Chống phong kiến	- Tạm gác nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, phong kiến, thay đổi bằng các khẩu hiệu: - Chống phát xít, chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa và tay sai. - Đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình
Lực lượng tham gia	- Công nhân - Nông dân	- Công nhân - Nông dân - Trí thức - Dân nghèo thành thị - Các đoàn thể, các giới, các lứa tuổi
Phương pháp và hình thức đấu tranh	- Chính trị: Bãi công, biểu tình. - Vũ trang: Đánh phá huyện lị, đồn điền, nhà ga, trại giam...	- Chính trị-Công khai: + Thu thập nguyện vọng của nhân dân... + Xuất bản sách báo... + Hội ái hữu... + Biểu tình, mít tinh... - Bí mật. - Nửa hợp pháp.
Kết quả và ý nghĩa	- Quần chúng hưởng ứng đường lối của Đảng. - Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng - Khẳng định lòng yêu nước của nhân dân. - Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, công nông vùng lên áp đảo	- Phong trào dân tộc, dân chủ rộng lớn. - Thể hiện năng lực thực hiện chính sách mặt trận của Đảng. - Xây dựng được đội quân chính trị đông đảo, cán bộ trưởng thành.

	chính quyền phản động ở nhiều vùng nông thôn, chính quyền Xô-viết quản lí xã hội trong một thời gian ngắn. - Bị thực dân Pháp đàn áp.	- Tổ chức Đảng được củng cố, tăng cường uy tín của Đảng. - Kinh nghiệm xác định nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, kinh nghiệm đấu tranh chính trị...

Đề số 4.

Câu 1. (3điểm)

Trình bày sự phân kì lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay và nêu rõ đặc điểm của từng thời kì lịch sử.

a. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

- Mặc dù còn những thiếu sót, CNXH đã thu được những thành tựu to lớn về nhiều mặt... có tác động to lớn đến sự phát triển của cục diện thế giới.
- Thắng lợi của phong trào GPDT đã làm thay đổi bộ mặt thế giới...
- CNTB có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, khoa học-kỹ thuật và mang những đặc điểm mới.
- Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa "hai cực" Xô-Mĩ diễn ra gay gắt.

b. Nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991.

- Sự khủng hoảng và sụp đổ của một mô hình XHCN chưa đúng đắn ở Liên Xô và Đông Âu...
- Chấm dứt "Chiến tranh lạnh" và xu thế đối đầu, chuyển dần sang xu thế đối thoại

c. Từ năm 1991 đến nay.

- Một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành, xu thế chung hiện nay là hoà bình, ổn định và hợp tác.

Câu 2. (4điểm)

STT	Tên Mặt trận	Thời gian hoạt động	Chủ trương	Kết quả
1	- Mặt trận Phản đế Đông Dương. - Mặt trận Dân chủ Đông Dương.	1936-1939	Chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động Pháp, giành tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh và bảo vệ hoà bình.	Dấy lên một cao trào cách mạng dân tộc, dân chủ rộng lớn: Uy tín của Đảng nâng cao, tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng.
2	Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương.	1939-1941	Chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu, trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít, giành lại độc lập cho toàn thể nhân dân Việt Nam	Dấy lên một cao trào cách mạng rộng lớn, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân để đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt.

3	Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Hợp Quốc dân Việt Nam (Liên Việt)	1941-1951	Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo.	Góp phần rất quan trọng cho Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi
4	Mặt trận Liên Việt	1951-1954	Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo	Góp phần rất quan trọng cho Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi

Câu 3. (3điểm)

* Ta chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược vì:

- Điện Biên Phủ là trung tâm của kế hoạch Na-va.
- Đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ sẽ quyết định số phận của kế hoạch Na-va, mở ra cục diện mới của cuộc kháng chiến.

* Nói chiến thắng Điện Biên Phủ "đã được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa ở thế kỉ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc" vì:

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã dập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện đấu tranh, tạo thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao, buộc Pháp và Mĩ phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hoà bình ở Đông Dương, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mĩ.
- Giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Đề số 5.

Câu 1. (2 điểm)

(1.b 2.c 3.a 4.đ 5.e 6.d 7.h 8.g)

Câu 2. ( )

* Những nét nổi bật của Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

- Thành lập các chính phủ dân tộc dân chủ tiến bộ, có chính sách thoát dần khỏi sự khống chế của Mĩ.
- Không còn là thuộc địa kiểu mới của Mĩ như trước, song vẫn còn một số nước lệ thuộc vào Mĩ.
- Cách mạng Cu Ba là lá cờ đầu....
- Ni-ca-ra-goa: năm 1979, lật đổ chế độ độc tài Xô-mô-xa...

- Lo sợ "một Cu Ba thứ hai" ở Mĩ La-tinh, Mĩ ráo riết chống phá cách mạng Ni-ca-ra-goa, giúp đỡ các thế lực phát động gây nội chiến kéo dài.

- Năm 1990, những người đối lập với mặt trận Xan-đi-nô thắng thế trong cuộc bầu cử tổng thống. Cách mạng Ni-ca-ra-goa gặp khó khăn.

Câu 3. (6 điểm)

* Sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám thể hiện ở các điểm sau:

- Phân tích thời cơ: Nhật đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện, quân Đồng minh chưa kịp vào nước ta, quần chúng sẵn sàng nổi dậy. Đảng đã chuẩn bị đầy đủ sẵn sàng.

- Quyết định kịp thời của Đảng thể hiện các sự kiện:

+ Hội nghị toàn quốc của Đảng (14 đến 15-8-1945);

+ Quốc dân đại hội Tân Trào (16-8-1945).

- Lãnh đạo sáng tạo của Đảng trong khởi nghĩa: Giành chính quyền trong 15 ngày.

* Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám.

- Nguyên nhân thành công:

+ Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất.

+ Tình đoàn kết của tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội, đặc biệt là công nhân và nông dân.

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Nhờ hoàn cảnh thuận lợi: Phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô và Đồng minh đánh bại.

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Đối với dân tộc: Là một biến cố vĩ đại, phá tan hai tầng xiềng xích Pháp-Nhật, lật nhào chế độ phong kiến. Việt Nam trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hoà, đưa nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

+ Đối với thế giới: Thắng lợi của cách mạng đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới.

Đề số 6.

Câu 1. (2điểm)

1.đ	2.d	3.b	4.b	5.đ	6.d	7.a	8.a

Câu 2. (2điểm)

1.a	2.d	3.e	4.g	5.c	6.b	7.f	8.h.

Câu 3. (6điểm)

* Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Sau khi tìm được con đường cứu nước và trở thành người cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá lí luận cách mạng mới về trong nước....

- Từ sau khi xuất hiện ba tổ chức cộng sản, tình trạng chia rẽ về mặt tổ chức diễn ra trong hàng ngũ những người cộng sản Việt Nam. Một yêu cầu cấp thiết được đề ra là phải thống nhất những người cộng sản Việt Nam trong một Đảng duy nhất. Có như thế mới thống nhất được lực lượng quần chúng...

- Trong bối cảnh đó, Hội nghị thành lập Đảng đã được tiến hành ngày 3 tháng năm 1930 tại Hương Cảng dưới sự chủ toạ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Các đại biểu đã phân tích tình hình và nhiệm vụ của Cách mạng Việt Nam, thấy rõ sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng chia rẽ và lập một Đảng thống nhất trong toàn quốc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3-2-1930. Trong Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, trình bày gắn gọn những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam.

* Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam:

- Đề ra đường lối đúng đắn, chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối lãnh đạo.

- Mở đầu thời kì cách mạng Việt Nam do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Đề số 7.

Câu 1. (2 điểm)

a. Chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh.

b. Phi thường.

c. Những thành tựu kì diệu.

d. Những bước nhảy vọt về sản xuất.

e. Mức sống.

f. CMKH-KT

g. Cơ cấu dân cư giảm.

h. Giảm.

Câu 2. (2 điểm)

Thời gian A	Sự kiện B
1. Năm 1919	h. Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vec-xai.
2. Năm 1920	g. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a thành lập.
3. Tháng 12-1922	i. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô-viết ra đời.
4. Tháng 6-1925	b. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
5. 1-1-1938	a. Mít tinh tại quảng trường nhà Đấu Xảo-Hà Nội
6. 1-10-1949	c. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.
7. Năm 1961	d. Liên Xô phóng tàu vũ trụ đưa Ga-ga-rin bay vòng quanh trái đất.
8. Năm 1995	e. Việt Nam gia nhập ASEAN.

Câu 3. (3điểm)

Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam:

-1954-1958:

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị.

+ Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi thị nổ ra khắp nơi nhằm đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử. Địch bối rối tăng cường khủng bố, tàn sát, song phong trào vẫn tiếp tục dâng cao, lan rộng ở các thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng...và các vùng nông thôn, lôi cuốn hàng triệu người tham gia.

- 1958-1959:

Do chính quyền Diệm lộ rõ bộ mặt phản động -> phong trào đấu tranh nhằm chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đòi các quyền tự do, dân chủ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng -> hình thức đấu tranh thay đổi.

- 1959-1960:

Mĩ - Diệm thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", sắc lệnh "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật", thi hành đạo luật 10-59 -> cách mạng bị tổn thất nặng. Với nghị quyết 15 của Đảng -> quần chúng nổi dậy và vũ trang khắp nơi, tiêu biểu là "Đồng khởi" Bến Tre -> đây là bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam -> 20/12/1960 Mặt Trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 4. (3điểm)

* Sự lãnh đạo tài tình của Đảng:

+ Phân tích đúng tình hình, đề ra kế hoạch chính xác, kịp thời, chớp đúng thời c

+ Chỉ đạo tác chiến tài giỏi: Điểm đúng huyệt quân thù, bí mật, bất ngờ, linh hoạt cách đánh trong từng chiến dịch: Đánh Buôn Ma Thuột với phương châm táo bạo, bất ngờ... chiến dịch Hồ Chí Minh: tiến hành bao vây, cô lập, chia cắt địch, diệt địch ở vòng ngoài rồi tiến vào trung tâm tiêu diệt đầu não địch...

+ Phối hợp tài tình giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, chiến trường chính và chiến trường phụ...

* *Nguyên nhân thắng lợi:*

+ Do đường lối chính trị, quân sự, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập và tự chủ của Đảng ta.

+ Sức mạnh đoàn kết chiến đấu của toàn quân và toàn dân ta.

+ Tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương.

+ Sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, các nước anh em và phong trào cách mạng thế giới.

* *Ý nghĩa:*

+ Đây là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

+ Là thắng lợi có tính chất thời đại, mở ra một kỉ nguyên mới, làm đảo lộn chiến dịch toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mĩ.

Đề số 8.

Câu 1. (2.5 điểm)

Giai đoạn	Các sự kiện cơ bản
Từ năm 1946-1949	- Nội chiến giữa Quốc dân đảng - Tưởng Giới Thạch và Đảng Cộng sản Trung Quốc. - Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời (1-10-1949).
Từ năm 1949-1959	- Hoàn thành khôi phục kinh tế (1949-1952). - Hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957).
Từ năm 1959-1978	Đất nước có nhiều biến động: - Năm 1966 bắt đầu "Đại cách mạng văn hoá vô sản".
Từ năm 1978 đến nay	- Tháng 12-1978 đề ra đường lối đổi mới đất nước. - Sau 20 năm cải cách mở cửa, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. - Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với hầu hết các nước trên thế giới.

Câu 2. (1điểm)

Sự kiện chính trị nổi bật nhất của khu vực Đông Nam Á từ đầu những năm 90 đến nay:

Tất cả các nước đã gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Các dân tộc Đông Nam Á đã gắn bó với nhau hơn trong công cuộc hợp tác phát triển vì hoà bình, ổn định và phồn vinh của khu vực.

Câu 3. (2điểm)

Con đường tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với các lớp người đi trước:

- Các bậc tiền bối như Phan Bội Châu chọn con đường sang Nhật Bản để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp.
- Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường sang phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, có khoa học-kĩ thuật và nền văn minh phát triển. Trong quá trình đó, Nguyễn Ái Quốc đã bắt gặp chân lí cứu nước là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Người đã xác định con đường cứu nước đúng đắn duy nhất đối với dân tộc ta là con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Câu 4. (4 điểm)

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919-1925 có ý nghĩa lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam:

- Thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ.
- Tìm ra con đường đúng đắn giải phóng dân tộc Việt Nam.
- Truyền bá tư tưởng cứu nước mới, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, hướng những người yêu nước đi theo con đường đúng đắn.
- Là người đầu tiên đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam vào quỹ đạo chung của cách mạng thế giới, làm cho cách mạng Việt Nam có thêm sức mạnh mới.

* Hoạt động có ý nghĩa quan trọng nhất đối với cách mạng Việt Nam là tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Có đường lối cứu nước đúng đắn, cách mạng Việt Nam mới thành công được.

Đề số 9.

Câu 1. (3 điểm)

Sự phát triển của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

- Công nghiệp: Từ 1945-1950, sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới (56,47% năm 1948), sản lượng công nghiệp tăng 24% mỗi năm.

- Nông nghiệp: Sản lượng tăng 27% so với trước chiến tranh, gấp 2 lần sản lượng của 5 nước: Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại.

- Tài chính: Nắm ¾ trữ lượng vàng của thế giới (24,6 tỉ USD). Trong khoảng 2 thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế, tài chính giàu mạnh nhất thế giới.

* Nguyên nhân của sự phát triển đó:

- Mĩ có những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế:

+ Đất nước không bị chiến tranh tàn phá.

+ Tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào.

- Dựa vào những thành tựu của cách mạng khoa học-kĩ thuật.

- Nền công nghiệp sản xuất vũ khí phát triển cao, Mĩ thu được nhiều thuận lợi trong Chiến tranh thế giới thứ hai (114 tỉ USD).

Câu 2. (2 điểm)

1.c 2.a. 3.c 4.d 5.a 6.a 7.b 8.c

Câu 3. (2.5 điểm)

1.d 2.e 3.a 4.b 5.c 6.k 7.i 8.h 9.g 10.l

Câu 4. (2.5 điểm)

Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mĩ ở miền Bắc; miền Bắc trở thành niềm cổ vũ to lớn. niềm tin vững chắc của nhân dân miền Nam và thắng lợi của cuộc kháng chiến.

- Miền Bắc căn cứ địa cách mạng của cả nước, là hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, cho cả Lào và Cam-pu-chia.

- Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ đã phối hợp với cuộc chiến đấu chống Mĩ ở phía Nam (cả Lào và Cam-pu-chia). Trận "Điện Biên Phủ trên không" buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri và chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, rút quân về nước.

Đề số 10.

Câu 1. (2 điểm)

1.c 2.c 3.b 4.b 5.c 6.b 7.d 8.d

Câu 2. (2điểm)

Sự hình thành trật tự thế giới mới còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố:

- Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới.

- Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật

- Thực lực mọi mặt của Mĩ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp.

- Tuy nhiên, quan hệ quốc tế ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 3. (2điểm)

Niên biểu diễn biến của Cách mạng tháng Tám 1945.

Ngày tháng	Sự kiện
13-8-1945	Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh
14-8-1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng
16-8-1945	Đại hội Quốc dân
19-8-1945	Giành chính quyền ở Hà Nội
23-8-1945	Giành chính quyền ở Huế
25-8-1945	Giành chính quyền ở Sài Gòn
28-8-1945	Cả nước giành chính quyền
2-9-1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập

Câu 4. (4 điểm)

* Xô-viết Nghệ-Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Tổ chức chính quyền: Khi chính quyền địch tan rã ở nhiều địa phương, các Ban Chấp hành nông hội xã đã đứng ra quản lí đời sống. Đây là hình thức của chính quyền Xô-viết.

- Chính sách:

+ Về chính trị: Ban bố thực hiện các quyền tự do, dân chủ, thành lập các đoàn thể quần chúng Nông hội, Công hội, Hội phụ nữ giải phóng.

+ Về kinh tế: Chia lại ruộng dất cho nông dân, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, thực hiện giảm tô, xoá nợ.

+ Về văn hoá, xã hội: Tổ chức đời sống mới, mở các lớp dạy chữ Quốc ngữ, xoá bỏ tệ nạn xã hội.

*Ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930-1931:

- Đây là sự kiện trọng đại của lịch sử nước ta.

+ Lần đầu tiên liên minh công nông được thiết lập để chống đế quốc, phong kiến và đã giáng một đòn mạnh vào nền thống trị của đế quốc, phong kiến.

+ Chứng tỏ sức mạnh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng đánh đổ chính quyền của thực dân phong kiến, xây dựng xã hội mới.

Đây là cuộc diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.

Đề số 11.

Câu 1. (2 điểm)

ASEAN gồm có 11 nước:

Thứ tự	Tên nước	Tên thủ đô
1	Việt Nam	Hà Nội
2	Lào	Viêng - chăn
3	Thái Lan	Băng Cốc
4	Mi-an-ma	Y-an-gun
5	Cam-pu-chia	Phnôm-pênh
6	Ma-lai-xi-a	Cua-la-lăm-pơ
7	Xin-ga-po	Xin-ga-po
8	In-đô-nê-xi-a	Gia-các-ta
9	Phi-lip-pin	Ma-ni-la
10	Brù-nây	Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oăn
11	Đông - Timo	Đi-li

Câu 2. (2điểm)

1.d 2.đ 3.c 4.a 5.b 6.c 7.c 8.b

Câu 3. (1,5điểm)

Nói sự thành lập Đảng là yêu cầu cấp thiết của Cách mạng Việt Nam là vì:

- Phong trào cách mạng dân tộc, dân chủ đã phát triển khắp cả nước.
- Sự hoạt động riêng lẻ của ba tổ chức cộng sản gây trở ngại cho phong trào chung.
- Yêu cầu thực tiễn đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

Câu 4. (4điểm)

* Giống nhau:

- Xác định được nhiệm vụ cách mạng Việt Nam.
- Xác định được mâu thuẫn chủ yếu của dân tộc.
- Xác định được động lực của cách mạng Việt Nam.

* *Khác nhau:*

Cương lĩnh chính trị đầu tiên	Luận cương chính trị năm 1930
- Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền: Chống đế quốc, phong kiến. - Lực lượng cách mạng tư sản dân quyền: Công, nông, liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông. - Vị trí của cách mạng Việt Nam: Là một bộ phận của cách mạng thế giới.	- Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến. - Lực lượng cách mạng tư sản dân quyền: công, nông. Phương pháp cách mạng: tập hợp, tổ chức quần chúng đấu tranh. - Vị trí của cách mạng Việt Nam: quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.

Qua bản so sánh, ta thấy Luận cương chính trị đã tiếp thu những vấn đề cơ bản của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và bổ sung thêm vấn đề phương pháp cách mạng, song hai vấn đề nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền còn có hạn chế.

Đề số 12.

Câu 1. (3điểm)

Phân kì lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay và đặc điểm của từng thời kì lịch sử:

* Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX:

- Mặc dù còn những thiếu sót, chủ nghĩa xã hội đã thu được những thành tựu to lớn về mọi mặt,... có tác động to lớn vào sự phát triển của cục diện thế giới.
- Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc đã làm thay đổi bộ mặt thế giới...
- Chủ nghĩa tư bản có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, khoa học-kĩ thuật và mang những đặc điểm mới.
- Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc và đấu tranh giữa "hai cực" Xô-Mĩ diễn ra gay gắt.

* Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:

- Sự khủng hoảng và sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn ở Liên Xô và Đông Âu...
- Chấm dứt "chiến tranh lạnh" và xu thế đối đầu, chuyển dần sang xu thế đối thoại...

* Từ năm 1991 đến nay:

Một trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành.

Câu 2. (2điểm)

Nội dung	1930-1931	1936-1939
Kẻ thù	Đế quốc phong kiến	Phản động Pháp và tay sai
Nhiệm vụ (Khẩu hiệu)	- Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc. - Chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày	- Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc và phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình
Hình thức, phương pháp đấu tranh	- Bí mật, bất hợp pháp. - Bạo động, vũ trang	Hợp pháp, công khai, nửa công khai.
Lực lượng đấu tranh	Công nhân, nông dân	Đông đảo quần chúng: Công nhân, nông dân, tiểu tư sản

Câu 3. (2.5điểm)

1.a 2.b 3.b 4.d 5.d 6.d 7.c 8.b 9.c 10.d

Câu 4. (2.5điểm)

Thời gian	Sự kiện
Năm 1919	Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vec-xai
Tháng 6-1925	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
Ngày 10-19/5/1941	Hội nghị TW Đảng lần thứ 8
Ngày 9-3-1945	Nhật đảo chính Pháp

Ngày 7-5-1954	Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc
Tháng 12-1972	Trận "Điện Biên Phủ trên không"
Ngày 27-1-1973	Kí hiệp định Pa-ri về chấm dứt Chiến tranh ở Việt Nam
Tháng 9-1977	Việt Nam tham gia Liên Hợp Quốc
Ngày 26-4-1975	Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu
Tháng 12-1986	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đề số 13.

Câu 1. (2.5điểm)

* Những biến đổi to lớn của châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

- Giành được độc lập.

- Phát triển kinh tế xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn: Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam...

- Trước tháng 4-1975, quan hệ các nước ở khu vực Đông Nam Á với ba nước Đông Dương căng thẳng, đối đầu, sau chuyển dần sang đối thoại và hội nhập, hiện nay đều cùng ở Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

* Biến đổi quan trọng nhất: Chuyển từ đối đầu sang đối thoại và hội nhập.

* Vì: Đây là tổ chức liên minh chính trị-kinh tế-văn hoá nhằm xây dựng những mối quan hệ hoà bình, hợp tác và phát triển giữa các nước trong khu vực.

Câu 2. (3điểm)

1.d2.b 3.c 4.b 5.d 6.b 7.c 8.b 9.a 10.b
11.b 12.c

Câu 3. (3điểm)

Các giai cấp	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp
Địa chủ, phong kiến	- Câu kết chặt chẽ với đế quốc, bóc lột và đàn áp nông dân. - Một bộ phận có tinh thần yêu nước, tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện
Tư sản – Tư sản dân tộc	- Có tinh thần chống đế quốc, phong kiến nhưng không kiên định.
Tư sản – Tư sản mại bản	- Câu kế chặt chẽ về chính trị với đế quốc
Tiểu tư sản (trí thức, học sinh, sinh viên)	- Có tinh thần hăng hái cách mạng - Là lực lượng quan trọng trong cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta
Nông dân	Là lực lượng hăng hái, đông đảo nhất của Cách mạng
Công nhân	Là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam

Câu 4. (1.5điểm)

Ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước trong năm đầu sau kháng chiến chống Mĩ thắng lợi:

- Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của nhân dân.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Tạo điều kiện để mở rộng quan hệ quốc tế đối với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đề số 14.

Câu 1. (1.5điểm)

Tình hình châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay:

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á đều là thuộc địa, nửa thuộc địa của tư bản phương tây.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc diễn ra liên tục, quyết liệt. Hầu hết các nước đã giành được độc lập.
- Sau khi giành được độc lập, một số nước lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa như ở Trung Quốc, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Việt Nam, còn phần đông đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. (1.5điểm)

Niên biểu về các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi:

Thời gian	Kết quả của phong trào giải phóng dân tộc
Từ năm 1945 đến giữa những năm 60	Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân về cơ bản đã bị sụp đổ.
Từ những năm 60 đến giữa những năm 70	Các thuộc địa của Bồ Đào Nha ở châu Phi đã giành được độc lập.
Từ những năm 70 đến giữa những năm 90	Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị sụp đổ hoàn toàn.

Câu 3. (7điểm)

* *Sau Cách mạng tháng Tám, nước ta đứng trước tình hình khó khăn phức tạp:*

- Nạn đói đầu năm 1945 chưa chấm dứt hẳn, tháng 8-1945 xảy ra nạn lụt và hạn hán nên bị mất mùa, gạo ở miền Nam không chở ra miền Bắc được vì Pháp đã trở lại xâm chiếm Sài Gòn.
- Nạn dốt: Hơn 90% dân số bị mù chữ. Nạn thất nghiệp, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội lan tràn.
- Tài chính: Ngân hàng Nhà nước trống rỗng, giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn.
- Nạn ngoại xâm:

+ Theo sự thoả thuận của các nước Đồng minh, từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm, từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân Anh kéo vào Việt Nam để tước khí giới của Nhật -> cả Anh và Tưởng đều là kẻ thù của cách mạng.

+ Anh che chở và giúp sức cho Pháp quay trở lại xâm chiếm Nam Bộ. Tưởng kéo theo tay chân chống phá, gây sức ép đòi Chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí

Minh đứng đầu phải từ chức, mặt khác chúng còn phá rối trật tự an ninh, bắt cóc, tống tiền, ám sát cán bộ...

** Đảng và nhân dân ta đã:*

- Giải quyết nạn đói: ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời phát động hai phong trào: Phong trào tiết kiệm "nhường cơm sẻ áo" và phong trào tăng gia sản xuất.

- Giải quyết nạn dốt: Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ. Kết quả đến tháng 9-1946, hai triệu rưỡi người đã thoát nạn mù chữ.

- Tài chính: Xây dựng "Quỹ độc lập", "Tuần lễ vàng", ngày 31-1-1946 chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

- *Giải quyết với kẻ thù:*

- Đối với Tưởng Giới Thạch: Ta chủ trương hoà hoãn với Tưởng Giới Thạch, thoả mãn một số yêu cầu của chúng như: Mở rộng Chính phủ lâm thời, cho tay chân của Tưởng Giới T! ..ch tham gia, nhường 70 ghế trong Quốc hội cho Tưởng, cung cấp cho quân đội Tưởng một phần lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền "quan kim", "quốc tế".

Mặt khác Chính phủ đã ban hành sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng và trừng trị chúng.

- Đối với Pháp: (từ 6-3-1946 đến trước 19-12-1946), trước tình hình Tưởng đàm phán với Pháp, kí hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) để cho Pháp thay quân Tưởng ở miền Bắc nhằm đẩy nhanh quân Tưởng và tay sai ra khỏi nước ta và tránh một cuộc chiến tranh tức thời với Pháp mà ta chưa chuẩn bị kịp, Chính phủ ta chủ trương hoà hoãn với Pháp, bằng cách kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, để có thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp nhất định sẽ bùng nổ.

Đề số 15.

Câu 1. (1điểm)

Niên biểu về các giai đoạn của Cách mạng Cu Ba:

Thời gian	Sự kiện
Tháng 7-1953	Tấn công pháo đài Môn-ca-đa.
Tháng 11-1956	Phi-đen Ca-xtơ-rô và 81 chiến sĩ trở về nước, xây dựng căn cứ cách mạng.
Cuối năm 1958	Các binh đoàn cách mạng do Phi-đen Ca-xtơ-rô chỉ huy đã mở các cuộc tấn công về thủ đô La Ha-ba-na.
Ngày 1-1-1959	Chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng thắng lợi.

Câu 2. (3điểm)

**Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản:*

- Biết tận dụng nguồn vốn của nước ngoài, ít chi phí quân sự, biên chế bộ máy nhà nước gọn nhẹ... để tập trung đầu tư vào các ngành kinh tế then chốt.

- Tận dụng thành tựu Cách mạng khoa học-kĩ thuật.

- Không ngừng mở rộng thị trường trên toàn thế giới.

- Tác dụng tích cực của những cải cách dân chủ sau Chiến tranh.

- Truyền thống "tự lực, tự cường".

* *Nguyên nhân quan trọng nhất*

- Đó là: Tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng khoa học-kĩ thuật.

- Giúp các nước đang phát triển: Nhận rõ vai trò quan trọng của cuộc Cách mạng khoa học-kĩ thuật trong việc xây dựng nền kinh tế của mình.

Câu 3. (3điểm)

Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

* *Ý nghĩa lịch sử:*

- Đối với nước ta:

+ Kết thúc hơn 80 năm thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật: chấm dứt chế độ phong kiến kéo dài gần một ngàn năm.

+ Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người tự do, làm chủ nước nhà.

+ Mở ra một kỉ nguyên mới: Độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Đối với thế giới:

+ Thắng lợi đầu tiên của một nước thuộc địa.

+ Cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa, góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

* *Nguyên nhân thắng lợi:*

- Truyền thống yêu nước và sức mạnh đoàn kết chiến đấu của toàn dân ta.

- Sự lãnh đạo của Đảng: Kiên trì chuẩn bị lực lượng; chủ động đón và chớp thời cơ; kịp thời dũng cảm phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền...

- Hoàn cảnh quốc tế thuận lợi: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đánh bại phát xít Nhật...

Câu 4. (3điểm)

So sánh	**Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên**	**Tân Việt Cách mạng đảng**	**Việt Nam Quốc dân đảng**
Thời gian thành lập	6-1925	Đầu những năm 20 của thế kỉ XX	25-12-1927
Khuynh hướng tư tưởng	Cách mạng vô sản	Cách mạng dân tộc dân chủ-cải lương	Cách mạng dân tộc dân chủ tư sản
Hướng phát triển	Thành lập Đảng Cộng sản	Cách mạng vô sản, thành lập Đảng Cộng sản	Tan rã

MỤC LỤC

PHẦN MỘT:

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1945 ĐẾN NAY

PHẦN HAI:

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9718312; (04) 7547936. Fax: (04) 9714899
E-mail: nxb@vnu.edu.vn

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: NGUYỄN VĂN THẢO

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: THÁI VĂN

KIẾN THỨC CƠ BẢN LỊCH SỬ 9

Mã số: 2L - 05 ĐH 2006

In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Xưởng in Chi nhánh Công ti Phát triển Công nghệ và Truyền hình - TP. Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 263 - 2006/CXB/ 9 – 42/ĐHQGHN, ngày 12/04/2006.

Quyết định xuất bản số: 237 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.